

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN
VĨ NHAI
(1930 — 1954)

BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨ NHAI

Kinh Bắc

Thị ủy: Thị xã Sông Công

Tên ban: KHÁC THIỆN

Số ban in: THANH KHÔI — NGUYỄN THĂNG

Ảnh: Ban NCSĐ Bắc Thái

và Huyện ủy Võ Nhai

Ban in: DƯƠNG TÂM

HỘI ĐỒNG BAN CHỈ ĐẠO
VĂN HỌC
(1950 — 1951)

Chịu trách nhiệm bản thảo: TRIỆU QUANG

Biên soạn: — NGUYỄN XUÂN MINH (chủ biên)

— VŨ THANH KHÔI

Đọc bản thảo lần cuối:

— PHẠM TẮT QUYNH —

Trưởng tiểu ban NCLSD Bắc Thái

Trình bày bìa: KHẮC THIỆN

Sửa bản in: THANH KHÔI — NGUYỄN THĂNG

Ảnh: Ban NCLSD Bắc Thái

và Huyện ủy Võ Nhai

Bản đồ: DƯƠNG TÂM

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN
VÕ NHAI

(1930 – 1954)

LỊCH SỬ DƯƠNG BỘ

HUYỆN

VĨNH NHAI

(1930 - 1954)

...chính quyền là chức năng chính của Đảng
...đang lãnh đạo...

Được Tỉnh ủy Bắc Thái nhất trí và tạo điều kiện giúp
Đảng bộ Võ Nhai được thành lập từ cuối
năm 1930, ngày nay và hiện nay của Đảng
Đảng bộ Võ Nhai giải phóng 1930 - 1954

LỜI GIỚI THIỆU

Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai đã từng tham gia
các công việc và kiến dựng hợp quần của các
chuyên môn của Đảng Tỉnh ủy
sự chúng tôi nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao và

Nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai vốn giàu lòng
yêu nước, đoàn kết chống ngoại xâm, đấu tranh kiên
cường bất khuất vì độc lập, tự do của dân tộc. Trong suốt
quá trình đấu tranh cách mạng dưới ngọn cờ của Đảng,
nhân dân Võ Nhai đã góp phần cùng nhân dân cả nước
lập nên những chiến công oanh liệt trong sự nghiệp giải
phóng dân tộc, xây dựng đất nước, viết nên những trang
sử vẻ vang hào hùng làm rạng rỡ non sông đất nước.

Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai rất tự hào về mảnh
đất quê hương căn cứ địa cách mạng, nơi ra đời trung
đội cứu quốc quân II — tổ chức tiền thân của quân đội
nhân dân Việt Nam — nơi diễn ra « tám tháng chiến tranh
du kích anh dũng » và là nơi được Bác Hồ, Trung ương
Đảng và Xứ ủy Bắc kỳ đến hoạt động lãnh đạo cuộc Cách
mạng tháng 8, kháng chiến chống thực dân Pháp, chống
phát xít Nhật thắng lợi.

Đựng lại một cách trung thực, có hệ thống quá trình
xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ Võ Nhai từ năm
1930 đến 1954 là việc làm cần thiết, có ý nghĩa to lớn,
làm cơ sở cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai
ôn lại và phát huy sức mạnh truyền thống trong giai đoạn
cách mạng mới, củng cố lòng tin đối với Đảng, quyết tâm
đi theo Đảng làm cách mạng đem lại cuộc sống ấm no
và hạnh phúc.

Cuốn sử nhằm ghi lại một chặng đường đấu tranh vô
cùng gian khổ, quyết liệt, đầy hy sinh anh dũng của đồng
chí và đồng bào đề có Đảng ra đời, quá trình xây dựng
và trưởng thành của Đảng bộ Võ Nhai trong cách mạng
giải phóng dân tộc; nhằm tổng kết những bài học quý báu
về xây dựng cơ sở cách mạng, xây dựng Đảng, giành và

giữ chính quyền, tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi v.v...

Được Tỉnh ủy Bắc Thái nhất trí và tạo điều kiện giúp đỡ, Ban Thường vụ huyện ủy Võ Nhai quyết định tổ chức sưu tầm, nghiên cứu và biên soạn cuốn: « Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai giai đoạn 1930 — 1954 ».

Trong quá trình khai thác tư liệu và biên soạn cuốn sử, chúng tôi nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao về chuyên môn của cơ quan nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Bắc Thái, cùng nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân đã từng tham gia hoạt động tại Võ Nhai trong giai đoạn lịch sử này.

Nhan dịp cuốn « Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai 1930—1954 » ra mắt bạn đọc, thay mặt Đảng bộ Võ Nhai tôi chân thành cảm ơn tất cả các cơ quan, các đồng chí và đồng bào đã từng tham gia ý kiến đóng góp xây dựng trong quá trình sưu tầm, biên soạn và xuất bản cuốn lịch sử Đảng bộ huyện.

Lịch sử ra đời và trưởng thành của Đảng bộ huyện Võ Nhai gắn liền với sự nghiệp cách mạng của quần chúng nhân dân trong huyện, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, sự giúp đỡ của nhân dân các huyện, tỉnh bạn. Nhưng do thời gian có hạn, nhất là việc sưu tầm tư liệu có nhiều khó khăn nên chắc chắn nội dung cuốn sách còn nhiều thiếu sót, chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí, đồng bào và bạn đọc gần xa để cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

ĐẢNG BỘ HUYỆN VÕ NHAİ — BẮC THÁI

BÍ THƯ

TRIỆU QUANG



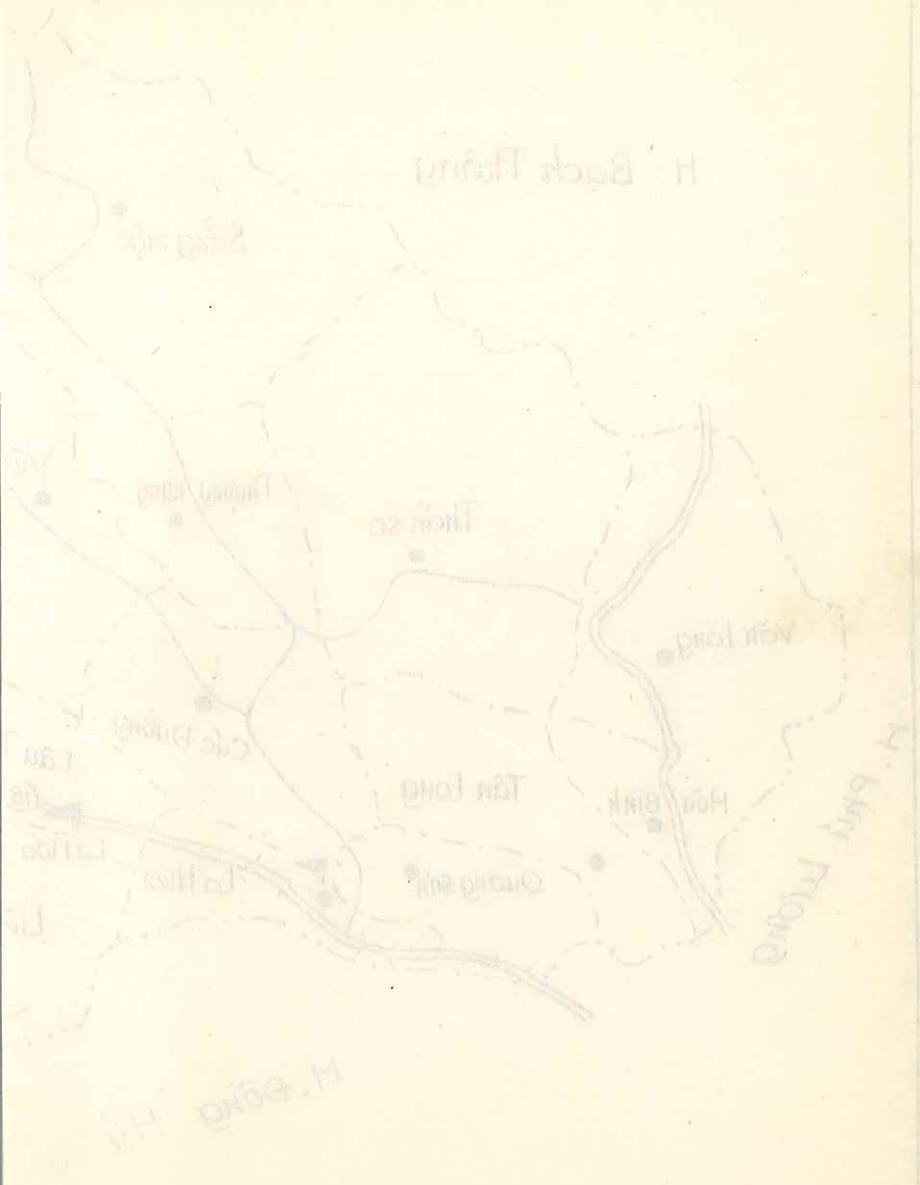


Đồng chí HOÀNG QUỐC VIỆT

Ủy viên Ban thường vụ Trung ương Đảng,

người trực tiếp giao nhiệm vụ cho CCQH ngày 15-9-1941.

HUYEN



HUYỆN

H. Bạch Thông

Sảng Mộc

Thần sa

Thượng nung

Văn lãng

Cúc Đường

Tân Long

Hòa Bình

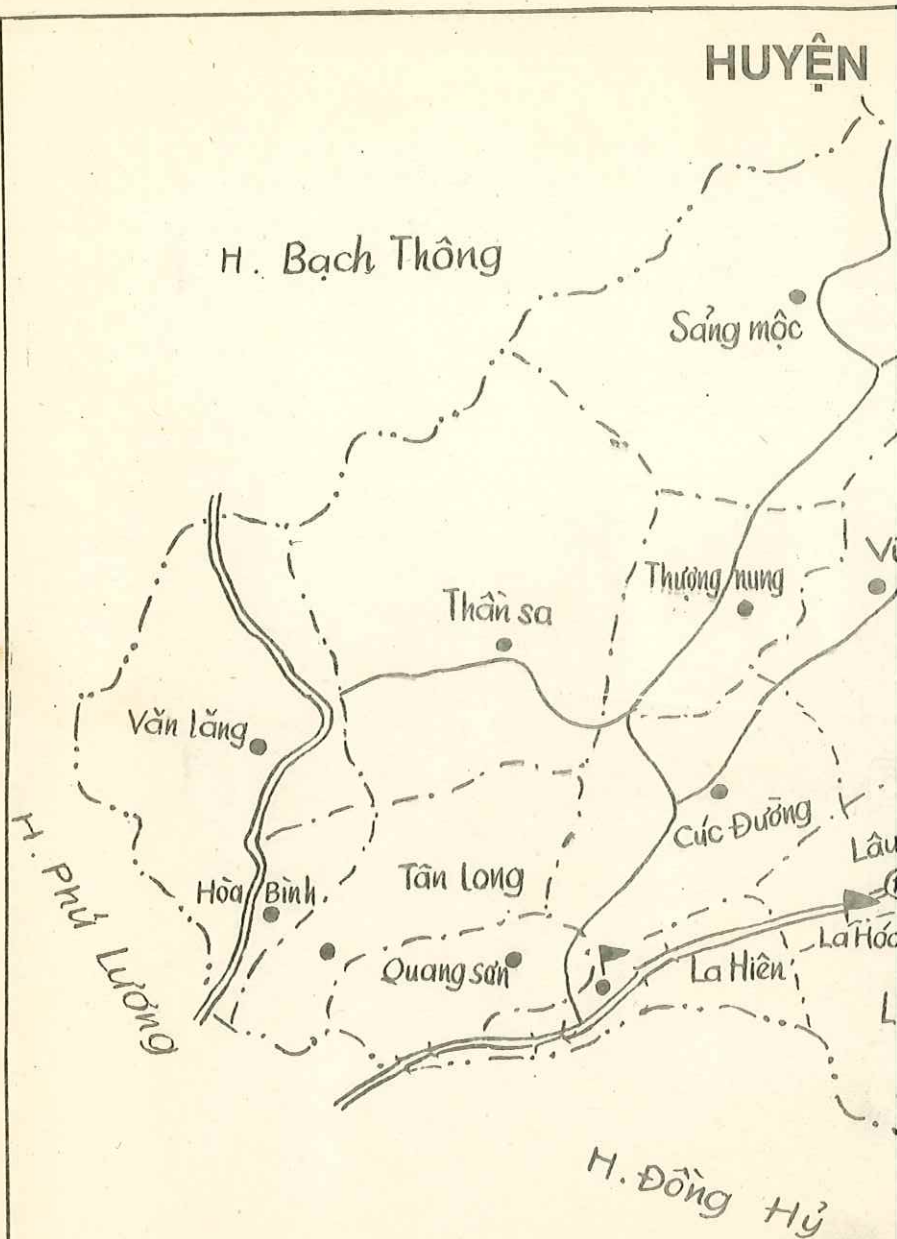
Quang sơn

La Hiền

La Hóc

H. Đông Hỷ

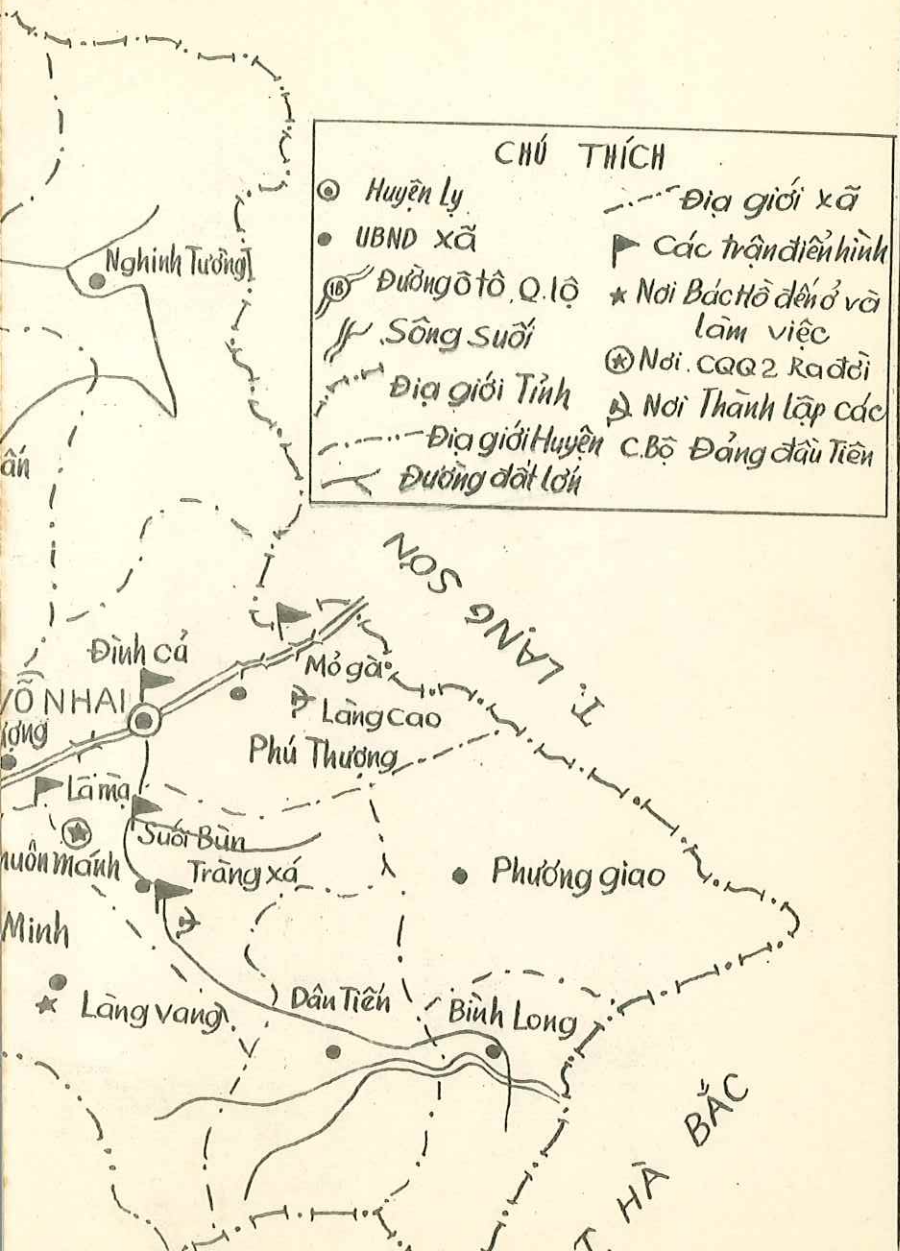
H. Phú Lương



VĨNH NHAI

CHÚ THÍCH

- ⊙ Huyện lỵ
- UBND xã
- Ⓚ Đường ô tô, Q. lộ
- 〰 Sông suối
- ⋯ Địa giới Tỉnh
- ⋯⋯ Địa giới Huyện
- ⚡ Đường dật lờn
- ⋯⋯⋯ Địa giới xã
- ▶ Các trận diễn hình
- ★ Nơi Bác Hồ đến ở và làm việc
- ⊛ Nơi C.A.Q 2 Ra đời
- ⚡ Nơi Thành lập các C.Bộ Đảng đầu Tiên



Ô NHAI

Chu Trìch
 ① Mũi Lũy
 ② Mũi Lũy
 ③ Mũi Lũy
 ④ Mũi Lũy
 ⑤ Mũi Lũy
 ⑥ Mũi Lũy
 ⑦ Mũi Lũy
 ⑧ Mũi Lũy
 ⑨ Mũi Lũy
 ⑩ Mũi Lũy
 ⑪ Mũi Lũy
 ⑫ Mũi Lũy
 ⑬ Mũi Lũy
 ⑭ Mũi Lũy
 ⑮ Mũi Lũy
 ⑯ Mũi Lũy
 ⑰ Mũi Lũy
 ⑱ Mũi Lũy
 ⑲ Mũi Lũy
 ⑳ Mũi Lũy
 ㉑ Mũi Lũy
 ㉒ Mũi Lũy
 ㉓ Mũi Lũy
 ㉔ Mũi Lũy
 ㉕ Mũi Lũy
 ㉖ Mũi Lũy
 ㉗ Mũi Lũy
 ㉘ Mũi Lũy
 ㉙ Mũi Lũy
 ㉚ Mũi Lũy
 ㉛ Mũi Lũy
 ㉜ Mũi Lũy
 ㉝ Mũi Lũy
 ㉞ Mũi Lũy
 ㉟ Mũi Lũy
 ㊱ Mũi Lũy
 ㊲ Mũi Lũy
 ㊳ Mũi Lũy
 ㊴ Mũi Lũy
 ㊵ Mũi Lũy
 ㊶ Mũi Lũy
 ㊷ Mũi Lũy
 ㊸ Mũi Lũy
 ㊹ Mũi Lũy
 ㊺ Mũi Lũy
 ㊻ Mũi Lũy
 ㊼ Mũi Lũy
 ㊽ Mũi Lũy
 ㊾ Mũi Lũy
 ㊿ Mũi Lũy



BẮC

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

HUYỆN VÕ NHAİ: QUÊ HƯƠNG VÀ CON NGƯỜI

Theo sử cũ, vào đời nhà Lý, Võ Nhai có tên gọi là châu Vạn Nhai. Thời thuộc Minh (1407 — 1427) đổi thành châu Vũ Lễ. Đời Lê Thuận Thiên đổi thành huyện Võ Nhai, thuộc phủ Phú Bình, do phiến thần họ Ma nối đời cai quản. Đầu đời Nguyễn Gia Long vẫn theo như thế; đến năm Minh Mệnh thứ 16 (1836) huyện Võ Nhai gồm 8 tổng và 29 xã, trại, cai trị theo chế độ lưu quan.

Võ Nhai trước đây bao gồm cả địa phận Bắc Sơn. Từ năm 1894, thực dân Pháp tách ra thành hai châu Bắc Sơn thuộc tỉnh Lạng Sơn và Võ Nhai thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay, Võ Nhai là một huyện thuộc tỉnh Bắc Thái; phía Bắc giáp huyện Na Rì, phía Tây và Tây Bắc giáp huyện Phú Lương (Bắc Thái), phía Đông và Đông Bắc giáp 2 huyện Bắc Sơn và Bình Gia (Lạng Sơn), phía Đông giáp huyện Hữu Lũng (Lạng Sơn), phía Nam giáp huyện Yên Thế (Hà Bắc) và phía Tây Nam giáp huyện Đông Hỷ (Bắc Thái).

Võ Nhai có hai vùng chủ yếu. Vùng núi có địa hình phức tạp, đi lại khó khăn, phần nhiều là rừng rậm. Xen kẽ giữa các vùng núi đất là những dãy núi đá, chủ yếu là núi đá vôi. Các dãy núi đá có độ cao trung bình từ 500 mét đến 800 mét, cao nhất là ngọn Khau Nao

(885 mét) xã Nghinh Tường. Miền này xuất hiện nhiều suối ngầm (hiện tượng cas-to) do đó thường gây nên hạn hán nghiêm trọng. Quang cảnh nơi đây hùng vĩ, núi đá cheo leo, có nhiều hang động ăn sâu vào trong lòng núi, như hang Phượng Hoàng (Mỏ Gà), hang Pja Khao. Với địa thế hiểm trở đó, vùng này rất thuận tiện cho việc xây dựng căn cứ trong thời kỳ bí mật cũng như cho việc thực hiện chiến tranh du kích. Vùng núi thấp và đồi ở phía nam huyện mang tính chất điển hình của vùng trung du. Địa hình vùng này phần lớn là những dãy đồi đỉnh tròn hình bát úp. Càng về phía nam huyện thì độ cao càng giảm dần và địa hình càng dốc thoải.

Địa hình Võ Nhai bị cắt bởi hai mạch núi thấp. Mạch núi thấp Yên Lạc chạy theo hướng Đông Bắc — Tây Nam, dọc theo ranh giới Bắc Thái — Lạng Sơn và dừng lại ở cánh đồng Võ Nhai. Mạch núi thấp Bắc Sơn bắt đầu từ núi Bắc Sơn (Lạng Sơn) kéo dài xuống Võ Nhai, Đông Hỷ. Hai mạch núi thấp này đã tạo ra khí hậu khắc nghiệt hơn các vùng khác, nóng nhiều về mùa hè, mùa đông thường có sương muối xuất hiện. So với nhiều địa phương trong tỉnh, mùa lạnh ở Võ Nhai thường đến sớm hơn và kéo dài hơn. Sự chênh lệch nhiệt độ không khí giữa mùa đông và mùa hè khá lớn: tháng 1 là $14,9^{\circ}\text{C}$, tháng 7 là $27,9^{\circ}\text{C}$ ¹. Vào mùa hè, trong những ngày nóng, nhiệt độ cao kèm theo độ ẩm lớn rất có hại cho sinh lý cây trồng, sức khỏe của con người và gia súc. Vào thời kỳ đầu và cuối mùa hè, thường gặp các đợt không khí lạnh tràn về, làm cho nhiệt độ đột ngột hạ thấp, có ảnh hưởng xấu đến năng suất lúa.

Tuy nhiên, Võ Nhai nằm trong khu vực nhiều mưa. Lượng mưa trung bình hàng năm ở Võ Nhai tương đối

1. Đặc điểm khí hậu tỉnh Bắc Thái — Ủy ban khoa học và kỹ thuật tỉnh Bắc Thái xuất bản 1986 — trang 38.

lớn (1889 mm/năm). Lượng mưa dồi dào là một thuận lợi đối với sản xuất nông nghiệp, đồng thời nó làm dịu mát không khí nóng nực trong mùa hè.

Võ Nhai nằm trên con đường 1B, nối liền Thái Nguyên với Lạng Sơn. Từ Võ Nhai, người ta có thể dễ dàng qua Thái Nguyên đi về thủ đô Hà Nội hoặc ngược lên phía Bắc, qua Lạng Sơn đi ra nước ngoài. Ngoài con đường 1B, ở phía Nam và Tây Nam còn có con đường mòn xuyên sơn chạy từ miền rừng núi Bắc Sơn, qua Võ Nhai xuống vùng trung du và vùng xuôi.

Xem thế đủ thấy Võ Nhai có một vị trí chiến lược quan trọng, là nơi dựng binh hiểm yếu « tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ ».

Võ Nhai không có nhiều sông lớn. Dòng sông Cầu chảy ở phía Tây huyện tạo thành ranh giới tự nhiên giữa hai huyện Võ Nhai và Phú Lương. Sông Dong bắt nguồn từ núi Vũ Lễ, chảy quanh co vào phía nam Tràng Xá, rồi vào địa phận huyện Hữu Lũng (Lạng Sơn). Trong phạm vi huyện cũng có nhiều suối nhỏ nhưng nhiều ghềnh thác, nên không thuận lợi về giao thông.

Tài nguyên thiên nhiên của Võ Nhai khá phong phú. Từ thế kỷ XV, mỏ đồng ở Sáng Mộc, mỏ kẽm ở Bắc Lâu, mỏ chì ở Vũ Chấn... đã được khai thác. Mỏ vàng cũng có ở nhiều nơi. Sử cũ chép rằng: huyện Võ Nhai có mỏ vàng Kim Hỷ (nay thuộc huyện Na Rì), mỗi năm nộp thuế 20 lạng, mỏ Thuần Mang mỗi năm nộp thuế 13 lạng, mỏ Sáng Mộc mỗi năm nộp thuế 9 lạng. Mỏ kẽm ở Làng Nho mỗi năm nộp thuế 600 cân¹. Trong các khu rừng già có nhiều loại gỗ tốt: nghiến, táu, sến, lim, trai... và các loại thú quý: hổ, báo, gấu, hươu, nai v.v.

1. Đại Nam nhất thống chí — tập IV — Nhà xuất bản KHXH — H. 1971, trang 171.

Võ Nhai có diện tích tự nhiên là 945km², bao gồm 18 xã¹. Sinh sống trên vùng đất này có 48299 người, thuộc 8 dân tộc anh em, trong đó có 5 dân tộc có số dân đông hơn cả là: Kinh (17589 người), Nùng (11510 người), Tày (10802 người), Dao (5506 người) và Cao Lan — Sán Chí (2289 người)². Đồng bào các dân tộc sinh sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng và khai thác lâm thổ sản. Ngoài việc cấy lúa, nhân dân trong vùng còn trồng các loại hoa màu: ngô, khoai, sắn và các loại đỗ. Sống gần gũi với thiên nhiên, núi rừng, người dân ông ở đây giỏi nghề săn bắn, đàn bà giỏi nghề thủ công đan lát, dệt vải. Lụa thổ, trịu thổ ở Võ Nhai từ lâu đã nổi tiếng bền, đẹp, được sử cũ nhắc đến.

Nhân dân các dân tộc Võ Nhai vốn có lịch sử lâu đời. Thành tựu khảo cổ học trong những năm gần đây cho biết, tại các miền núi đá, trong các hang động thuộc các xã: Thần Sa, Thượng Nung, Sáng Mộc, Quang Sơn, Bình Long, Vũ Chấn có các di chỉ thuộc văn hóa Thần Sa (đồ đá cũ), văn hóa Hòa Bình (đồ đá giữa), văn hóa Bắc Sơn (đồ đá mới) và đồ đồng Đông Sơn. Những hiện vật tìm thấy ở di chỉ Thần Sa đã khẳng định miền đất này là một trong những cái nôi đầu tiên sinh ra con người thượng cổ. Các bộ tộc người nguyên thủy sinh sống bằng nghề hái lượm và săn bắt. Trải qua một quá trình dài hàng mấy thế kỷ, dân số tăng lên, nguồn thức ăn cạn dần, họ di dọc theo các triền sông, khe suối, mở rộng địa bàn cư trú. Ngược lại, cũng có những bộ phận khác di cư tới, sinh cơ lập nghiệp và trở thành chủ thể của vùng này. Theo truyền thuyết, từ những năm 40 của thế kỷ I sau công nguyên, khi cuộc khởi nghĩa hai Bà Trưng thất bại,

1. Từ 1-6-1985: cắt 4 xã: Tân Long, Hòa Bình, Quang Sơn và Văn Lãng về huyện Đông Hồ.

2. Theo điều tra dân số ngày 1-4-1989.

có một số nghĩa quân chạy về nơi đây khai khẩn ruộng nương, xây dựng làng bản. Về sau, dân số Võ Nhai ngày càng tăng dần do những đợt di cư của đồng bào Tây, Nùng từ phía Bắc tràn xuống và nhiều gia đình từ miền xuôi lên.

So với nhiều nơi khác trong tỉnh, khí hậu, đất đai ở Võ Nhai có phần khắc nghiệt hơn. Chính trong hoàn cảnh đó, dù phong tục tập quán có những nét riêng, nhưng nhân dân các dân tộc ở đây có mối quan hệ đoàn kết, thương yêu đùm bọc nhau. Tính cộng đồng, hợp tác và tinh thần tương thân, tương ái không chỉ bó hẹp trong phạm vi một dân tộc, một dòng họ hay trong một địa phương nhỏ hẹp, mà mở rộng ra các vùng ở ngoài huyện. Cùng với tình họ hàng, tình đồng tộc vốn được đồng bào trân trọng, tình làng, nghĩa xóm cũng ngày thêm bền chặt. Từ những việc ma chay, cưới xin, cho đến việc làm nhà, đào nương, đắp đập v.v, đều có sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong vùng. Sự hình thành khá sớm các hình thức phường, hội — nhân dân thường gọi là «hội phường», «hội phe» — là nét đặc trưng của tính cộng đồng giữa các dân tộc ở Võ Nhai.

Trong quá trình lao động sản xuất và đấu tranh chế ngự thiên nhiên, nhân dân các dân tộc Võ Nhai đã sáng tạo một nền văn hóa phong phú, đa dạng. Với tinh thần lao động cần cù và trí thông minh, sáng tạo, từ thời xa xưa đồng bào các dân tộc đã biết xây dựng hệ thống nương phai, biết làm ra cọn nước để dẫn nước vào ruộng. Họ còn biết tự chế tạo những công cụ sản xuất thích hợp, như cày, cuốc, liềm, hái và cả các loại súng, nỏ để săn bắn thú rừng. Bên cạnh văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần cũng được hình thành và phát triển thông qua việc sáng tác và lưu truyền dòng văn học nghệ thuật dân gian đậm đà màu sắc dân tộc. Đó là những giá trị tinh hoa,

chứa đựng nội dung tư tưởng, tình cảm trong sáng, lành mạnh của nhân dân lao động.

Nhân dân các dân tộc Võ Nhai vốn giàu lòng yêu nước, yêu quê hương làng bản, thiết tha với độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc. Bởi vậy, những người dân ở đây trước sau vẫn một lòng đoàn kết chiến đấu chống giặc ngoại xâm, chống mọi thế lực chia cắt đất nước, góp phần làm rạng rỡ thêm những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Trong quá trình đấu tranh chống ngoại xâm, ý thức về một quốc gia thống nhất và sự gắn bó giữa các dân tộc trên một lãnh thổ quốc gia thống nhất ngày càng được tăng cường. Do đó, việc tham gia của các dân tộc vào cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước ngày càng mạnh mẽ hơn.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống (thế kỷ XI), nhân dân Võ Nhai hăng hái tham gia vào đội quân người dân tộc thiểu số. Các đội quân miền núi dưới sự chỉ huy của các tù trưởng địa phương trở thành lực lượng xung kích, vượt qua biên giới đánh phá các trại quân Tống theo kế hoạch tấn công đề tự vệ của Lý Thường Kiệt.

Từ cuối thế kỷ XIV, đất nước ta ở trong tình trạng rối ren, phức tạp. Thiên tai, bệnh tật, đói kém liên tiếp diễn ra, làm cho đời sống nhân dân hết sức khờ cực, phải nổi dậy đấu tranh. Nhà Trần suy vong, nhà Hồ cướp đoạt ngôi vua, cai trị đất nước trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, phức tạp.

Lợi dụng tình hình đó, quân Minh tràn sang xâm lược nước ta. Nhà Hồ không đủ sức tập hợp nhân dân tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Đất nước ta rơi vào tay quân xâm lược. Nhân dân ta sống trong cảnh lầm than do sự tàn phá, cướp bóc của giặc Minh.

Quan Minh đã đánh bại nhà Hồ, nhưng không thể khuất phục được dân tộc Việt Nam. Không cam chịu sống cuộc đời nô lệ, cùng với các địa phương khác trong cả nước, nhân dân các dân tộc Võ Nhai đã nhiều lần nổi dậy khởi nghĩa. Họ đã sung vào đội quân ứng nghĩa của Trần Nguyên Khang, Nguyễn Đa Bí và của Chu Sư Nhân, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chàn..., đã tham gia vào nghĩa quân ông Lão và phong trào «áo đỏ», làm cho giặc Minh không thể đặt vững được chính quyền đô hộ trên miền rừng núi bao la của ta.

Ngày 7-2-1418, Lê Lợi cùng toàn thể nghĩa quân dựng cờ nghĩa ở Lam Sơn, và truyền hịch đi các nơi kêu gọi nhân dân nhất tề vùng lên đuổi giặc, cứu nước.

Đầu tháng 1-1428, những bóng dáng cuối cùng của quân xâm lược Minh bị quét sạch ra khỏi bờ cõi, đất nước ta bước vào thời kỳ thịnh vượng. Nhưng từ thế kỷ XVI triều Lê bắt đầu suy yếu. Tình trạng cát cứ và tranh chấp giữa các tập đoàn phong kiến diễn ra trầm trọng, từ Thanh Hóa trở ra thuộc họ Mạc (Bắc Triều), từ Thanh Hóa trở vào thuộc họ Trịnh (Nam Triều). Hai tập đoàn phong kiến Trịnh, Mạc tranh giành quyền lực lẫn nhau, gây ra cảnh nổi da nẫu thịt kéo dài trên nửa thế kỷ. Xứ Thái Nguyên là một trong những nơi trở thành bãi chiến trường. Trong suốt thời gian chiến tranh Trịnh — Mạc, nhân dân trong vùng phải cung phụng đủ thứ; làng xóm trở nên điêu tàn, xơ xác. Đời sống nhân dân hết sức thảm khốc.

Từ thế kỷ XVIII trở đi, chế độ phong kiến đang ngoài khủng hoảng nghiêm trọng. Phong trào khởi nghĩa nông dân nổ ra liên tiếp. Mau thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, nhất là từ đầu thế kỷ XIX. Năm 1803, các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, nhất là trấn Thái Nguyên, nhiều

lần nổi dậy khởi nghĩa¹. Tiếp đó, vào năm 1806, cuộc khởi nghĩa do Dương Đình Cúc lãnh đạo, kéo dài đến năm 1824, làm cho tình hình chính trị — xã hội triều Nguyễn thêm rối ren, phức tạp. Chẳng bao lâu, từ năm 1833, khởi nghĩa Nông Văn Vân bùng nổ và lan rộng trên phạm vi lớn. Cùng với nhân dân các vùng Bảo Lạc (Cao Bằng), Tuyên Quang, Lạng Sơn... con em đồng bào các dân tộc Võ Nhai hăng hái sung vào các đội quân ứng nghĩa, góp phần đem lại chiến công của nghĩa quân.

Vào giữa thế kỷ XIX, nhân lúc xã hội phong kiến Việt Nam suy yếu, thực dân Pháp bắt đầu xâm lược nước ta. Cũng từ đó, phong trào kháng Pháp diễn ra ngày càng sôi nổi trong mọi tầng lớp nhân dân.

Năm 1882, đồng bào các dân tộc Võ Nhai đã hăng hái tham gia cuộc khởi nghĩa Hoàng Đình Kinh. Trong cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế (1887 — 1913), nhiều người con của Võ Nhai đã từng trực tiếp tham gia các trận chiến đấu chống Pháp và góp phần xứng đáng vào chiến công chung của nghĩa quân. Năm 1884, thực dân Pháp tuy đã chiếm đóng được Đình Cả, nhưng trong một thời gian dài chúng vẫn không dám lúng sục sâu vào các làng bản. Tinh thần đấu tranh của nhân dân Võ Nhai khiến cho thực dân Pháp hoảng sợ và gọi Võ Nhai là « đất nghịch ». Trong suốt 40 năm chiếm đóng Võ Nhai, thực dân Pháp vẫn chưa xác lập được chế độ thuế khóa rõ ràng, chưa làm được việc đo đạc ruộng đất và cũng chưa lập được sổ địa chính. Nhân dân các dân tộc Võ Nhai vẫn kiên cường đấu tranh chống lại sự áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và bọn tay sai. Năm 1920, nhân dân Võ Nhai đấu tranh vạch mặt tên tri châu Nghê gian ác, buộc tên này phải chuyển đi nơi khác. Năm 1933, đồng

1. Lịch sử Việt Nam — tập I — Nhà xuất bản KHXH Hà Nội — 1971 — trang 382.

bào Võ Nhai lại tỏ chức đấu tranh chống bắt phu làm đường La Hiên—Đình Cả và chống bọn tri châu ăn quịt tiền công của dân phu.

Từ trong thực tiễn đấu tranh chống giặc ngoại xâm, ý thức dân tộc, lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết ngày càng tăng lên trong nhân dân các dân tộc Võ Nhai. Đó là một trong những nhân tố thuận lợi, tạo cho Võ Nhai sớm hình thành cơ sở đảng, cơ sở cách mạng và trở thành một căn cứ địa đầu tiên, rất vững chắc của cách mạng nước ta.

(1939 — 1984)

I. VÕ NHAỊ DƯỚI ÁCH THỐNG TRI CỦA THỰC DÂN PHÁP

Năm 1884, thực dân Pháp bắt đầu đem quân đánh chiếm Thái Nguyên. Sau khi chiếm được Võ Nhai, chúng bắt các cai tri ở đây, dùng dần là một tri châu có hai thôn giải giáp việc. Về phần sự, chúng xây dựng một hệ thống đồn dốt để bảo vệ cho bộ máy thống trị của chúng và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Năm 1902, thực dân Pháp lập đồn Trấn Khê, có 12 lính khố xanh do một bang tá chỉ huy. Năm 1914, chúng lập đồn Đình Cả, có 10 lính khố xanh dưới quyền chỉ huy của tên đồn trưởng người Pháp. Ở La Hiên có 12 lính cơ do tri châu trực tiếp điều khiển. Bên cạnh hệ thống đồn dốt là lực lượng toàn tiểu, chỉ điểm được tổ chức ở khắp nơi trong châu. Đến năm 1938, châu Võ Nhai có 130 hương đồng (chiếm 1/7 số lượng hương đồng toàn tỉnh Thái Nguyên) và trên 10 tên mật thám thường xuyên về các thôn, xóm để đi tuần hành.

CHƯƠNG I

**PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC,
BÓC LỘT VÀ SỰ HÌNH THÀNH CƠ SỞ ĐẢNG**
(1884 — 1939)

I. VÕ NHAI DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ
CỦA THỰC DÂN PHÁP

Năm 1884, thực dân Pháp bắt đầu đem quân đánh chiếm Thái Nguyên. Sau khi chiếm được Võ Nhai, chúng đặt ách cai trị ở đây, đứng đầu là một tri châu có hai thừa phái giúp việc. Về quân sự, chúng xây dựng một hệ thống đồn bốt để bảo vệ cho bộ máy thống trị của chúng và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Năm 1902, thực dân Pháp lập đồn Trảng Xá, có 12 lính khố xanh do một bang tá chỉ huy. Năm 1914, chúng lập đồn Đình Cả, có 40 lính khố xanh dưới quyền chỉ huy của tên đồn trưởng người Pháp. Ở La Hiến có 12 lính cơ do tri châu trực tiếp điều khiển. Bên cạnh hệ thống đồn bốt là lực lượng tuần tiễu, chỉ điềm được tở chức ở khắp nơi trong châu. Đến năm 1930, châu Võ Nhai có 120 hương đồng (chiếm 1/7 số lượng hương đồng toàn tỉnh Thái Nguyên) và trên 10 tên mật thám thường xuyên về các thôn, xóm để dò la tình hình.

Cùng với việc tăng cường bộ máy đàn áp đè khùng
bổ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc, thực
dân Pháp ra sức vơ vét, bóc lột. Chúng đặt ra nhiều thứ
thuế đè bòn rút của cải của nhân dân ta. Bọn hào lý tay
sai thường xuyên ăn chặn, ức hiếp mọi bề, càng làm cho
đời sống nhân dân thêm điêu đứng.

Thuế thân là thứ thuế vô nhân đạo nhất trong thời
thực dân, phong kiến. Thuế này quy định: đàn ông từ 18
tuổi trở lên phải nộp 2,5 đồng ngoài ra phải đóng thêm
0,2 đồng cho lý trưởng, 0,1 đồng cho chánh tổng, 0,30 đồng
cho người viết thẻ giúp lý trưởng. Nếu là chủ gia đình,
còn phải lấy 1 thẻ chính là 3,5 đồng. Bên cạnh thuế thân
là thuế ruộng. Thuế này chia làm 3 hạng:

— Nhất đẳng điền: 1,50 đồng/mẫu.

— Nhị đẳng điền: 1,30 đồng/mẫu.

— Tam đẳng điền: 1,20 đồng/mẫu.

Các gia đình nuôi trâu, bò cũng phải nộp thuế, mỗi
con 0,4 đồng.

Năm 1932, châu Võ Nhai — với số dân là 7.313 người
(trong đó có 1.958 suất dinh) — phải nộp cho chính quyền
thực dân 5629,25 đồng thuế thân (trung bình mỗi suất
dinh phải nộp trên 2,87 đồng), 4442,04 đồng thuế điền,
247,52 đồng thuế môn bài, 20,00 đồng các khoản thuế
khác.

Chính quyền thực dân — phong kiến còn thường xuyên
bắt người dân Võ Nhai đi phu phen, tạp dịch. Hàng năm,
chúng bắt dân đi làm đường, xây đôn bốt, phục dịch bọn

1. Esina (Echinard): «Tiểu chí Thái Nguyên». Thời giá lúc
này ở thị trường Thái Nguyên như sau:

— Thóc loại 1: 3,5 đồng/tạ.

— Thóc loại 2: 3,2 đồng/tạ.

— Thóc loại 3: 2,8 đồng/tạ.

quan lại, kỳ hào, như gánh nước, lấy củi, cắt cỏ ngựa, làm vệ sinh công đường, sửa sang nhà cửa v.v.

Không những thế, bọn thực dân còn cướp đoạt ruộng đất của nhân dân để lập đồn điền và biến người dân ở đây thành những tá điền làm thuê cho chúng. Tên thực dân Boócđiê (Bordier) — đồn trưởng đồn Đình Cả — đã cướp 168 mẫu ruộng của nhân dân xã Phú Thượng để lập đồn điền.

Song song với chính sách đàn áp, bóc lột tàn bạo, thực dân Pháp còn thi hành nhiều thủ đoạn nham hiểm. Chúng ra sức khuyến khích các tệ nạn xã hội: mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, nghiện hút... Chúng lại triệt để chia rẽ sự đoàn kết giữa các dân tộc và kìm hãm nhân dân ta trong vòng đói nát, lạc hậu để dễ bề cai trị. Tính đến năm 1931, toàn tỉnh Thái Nguyên chỉ có 2 trường kiêm bị con trai và 1 trường kiêm bị con gái, cả châu Võ Nhai không có một trường học nào. Tuyệt đại bộ phận nhân dân không biết chữ. Việc chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân không được chính quyền thực dân — phong kiến quan tâm. Mỗi khi trong gia đình có người đau ốm, đồng bào đều trông chờ vào sự may rủi, hoặc mời thầy mo đến cúng bái, tiền mất mà tật vẫn mang.

Dưới ách thống trị của thực dân — phong kiến, nhân dân các dân tộc Võ Nhai sống hết sức cực khổ. Nạn đói, rét vì không có cơm ăn, áo mặc thường xuyên xảy ra. Vào những lúc giáp hạt, hầu hết các gia đình đều hết gạo, phải lên rừng đào củ mài, hái măng để khỏi chết đói. Nhiều gia đình phải phiêu bạt nơi khác kiếm sống. Một số khác chạy vay, đi vay của nhà giàu. Vay một phải trả hai hoặc cao hơn nữa. Nợ nần chồng chất ngày một nhiều, không sao trả hết, người nông dân phải bán vợ, đợ con, hoặc chính bản thân họ phải trở thành con ở suốt đời cho nhà giàu.

Ăn đói, mặc rách, vệ sinh kém là điều kiện thuận lợi cho bệnh tật, ốm đau phát sinh và phát triển, đe dọa cuộc sống của nhân dân các dân tộc. Sốt rét là một trong những bệnh dịch phổ biến và kéo dài, làm cho người dân vùng này luôn xanh xao, vàng vọt. Câu ca: «Lữ khứ lữ khứ, chẳng Đại Từ cũng Võ Nhai» đã nói lên thảm trạng đó. Trong một số dân tộc ở vùng rẻo cao, nạn hữu sinh vô dưỡng là tình trạng phổ biến; nó phản ánh cuộc sống bị dạt của nhân dân các dân tộc Võ Nhai dưới thời thực dân phong kiến.

Cùng chung số phận với những người dân địa phương, người công nhân mỏ cũng bị bóc lột rất thậm tệ. Bọn chủ mỏ thực dân áp dụng thủ đoạn bóc lột phong kiến kết hợp với phương thức bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Người công nhân trở thành một công cụ trong tay bọn chủ mỏ. Lao động của công nhân mỏ mang tính chất khổ sai, không một phương tiện bảo hiểm. Vào những năm 1920 — 1923, số công nhân Mỏ kẽm Hích đã lên tới khoảng 3000 người, nhưng không có một cơ sở phúc lợi nào. Lao động nặng nhọc, thời gian làm việc trong ngày kéo dài, đồng lương lại rẻ mạt, vì thế, người công nhân không đủ sức chống chọi với bệnh tật. Chỉ riêng một trận dịch năm 1923 đã làm cho hàng trăm người bị thiệt mạng; có ngày tới 20 người chết. Bọn chủ mỏ còn thường xuyên cúp lương, đánh đập và sa thải công nhân. Sống trong tình cảnh đó, công nhân Mỏ kẽm Hích đã tự tổ chức đấu tranh chống bọn chủ. Cầm phẫn trước hành động trắng trợn của bọn chủ hạ thấp đồng lương vốn đã rẻ mạt của mình, trên 3000 công nhân mỏ đã bãi công. Cuộc đấu tranh đã làm cho bọn chủ thực dân lúng túng, hoảng sợ; đồng thời có tác dụng cổ vũ các tầng lớp nhân dân địa phương nổi dậy đấu tranh chống chính sách áp bức, bóc lột của bọn thực dân và phong kiến tay sai.

Từ ngày Đảng cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930) và nhất là khi có cán bộ cách mạng đến tuyên truyền, vận động, phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc Võ Nhai càng sôi nổi, mạnh mẽ. Những cuộc đấu tranh này phần lớn đều nhằm mục tiêu chống chính sách bắt phu làm đường, chống thu thuế, chống áp bức, bóc lột.

Năm 1933, tại Võ Nhai nổ ra cuộc đấu tranh đánh tên cai Cờ, cai Hân là những tên tay sai đắc lực của Pháp, thường dựa vào bọn thực dân để ức hiếp, đánh đập dân phu.

Năm 1936, những người bị bắt đi làm đường ở Mỏ Gà (Phú Thượng) tổ chức đấu tranh chống bọn cai ký đánh đập phu và ăn quỹ tiền công.

Sau khi tổ chức Đảng ở địa phương xuất hiện, phong trào đấu tranh của quần chúng bước vào thời kỳ mới, với khí thế mạnh mẽ hơn.

II — SỰ HÌNH THÀNH CƠ SỞ ĐẢNG Ở VÕ NHAI

Truyền thống bất khuất cùng với các phong trào đấu tranh chống áp bức, bóc lột thường xuyên diễn ra đã tạo điều kiện cho nhân dân Võ Nhai dễ dàng và sớm tiếp thu ảnh hưởng cách mạng do Đảng cộng sản lãnh đạo. Các cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng do đó hình thành khá sớm ở Võ Nhai.

Sự ra đời cơ sở Đảng ở Võ Nhai gắn liền với quyết nghị của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất và sự hoạt động tích cực của chi bộ hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương. Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương, ngay sau khi ra đời (đầu năm 1934), đã tích cực liên hệ với những cơ sở và tổ chức Đảng ở

trong nước, đưa đảng viên hoạt động ở nước ngoài về phối hợp với đảng viên ở trong nước, tiếp tục củng cố và phát triển những cơ sở và tổ chức còn lại... Đồng thời, còn đào tạo cán bộ mới thay thế những cán bộ đã bị giặc bắt và giết hại. Nhờ đó, các cơ sở Đảng được phục hồi và phát triển, các đầu mối lãnh đạo của Đảng được thống nhất. Trên cơ sở này, từ ngày 27 đến 31-3-1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc). Sau khi nhận định, đánh giá phong trào cách mạng, về công tác tổ chức và lãnh đạo các cấp Đảng bộ trong thời gian từ năm 1932 đến 1934, Đại hội đã nêu ra 3 nhiệm vụ chủ yếu của toàn Đảng trong thời gian trước mắt là: củng cố và phát triển Đảng, tranh thủ quần chúng rộng rãi và chống chiến tranh đế quốc. Đại hội đã thông qua nghị quyết chính trị và điều lệ Đảng, nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính và các dân tộc thiểu số. Đại hội cũng ra quyết nghị về việc xây dựng các cơ sở cách mạng và phát triển Đảng vào các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, các trung tâm kinh tế, văn hóa và các trục đường giao thông trọng yếu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất, chi bộ hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương ở Long Châu (Trung Quốc) quyết định đưa cán bộ, đảng viên về nước hoạt động.

Thái Nguyên lúc đó nổi tiếng là một miền kỹ nghệ, có nhiều hầm mỏ, đồn điền, tập trung đông công nhân, cho nên được chi bộ hải ngoại của Đảng ở Long Châu rất chú ý. Đặng Tùng, một đảng viên có năng lực trong chi bộ hải ngoại, được phân công về Thái Nguyên hoạt động. Từ Long Châu, đồng chí bí mật vào Cao Bằng rồi đi công khai qua Bắc Cạn đến Đại Từ, gây dựng cơ sở cách mạng đầu tiên ở gia đình họ Dương tại xã La Bằng.

Một thời gian sau, thông qua mối quan hệ họ hàng của Đường Nhất Quý ở La Bằng (Đại Từ), Đặng Tùng sang Bắc Sơn — Võ Nhai, một miền xung yếu nằm trên con đường huyết mạch 1B.

Nhờ có sự hoạt động tích cực của Đặng Tùng tại Bắc Sơn, chi bộ Đảng đầu tiên của huyện được thành lập vào ngày 25-9-1936 tại mỏ Tát (xã Vũ Lăng). Sự kiện đó có ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng ở Võ Nhai. Cũng chính thông qua mối quan hệ thân tộc và quan hệ bạn bè, một số thanh niên hăng hái ở Võ Nhai được Đặng Tùng tuyên truyền, giác ngộ và được tổ chức vào các đoàn thể cách mạng. Chẳng bao lâu, cơ sở cách mạng ở Võ Nhai phát triển nhanh chóng và vững chắc.

Trên cơ sở đó, vào đầu năm 1937, tại Làng Cao (Phú Thượng), tổ chức Đảng đầu tiên của Võ Nhai ra đời, gồm 3 đồng chí: Chu Văn Tấn, Lục Văn Đủ và Nông Văn Cẩn¹. Cũng trong năm 1937, tổ Đảng xã Tràng Xá được thành lập, gồm 3 đồng chí Hòa (tức Trừ Văn Thòong), Cường (tức Phan Văn Cọ) và Chân (tức Quỳnh), do đồng chí Hòa làm tổ trưởng. Một thời gian sau, chi bộ xã Phú Thượng kết nạp thêm các đồng chí: Chu Viết Phong, Chu Quốc Hưng, Lê Dục Tôn... Cùng thời gian đó, đồng chí Đặng Tùng đã về Võ Nhai, lấy nơi này làm trung tâm chỉ đạo phong trào các nơi khác.

Sự ra đời của tổ chức Đảng vào năm 1937 đánh dấu bước ngoặt mới trong phong trào đấu tranh của nhân

1. Trong số 3 đảng viên trên, Chu Văn Tấn là người được giác ngộ đầu tiên và sau đó được Trung ương, Xứ ủy tin cậy giao cho trực tiếp lãnh đạo Đảng bộ và phong trào cách mạng Võ Nhai. Đồng chí là một trong những cán bộ chủ chốt của căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhai, là một cán bộ chỉ huy xuất sắc của Cứu Quốc quân từ 1941 đến 1945.

dân các dân tộc Võ Nhai. Từ đây, trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân, phong kiến, nhân dân các dân tộc Võ Nhai có một tổ chức Đảng ở địa phương trực tiếp chỉ đạo.

Năm 1938, đồng chí Hoàng Văn Thụ về nước. Tại Lạng Sơn và Thái Nguyên, đồng chí đã kiểm tra các cơ sở cách mạng do Đặng Tùng xây dựng. Đề giúp cán bộ, đảng viên ở địa phương nâng cao trình độ giác ngộ và khả năng công tác, tháng 4-1938, trước khi lên đường về Hà Nội, đồng chí mở một lớp huấn luyện chính trị ở Võ Nhai. Nhiều thanh niên đã giác ngộ cách mạng được tham dự lớp huấn luyện này.

Nhận rõ vị trí chiến lược quan trọng của Võ Nhai — Bắc Sơn, Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ lần lượt cử nhiều cán bộ lên vùng này đề xây dựng và phát triển phong trào. Giữa năm 1938, theo chỉ thị của đồng chí Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ Hoàng Văn Nọn, đồng chí Lê Xuân Thụ — cán bộ xứ ủy — nhận nhiệm vụ lên xây dựng cơ sở và mở rộng phong trào cách mạng nhằm đánh thông con đường liên lạc của Đảng từ Hà Nội qua Thái Nguyên, Lạng Sơn ra nước ngoài.

Phong trào cách mạng ở Võ Nhai lúc bấy giờ đang lên cao và có nhiều cơ sở quần chúng tốt. Đó chính là nhân tố quan trọng đề triển khai chủ trương của Đảng. Vì vậy, đồng chí cán bộ xứ ủy đã cùng với cơ sở Đảng xúc tiến việc thành lập Đoàn thanh niên dân chủ. Một số thanh niên yêu nước và hăng hái ở địa phương được tập hợp vào tổ chức Đoàn. Trong số này, có Nông Văn Cún (Thái Long). Anh là một trong những thanh niên đầu tiên ở Thái Nguyên được kết nạp vào Đoàn thanh niên dân chủ, trở thành người giúp việc tích cực và tin cậy của đồng chí phái viên xứ ủy trong suốt quá trình

công tác tại địa phương nhằm đánh thông và mở rộng con đường liên lạc trên tuyến phía Bắc.

Là một người hoạt động hăng hái, sôi nổi, từ đầu năm 1939 Nông Văn Cún đã bị mật thám Lạng Sơn chú ý. Chúng cho một tên tay sai theo dõi hoạt động của anh. Tháng 7-1939, trong một lần đến xã Hưng Vũ (Bắc Sơn), Nông Văn Cún sa vào tay giặc. Bị dịch tra tấn dã man, anh vẫn không hề khai báo, giữ trọn khí tiết của người đoàn viên thanh niên, người đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương. Tại phiên tòa thực dân Pháp mở ở Lạng Sơn, khi viên chánh án hỏi: « Nghe thầy đồ Thành tức Cao (tức đồng chí Lê Xuân Thụ — TG) nói về thuyết cộng sản thì anh có hiểu và tán thành không? », Nông Văn Cún khẳng khái trả lời: « Tôi hiểu và tán thành chủ nghĩa ấy »¹.

Cuối năm 1938, đồng chí Nguyễn Văn Minh — xứ ủy viên Bắc Kỳ — được cử lên Võ Nhai để kiểm tra phong trào và góp ý chỉ đạo cho cán bộ địa phương. Một lớp huấn luyện chính trị được tổ chức, gồm có khoảng 10 cán bộ, đảng viên tham dự. Trong thời gian huấn luyện, các học viên được nghiên cứu kỹ về điều lệ Đảng cộng sản Đông Dương, về lịch sử phong trào công nhân quốc tế.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ, chỉ trong một thời gian ngắn từ nửa cuối năm 1938 đến giữa năm 1939, cơ sở Đảng và cơ sở cách mạng ở Võ Nhai phát triển nhanh chóng. Từ Phú Thượng, Tràng Xá, cơ sở Đảng lan sang Lâu Thượng, La Hiện... Tại các cơ sở này, tổng số đảng viên đã lên tới gần 30 đồng chí. Giữa Võ Nhai, Đại Từ, Định Hóa tuy về danh nghĩa chưa lập thành một hệ thống tổ chức thống nhất,

1. Hồ sơ mật thám Pháp (vụ án Nông Văn Cún — tháng 9-1939) — tài liệu lưu trữ của Ban NCLSD tỉnh Bắc Thái.

nhưng trên thực tế đã có sự chỉ đạo thống nhất, mà trung tâm là Võ Nhai. Cũng vì thế, các cuộc đấu tranh trong tỉnh vào thời kỳ này chủ yếu diễn ra ở Võ Nhai. Trong phong trào đó, tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh do Đảng bộ lãnh đạo vào giữa năm 1938.

Ngay từ đầu năm 1938 đề hoàn thành gấp con đường chiến lược qua Võ Nhai, thực dân Pháp ráo riết bắt phu. Đang giữa ngày mùa, người dân Võ Nhai bị bắt buộc phải bỏ công việc đồng áng để lên công trường làm đường. Họ bị đánh đập tàn nhẫn, bị đốc thúc làm việc vất vả nhưng tiền công lại ít ỏi và thường bị bớt xén, ăn chặn. Mọi người đều căm thù thực dân Pháp và tay sai của chúng.

Trước tình hình trên, Đảng bộ Võ Nhai quyết định lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Đảng bộ đã tiến hành cuộc vận động dân phu đồng loạt ký tên vào bản yêu sách đòi không được đánh đập phu, đòi trừng trị bọn ăn chặn tiền công của dân phu, không được bắt phu trong ngày mùa. Mũi nhọn đấu tranh hướng vào tên tri châu gian ác và tham nhũng. Vì kế hoạch đấu tranh bị lộ, cho nên Đảng bộ đã phát động cuộc đấu tranh sớm hơn dự định. Trong khi đoàn đại biểu mang đơn và bản yêu sách của nhân dân các xã lên tòa sứ, hàng trăm dân phu mang theo xéng, cuốc... kéo về châu lỵ. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, bọn thực dân phải nhượng bộ. Chúng phải ra lệnh hoãn việc làm đường, đồng thời phải chuyển tên tri châu gian ác Đèo Văn Long đi nơi khác. Thắng lợi của cuộc đấu tranh do Đảng bộ lãnh đạo có tác dụng cổ vũ tinh thần của quần chúng rất mạnh mẽ.

Cuối năm 1938, bọn thực dân lại ráo riết bắt phu, nhằm hoàn thành công việc làm đường bị bỏ dở do cuộc đấu tranh của nhân dân ta hồi giữa năm. Đảng bộ Võ Nhai lại phát động cuộc đấu tranh mới. Lần này, Đảng bộ

không chỉ vận động, tổ chức dân phu khoảng hơn 300 người cầm xẻng, cuốc kéo lên châu lý đấu tranh, đồng thời cử đại biểu mang kiến nghị về cho thanh tra lao động ở Hà Nội, mà còn vận động tổ chức lãn công trên toàn công trường. Đi đầu trong cuộc biểu tình chống bắt phu ở châu lý La Hiên lúc đó là 20 đồng chí đảng viên và thanh niên tích cực. Đoàn biểu tình kéo đến công đường đòi tăng tiền công, không được bắt phu trong ngày mùa, không được đánh đập dân phu. Tên tri châu Vi Văn Méo không những không giải quyết những yêu cầu của nhân dân mà còn cho lính đàn áp cuộc biểu tình và bắt giam một số người. Không chùn bước trước hành động đàn áp dã man của bọn thống trị, quần chúng vẫn xông lên, vây chặt công đường. Trong khi đó, tại Hà Nội, các đại biểu của nhân dân vẫn kiên trì đấu tranh buộc thực dân Pháp phải ra lệnh bãi bỏ việc bắt phu trong ngày mùa và tăng tiền công cho mỗi dân phu 0,3 đồng một ngày. Ít lâu sau, tên tri châu Vi Văn Méo bị đày đi nơi khác.

Các cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc Võ Nhại do Đảng bộ địa phương lãnh đạo trong thời gian trên có ý nghĩa to lớn. Một mặt nó làm thất bại kế hoạch làm đường của địch. Đoạn đường Cầu Vẽ — Giáo Huân chỉ dài có 7km nhưng suốt mấy năm trời, bọn địch vẫn không sao làm được. Mặt khác, thông qua đấu tranh, quần chúng và đảng viên được rèn luyện về nhiều mặt, ý thức đoàn kết giữa các dân tộc được tăng cường.

Cùng với những cuộc đấu tranh chống bắt phu làm đường, các cuộc đấu tranh chống phụ thu, lạm bỏ cũng diễn ra sôi nổi ở hầu hết các xã, nhất là Tràng Xá, Phú Thượng.

Mùa hè năm 1936, tại Tràng Xá, một cuộc đấu tranh lớn đã nổ ra nhằm chống lại bọn kỳ hào địa phương tăng

thuế một cách vô lý. Cuộc đấu tranh do các thanh niên tích cực Trừ Văn Thòong, Phan Văn Cọ, Phương Cương, Phúc Quyền, Cam Văn Quỳnh lãnh đạo. Trước những bằng chứng không thể chối cãi, bọn địch buộc phải nhượng bộ; tên đại diện thu thuế ở Tràng Xá phải bán trâu, bò và thóc để nộp phạt.

Tại Đình Cả, đồng bào các dân tộc tổ chức bãi thị để chống chính sách thuế khóa vô lý của chính quyền thực dân — phong kiến.

Trong thời kỳ vận động dân chủ (1936 — 1939) tại Võ Nhại còn có các hoạt động tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, như rải truyền đơn, treo cờ búa liềm nhân các ngày kỷ niệm Quốc tế lao động (1-5), Xô viết Nghệ — Tĩnh (12-9), cách mạng tháng Mười Nga (7-11) v.v.

Quan triệt chủ trương chuyên hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng, các đồng chí đảng viên công sản ở Võ Nhại đã biết tranh thủ các hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp để tổ chức quần chúng. Các hội tương tế, hội ái hữu ra đời ở nhiều nơi nhằm phát huy truyền thống đoàn kết giúp đỡ nhau trong nhân dân các dân tộc. Tại các xã: Phú Thượng, Lâu Thượng, Tràng Xá, xuất hiện các tổ chức mua và đọc sách báo công khai của Đảng, như tờ « Tin Tức », « Đời Nay »... Nhờ đó, chủ trương, đường lối của Đảng được phổ biến sâu rộng trong quần chúng. Các tổ chức truyền bá chữ quốc ngữ cũng được thành lập; phong trào học tập chữ quốc ngữ phát triển rộng khắp, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Cơ sở Đảng ở địa phương còn phát động quần chúng hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội, vận động lấy chữ ký đòi ân xá tù chính trị, ủng hộ mặt trận nhân dân Pháp, ủng hộ nhân dân Tây Ban Nha đấu tranh chống phát xít và nhân dân Trung Quốc kháng Nhật v.v.

Thông qua các phong trào đấu tranh thời kỳ 1936 — 1939, Đảng bộ Võ Nhai có thêm kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng; uy tín và ảnh hưởng của các cơ sở Đảng ngày càng lan rộng. Quần chúng trung kiên xuất hiện ngày càng nhiều. Đó chính là những điều kiện chủ quan thuận lợi để Đảng bộ Võ Nhai tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương trong thời kỳ trực tiếp làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc (1939 — 1945).

Trong thời kỳ vận động dân chủ (1936 — 1938) tại Võ Nhai còn có các hoạt động tuyên truyền, giáo dục quần chúng như thi truyền đơn, treo cờ búa liềm nhân các ngày kỷ niệm Quốc tế lao động (1-5), Xô viết Nghệ - Tĩnh (12-9), cách mạng tháng Mười Nga (7-11) v.v.

Quản trị trị chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng, các đồng chí đảng viên cộng sản ở Võ Nhai đã biết tranh thủ các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp để tổ chức quần chúng. Các hội lương tế, hội di hưu ra đời ở nhiều nơi nhằm phát huy truyền thống đoàn kết giúp đỡ nhau trong nhân dân các dân tộc. Tại các xã: Phú Thượng, Lưu Thượng, Tráng Khê, xuất hiện các tổ chức mua và đọc sách báo công khai của Đảng, như ở « Tin Tức », « Đới Nay... » Nhờ đó, chủ trương, đường lối của Đảng được phổ biến sâu rộng trong quần chúng. Các tổ chức truyền bá chủ được cũng được thành lập; phong trào học tập chủ quốc ngữ phát triển rộng khắp, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Cơ sở Đảng ở địa phương còn phát động quần chúng hướng raqg phòng trào Đông Dương đại hội, vận động lấy chữ ký đòi ân xá tù chính trị, ủng hộ mặt trận nhân dân Pháp, ủng hộ nhân dân Tây Ban Nha đấu tranh chống phát xít và nhân dân Trung Quốc kháng Nhật v.v.

CHƯƠNG II

ĐẢNG BỘ VÕ NHAI TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 — 1945)

I. CĂN CỨ ĐỊA BẮC SƠN — VÕ NHAI HÌNH THÀNH. SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỬU QUỐC QUÂN

Tháng 9-1939, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ; nước Pháp tham chiến. Từ đó, thực dân Pháp ở Đông Dương thi hành chính sách đàn áp, khủng bố công khai và tàn bạo. Chúng thủ tiêu tất cả mọi quyền tự do dân chủ mà nhân dân ta vừa mới giành được trong thời kỳ vận động dân chủ 1936 — 1939.

Trước sự chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước, Trung ương Đảng kịp thời chỉ thị cho các tổ chức Đảng ở địa phương rút mọi hoạt động vào bí mật. Tiếp đó, vào tháng 11-1939, Trung ương Đảng đã họp hội nghị lần thứ VI, quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Tại Võ Nhai lúc đó, thực dân Pháp và tay sai đang khủng bố, truy lùng ráo riết các đảng viên cộng sản và phá hoại các cơ sở quần chúng. Chúng tăng cường tuần tra, canh gác, thiết lập hệ thống mật thám dè dặt, vây ráp. Mặt khác, chúng điều thêm mật thám, lính đồng

ở các nơi đến tăng cường kiểm soát khu vực La Hiên, Đình Cả. Đối với những người bị tình nghi, chúng bắt buộc hàng ngày phải lên trình diện ở sở mật thám.

Nhạy bén với tình hình, Đảng bộ Võ Nhai chủ trương đình chỉ việc đọc sách báo công khai, chuyển những người đã bị lộ tạm thời lánh đi nơi khác, quyết tâm bảo vệ cơ sở, giữ vững phong trào. Các địa điểm hội họp, liên lạc được chuyển vào vùng núi Đất (Phú Thượng), núi Lều (Tràng Xá)... Đảng bộ bí mật phân chia thành từng nhóm đi tuyên truyền, gây dựng cơ sở trong quần chúng, nhất là trong đồng bào Dao, rải truyền đơn kêu gọi phản đối chiến tranh phát xít; chống bắt phu, bắt lính. Vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, cán bộ, đảng viên thường xuyên bám sát cơ sở, động viên quần chúng giữ vững tinh thần đấu tranh chống địch khủng bố.

Giữa lúc đó, cuộc chiến tranh thế giới lần II ngày một lan rộng; phe phát xít đang tạm thời thắng thế. Tháng 6-1940, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng. Nhân cơ hội này, phát xít Nhật dấy mạnh xâm lược Đông Dương. Ngày 22-9-1940, quân Nhật đánh chiếm Lạng Sơn. Sau vài trận chống cự yếu ớt, quân Pháp rút chạy tán loạn. Tàn binh Pháp qua Diêm He, Bình Gia, Bắc Sơn về Thái Nguyên. Ngày 25-9, tên đại lý Bình Gia trên đường chạy trốn vớt bỏ ô tô và một số hòm đạn ở cầu Rá Riêng.

Thấy rõ thời cơ thuận lợi, sáng 27-9-1940, tại Nông Lục (Hưng Vũ), các đồng chí Hoàng Đình Ruệ, Nông Văn Cún (tức Thái Long) vừa ở nhà tù Lạng Sơn về, đã họp với các đảng viên Bắc Sơn, chủ trương lãnh đạo quần chúng, sử dụng các lực lượng tổng đoàn, xã đoàn, đồng và một số binh lính mà ta đã tranh thủ và vận động từ trước, tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Sau cuộc họp, đồng chí Nông Văn Cún về Võ Nhai vận động nhân dân ủng hộ Bắc Sơn.

Chiều 27-9-1940, nhân dân các xã Bắc Sơn, Hưng Vũ, Chiêu Vũ, Trấn Yên cùng lực lượng xã đoàn, đồng, trang bị súng kíp, giáo, mác, gậy gộc, chia làm ba cánh tiến đánh đồn Mỏ Nhài. Buổi tối, quân ta nổ súng đánh đồn, chính thức mở đầu cuộc khởi nghĩa.

Ngay sau khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ, Đảng bộ Võ Nhài một mặt tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, mở rộng cơ sở quần chúng; mặt khác tích cực động viên sức người, sức của chi viện cho khởi nghĩa Bắc Sơn. Khoảng 10 thanh niên trung kiên thuộc trung đội tự vệ Võ Nhài đã tình nguyện lên Bắc Sơn cùng với quân khởi nghĩa chiến đấu chống lại sự đàn áp và khủng bố của kẻ thù. Được thử thách trong thực tiễn chiến đấu, một số đồng chí trở thành cán bộ và chiến sĩ đội du kích Bắc Sơn, làm hạt nhân cho sự phát triển các đội tự vệ địa phương và góp phần bảo vệ căn cứ địa cách mạng.

Đầu tháng 11-1940, Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ VII. Hội nghị quyết định: ở Bắc Bộ phải duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn, thành lập những đội du kích hoạt động phân tán và tiến tới thành lập căn cứ du kích. Lực lượng vũ trang Bắc Sơn có nhiệm vụ bảo vệ nhân dân, đấu tranh chống khủng bố khi cần thiết, vừa phát triển cơ sở cách mạng, vừa giữ vững mà mở rộng khu căn cứ, lấy vùng Bắc Sơn — Võ Nhài làm trung tâm.

Trung ương Đảng cử đồng chí Lương Văn Chi — ủy viên Ban thường vụ xứ ủy Bắc Kỳ — cùng Đảng bộ địa phương xây dựng khu căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhài và củng cố lực lượng du kích Bắc Sơn. Trung ương còn cử thêm một số cán bộ hoạt động ở miền xuôi lên tăng cường cho Bắc Sơn — Võ Nhài. Căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhài dần dần hình thành, đặt dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Trung ương và xứ ủy Bắc Kỳ. Tháng 1-1941, các đồng chí lãnh đạo khu căn cứ mở các lớp

huấn luyện quân sự, chính trị ngăn ngày nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ và chiến sĩ du kích. Căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhai ra đời đã khẳng định sự lớn mạnh của Đảng bộ và phong trào cách mạng ở địa phương, xứng đáng với niềm tin cậy của Trung ương Đảng và xú ủy Bắc Kỳ. Đồng thời, sự ra đời của khu căn cứ đã tạo thêm điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng ở Võ Nhai phát triển nhanh chóng trên con đường giải phóng dân tộc. Cũng từ đây trở đi, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai có thêm một trách nhiệm nặng nề và vẻ vang: Bảo vệ và phát triển khu căn cứ địa của cách mạng cả nước.

Cùng với sự thành lập căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhai, thực hiện nghị quyết Trung ương Đảng lần VII, đầu tháng 12-1940, đội du kích Bắc Sơn được củng cố lại, gồm có 20 đội viên, trang bị bằng súng trường, súng kíp.

Sau khi được củng cố, đội du kích Bắc Sơn đã có những hoạt động vũ trang đáng kể, gây ảnh hưởng tốt trong quần chúng và làm cho bọn mật thám, chỉ điểm phải khiếp sợ. Ngày 26-1-1941, đội đã phục kích bắn hai tên tay sai của thực dân Pháp ở Tam Hoa, một tên chết tại chỗ, một tên bị thương nặng. Hoạt động vũ trang của đội du kích đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp nối lại các đường dây liên lạc giữa các cơ sở Đảng ở địa phương. Phong trào cách mạng ở Bắc Sơn dần dần hồi phục, có sự liên hệ chặt chẽ với phong trào cách mạng Võ Nhai và được phong trào cách mạng Võ Nhai tích cực hỗ trợ.

Cuối tháng 2-1941, đoàn đại biểu Đảng trên đường lên Pác Bó (Cao Bằng) đề dự cuộc hội nghị Trung ương lần VIII dừng chân tại xã Vũ Lễ (Bắc Sơn). Trong thời gian ở Bắc Sơn, các đồng chí họp với Ban chỉ huy đội du kích đề nắm tình hình và đề ra một số chủ trương, biện pháp công tác cần kíp.

Ngày 23-2-1941, tại cuộc họp ở Khuổi Nọi (xã Vũ Lễ, Bắc Sơn) đồng chí Hoàng Văn Thụ thay mặt Trung ương Đảng nêu rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng, chủ trương phát triển đội du kích Bắc Sơn thành Cứu Quốc quân làm lực lượng nòng cốt xây dựng và bảo vệ khu căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhai. Đồng chí cũng nêu lên nhiệm vụ của Cứu Quốc quân là phải dùng hình thức vũ trang công tác, củng cố và mở rộng khu căn cứ, nhanh chóng phát triển lực lượng của mình để khi thời cơ đến sẽ tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Sau đó, đồng chí đã trao cho đội Cứu Quốc quân lá cờ đỏ sao vàng 5 cánh do Hội phụ nữ phản đế Hà Nội thêu tặng. Thay mặt đội Cứu Quốc quân, đồng chí Lương Văn Chi hứa với Trung ương Đảng quyết tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng, và đọc 5 lời thề danh dự của Đội :

1. Không phản Đảng.
2. Tuyệt đối trung thành với Đảng.
3. Kiên quyết phấn đấu và trả thù cho những đồng chí đã hy sinh.
4. Không hàng giặc.
5. Không hại dân.

Cũng tại cuộc họp trên, đồng chí Hoàng Văn Thụ trực tiếp giao cho Ban chỉ huy Đội nhiệm vụ tổ chức và chỉ huy một tổ Cứu Quốc quân dẫn đường và bảo vệ đoàn cán bộ đi họp hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII.

Sau khi ra đời, Cứu Quốc quân tích cực hoạt động mở rộng cơ sở. Được quần chúng nhân dân hết lòng tin yêu, giúp đỡ và bảo vệ, Cứu Quốc quân tiến hành trừ gian, diệt bọn phản động đầu sỏ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức quần chúng; đồng thời tích cực luyện tập quân sự. Cứu Quốc quân còn vận động nhân dân các dân tộc tham gia xây dựng cơ quan bí mật ở Khuổi Nọi. Cùng với các địa phương thuộc châu Bắc

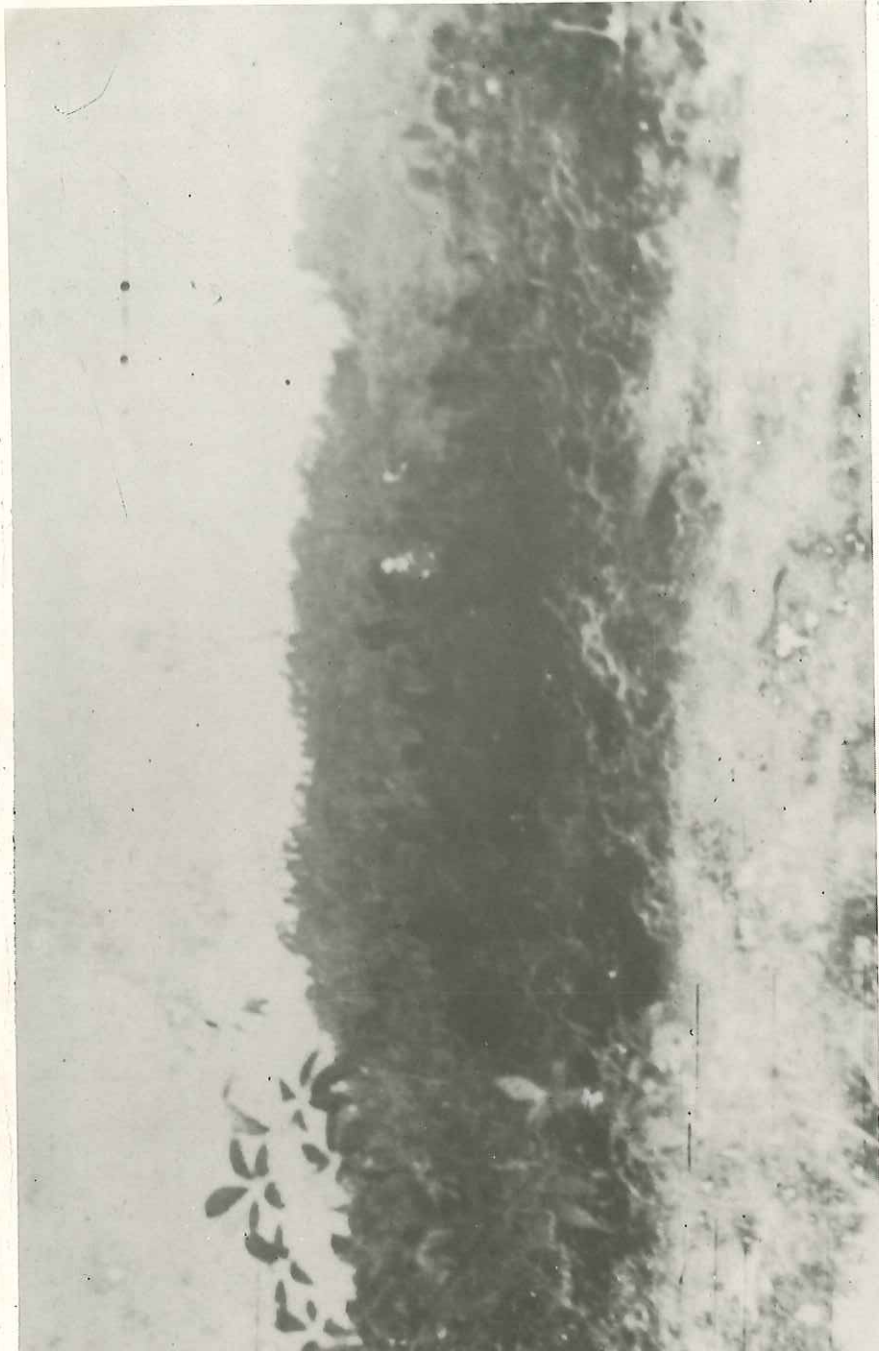
Sơn, nhân dân các xã Lậu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá... đóng góp lương thực, thực phẩm... để xây dựng cơ quan bí mật Khuổi Nọi.

Sự hoạt động tích cực của Cứu Quân quân dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương có tác dụng thúc đẩy phong trào cách mạng ở Võ Nhai phát triển nhanh chóng. Đến tháng 4-1941, vùng núi rừng hiểm trở thuộc các xã: Lậu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá... nối liền với các xã: Vũ Lễ, Vũ Lăng, Hữu Vĩnh, Ngự Viễn (Bắc Sơn) đã trở thành khu trung tâm của căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai.

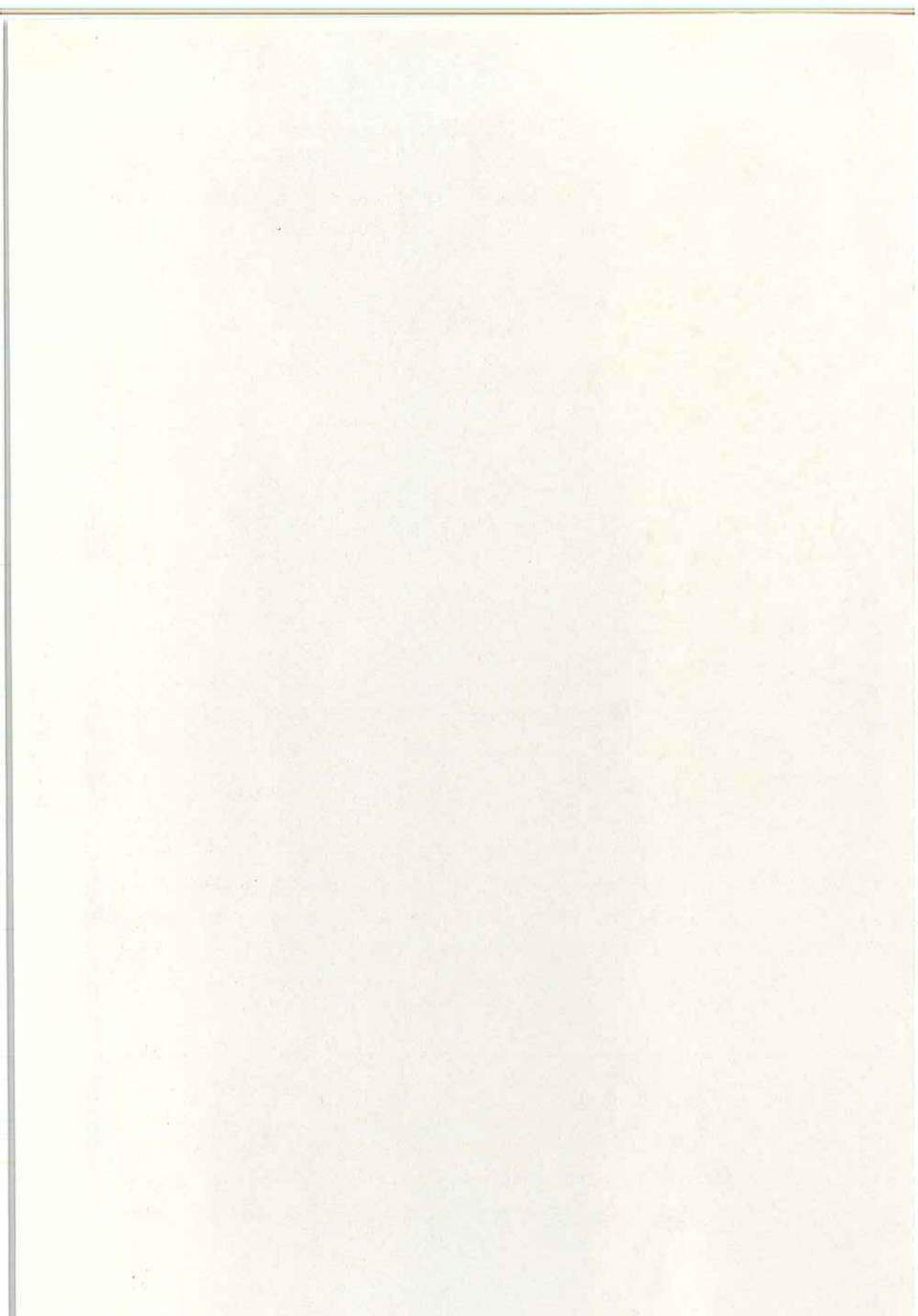
Tại khu trung tâm căn cứ địa, phong trào cách mạng diễn ra rất sôi nổi. Các cuộc mít tinh, hội họp, các đoàn thể quần chúng được tổ chức công khai. Trật tự, trị an ở các làng bản được bảo đảm. Các tầng lớp nhân dân trong khu đều hăng hái ủng hộ cách mạng, bảo vệ căn cứ. Các lớp huấn luyện quân sự và chính trị của Xứ ủy Bắc Kỳ liên tiếp mở ra tại khu trung tâm căn cứ địa, không những đào tạo nhiều cán bộ có năng lực cho Bắc Sơn - Võ Nhai, mà còn cho cả các tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang.

Trên đà phát triển của phong trào cách mạng, nhằm khuyến khích trưởng thành thế của lực lượng cách mạng, Ban lãnh đạo khu căn cứ quyết định tổ chức cuộc mít tinh lớn nhân ngày Quốc tế lao động, đồng thời làm lễ ra mắt đội Cứu Quốc quân.

Ngày 1-5-1941, tại cuộc mít tinh trọng thể tổ chức ở Khuổi Nọi, đội Cứu Quốc quân chính thức ra mắt trước niềm hân hoan chào đón của đông đảo quần chúng. Thay mặt cán bộ, chiến sĩ toàn Đội, đồng chí Lương Văn Chi đọc 5 lời thề danh dự của Đội đối với Đảng và nhân dân, hứa quyết tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.



Rừng Khuôn Mảnh



|| Cán bộ và chiến sĩ Đội Cứu Quốc quân I là con em đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Kinh. Đó là những đội viên đội du kích Bắc Sơn, là những đội viên trung kiên của các đội tự vệ ở các xã từng được rèn luyện, thử thách trong cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và trong các cuộc đấu tranh chống địch khủng bố.

Trong những tháng đầu năm 1941, một tổ Cứu Quốc quân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dẫn đường bảo vệ đoàn đại biểu đi họp hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII. Mưu trí và dũng cảm, đơn vị đã đưa đoàn đại biểu xuất phát từ Khuchi Nội, qua Bình Gia, Văn Mịch, Tràng Định, sang Long Châu (Quảng Tây, Trung Quốc), quay về Pác Bó (Cao Bằng) an toàn vào tháng 4-1941. Sau khi hội nghị kết thúc, đoàn cán bộ Trung ương lại được đơn vị Cứu Quốc quân bảo vệ về đến căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai vào đầu tháng 7-1941. Các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ định Ban lãnh đạo mới của căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhai, đồng thời cũng là Ban chỉ huy trung đội Cứu Quốc quân I, do đồng chí Phùng Chí Kiên — ủy viên Trung ương Đảng — làm chỉ huy trưởng.

Cùng thời gian trên, sau khi Nguyễn Thành Diên bị bắt và khai báo, địch biết được các đồng chí Trường Chinh — Tổng Bí thư, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt — Ủy viên thường vụ Trung ương Đảng, đang ở Bắc Sơn — Võ Nhai và một số chủ trương của Đảng ta đối với phong trào Bắc Sơn — Võ Nhai, do đó chúng càng ráo riết chuẩn bị khủng bố, hòng tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng và vây bắt đoàn cán bộ Trung ương.

Thực hiện ý đồ trên, ngay từ tháng 6-1941, thực dân Pháp huy động 4000 quân từ Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang dồn về vây chặt khu căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhai. Chúng đào hầm, hố, chặt cây đẽ làm công sự dọc đường từ La Hiên đến Đình Cả. Chúng điều chi nhánh mật thám Bắc Sơn về Đình Cả và chuyển một bộ phận

từ Đình Cả lên Bắc Sơn. Đồng thời, chúng điều động 10 trung đội lính khố xanh từ Lạng Sơn về Mỏ Nhài và một đơn vị lính khố đỏ từ Thái Nguyên lên Đình Cả. Tại một số nơi như: Cầu Rân, Đình Công, Chùa Xá (Đình Cả), Ngã Hai... chúng lập các phòng tra tấn, nơi lấy cung, nhà giam cùng với hệ thống đồn chốt chạy dài từ Mỏ Nhài đến Mỏ Gà — Nà Pheo — Nà Phài — Đình Cả — La Hiên.

Nhận rõ được âm mưu và hành động của địch, Đảng bộ Võ Nhài chủ trương nâng cao cảnh giác, giữ gìn bí mật, bảo vệ lực lượng; cán bộ, đảng viên phải kiên trì bám dân, bám đất; chuyển một bộ phận lớn tài liệu, lương thực vào trong các hang bí mật, đồng thời tuyên truyền, giáo dục quần chúng, chuẩn bị cho quần chúng biện pháp đối phó hành động khủng bố của địch.

Đầu tháng 7-1941, được bọn mật thám chỉ diêm, quân Pháp bất ngờ ập vào khu vực Phú Thượng, Trảng Xá, bắt một số cán bộ, đảng viên và đốt phá nhiều nhà cửa của dân. Cuộc khủng bố của địch vào khu căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhài ngày càng trở nên khốc liệt. Tính từ đầu tháng 7 đến 25-7-1941, riêng tại Võ Nhài, địch đã bắt giam, tra tấn 27 cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng.

Dù bị địch săn lùng ráo riết, nhưng được Cứu Quốc quân và nhân dân bảo vệ, giúp đỡ, ngày 21-7-1941, các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng rút khỏi Lan Tây an toàn và đầu tháng 8-1941, các đồng chí về đến cơ quan bí mật ở Núi Lều (Trảng Xá).

Gần một tháng càn quét ở Bắc Sơn không bắt được các đồng chí Trung ương Đảng và cũng không tiêu diệt được Cứu Quốc quân, thực dân Pháp và tay sai điên cuồng khủng bố nhân dân. Chúng bắt tất cả người nhà của những ai tham gia hoạt động cách mạng về giam tại Đàng Lang (xã Quỳnh Sơn). Chúng dỡ nhà, cướp của, dồn dân các bản Lan Pán, Nà Yêu, Khuổi Cướm, Mỏ Pía...

về tập trung tại bản Pác Mỏ (Hữu Vĩnh). Chúng liên tiếp mở các cuộc càn quét vào vùng Khuổi Nọi — trung tâm căn cứ của Cứu Quốc quân ở Bắc Sơn.

Cứu Quốc quân đã dũng cảm chặn từng bước hành động khùng bố của địch, quyết tâm bảo vệ căn cứ, giữ vững phong trào. Nhưng tình hình mỗi lúc một khó khăn. Vùng trung tâm của Cứu Quốc quân liên tục bị tiến công, cơ sở quần chúng ở một vài nơi bị tan vỡ. Sinh hoạt của cán bộ và Cứu Quốc quân ở trong rừng ngày càng gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình ấy, để bảo toàn lực lượng, Ban chỉ huy quyết định rút đại bộ phận Cứu Quốc quân lên Cao Bằng và vùng biên giới Việt Trung, chỉ để một tiểu đội ở lại khu căn cứ làm nhiệm vụ giữ vững cơ sở quần chúng.

Ngày 8-8-1941, tiểu đội thứ nhất rút khỏi Khuổi Nọi, lên vùng biên giới Việt — Trung an toàn. Ngày 10-8, tiểu đội thứ hai rời Khuổi Nọi, nhưng ngày 22-8, khi tới làng Khau Pàn (xã Bằng Đức, châu Ngân Sơn) thì lọt vào ổ phục kích của địch. Đồng chí Phùng Chí Kiên hy sinh. Đồng chí Lương Văn Chi bị địch bắt đem về giam tại nhà tù Cao Bằng. Số còn lại trong tiểu đội rút lên căn cứ Cao Bằng.

Trong khi đó, bộ phận ở lại căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai phân chia thành từng tổ hoạt động ở các xã Vũ Lăng, Vũ Lễ, Hung Vũ, Chiêu Vũ, Hữu Vĩnh, Bắc Sơn... Địch truy lùng ráo riết. Đến cuối tháng 8-1941, chúng bắt được 6 chiến sĩ Cứu Quốc quân¹ sau đó chúng đem đi bắn và bêu đầu những người này ở châu lỵ để uy hiếp tinh thần của nhân dân. 4 đồng chí còn lại (Nguyễn Cao

1. Gồm các đồng chí: Hoàng Đình Ruệ, Dương Thần Tàn, Hoàng Doãn Hoàng, Hoàng Văn Thăng, Mã Việt Thốn, Mã Việt Vinh.

Đàm, Dương Quốc Vinh, Đường Văn Thức và Đường Quảng Long) rút xuống Võ Nhai cùng bộ phận Cứu Quốc quân ở đây đấu tranh chống địch khủng bố.

Tại Võ Nhai, lúc này cuộc khủng bố của địch đang diễn ra ngày càng khốc liệt. Địch điều các chi nhánh mật thám lên đóng chốt ở Đình Công, Đình Cả, Làng Giữa, hòng chặn đường các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng về xuôi, đàn áp và khủng bố nhân dân, tiêu diệt Cứu Quốc quân. Chúng tổ chức các vụ bắt người, đốt phá nhà cửa và ruộng vườn ở các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá...

Hành động tàn bạo của thực dân Pháp và tay sai không uy hiếp được tinh thần quần chúng. Cùng với Cứu Quốc quân, nhân dân các dân tộc Võ Nhai vừa đấu tranh chống địch khủng bố, vừa bảo vệ an toàn các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng. Chính trong những ngày địch khủng bố ác liệt ở Võ Nhai, các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng vẫn tiếp tục mở các lớp huấn luyện tại Bán Bàng, Núi Lều (Tràng Xá) đề phê biến nội dung nghị quyết Trung ương lần thứ VIII và huấn luyện cán bộ. Sau đó, đồng chí Trường Chinh và đồng chí Hoàng Văn Thụ lên đường về xuôi. Đồng chí Hoàng Quốc Việt ở lại một thời gian đề trực tiếp chỉ đạo phong trào ở khu căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai.

Từ tháng 9-1941 trở đi, cuộc khủng bố của thực dân Pháp ở Võ Nhai trở nên dữ dội. Chúng củng cố các đồn cũ, lập thêm hệ thống đồn binh và chốt gác, chạy dài từ Bình Long qua La Chẽ, Làng Nác, Làng Giang, Làng Giữa đến Lâu Thượng, Phú Thượng, La Hiên. Ở vùng Bắc Sơn (Lạng Sơn), Đồng Hỷ (Thái Nguyên), Hữu Lũng, Yên Thế (Bắc Giang), địch cũng xây thêm đồn binh, tạo thành thế bao vây, phong tỏa Võ Nhai. Chúng còn tăng cường mạng lưới mật thám xuống tận các bản làng hẻo lánh đề dò xét tình hình. Ngoài ra, thực dân Pháp còn

cho bọn tay chân lũng tục, kiểm soát các con đường vào cửa rừng, lấy vôi, tro rắc lên đường, buộc cỏ, buộc cành cây, lá cây trên các lối đi để phát hiện dấu vết của Cứu Quốc quân.

Song song với hành động thẳng tay khủng bố, đàn áp thực dân Pháp còn cho tay chân tuyên truyền xuyên tạc, phao tin đồn nhảm nhằm gây hoang mang trong quần chúng, gây chia rẽ giữa nhân dân với cán bộ và Cứu Quốc quân, làm cho cán bộ Cứu Quốc quân mất chỗ dựa.

Không thực hiện được âm mưu trên, thực dân Pháp và tay sai chuyển sang thực hiện chính sách dồn làng, tập trung dân như chúng đã áp dụng ở Bắc Sơn. Chúng đốt nhà, cướp của; dồn dân vào sống trong các khu tập trung ở Nà Pheo (Phú Thượng) Đình Cả, Làng Giữa, Đồng Ên, hòng cô lập và tiêu diệt Cứu Quốc quân theo kiểu « tát nước bắt cá ». Mỗi khu tập trung dân đều có hàng rào tre vót nhọn bao quanh. Ban ngày cũng như ban đêm đều có lính canh gác, tuần phòng nghiêm ngặt. Hàng ngày, cứ tối đến, chúng lại điềm mặt từng người. Trên diện tích khoảng 900 m² ở Làng Giữa, hơn 3000 đồng bào phải sống chen chúc trong những túp lều xiêu vẹo. Hơn 200 đồng bào cũng bị đẩy ải như thế trong trại tập trung ở Nà Pheo. Chúng còn cho bọn mật thám trà trộn trong nhân dân ở khu tập trung để theo dõi, rình mò. Thâm độc và xảo quyệt, địch còn lùng bắt bố mẹ, vợ con của các chiến sĩ Cứu Quốc quân đem giam tại Chợ Chu (Định Hóa), hòng làm nao núng tinh thần của cán bộ, chiến sĩ ta¹.

Hành động của địch tuy gây cho ta nhiều khó khăn, nhưng không thể ngăn cản được phong trào cách mạng.

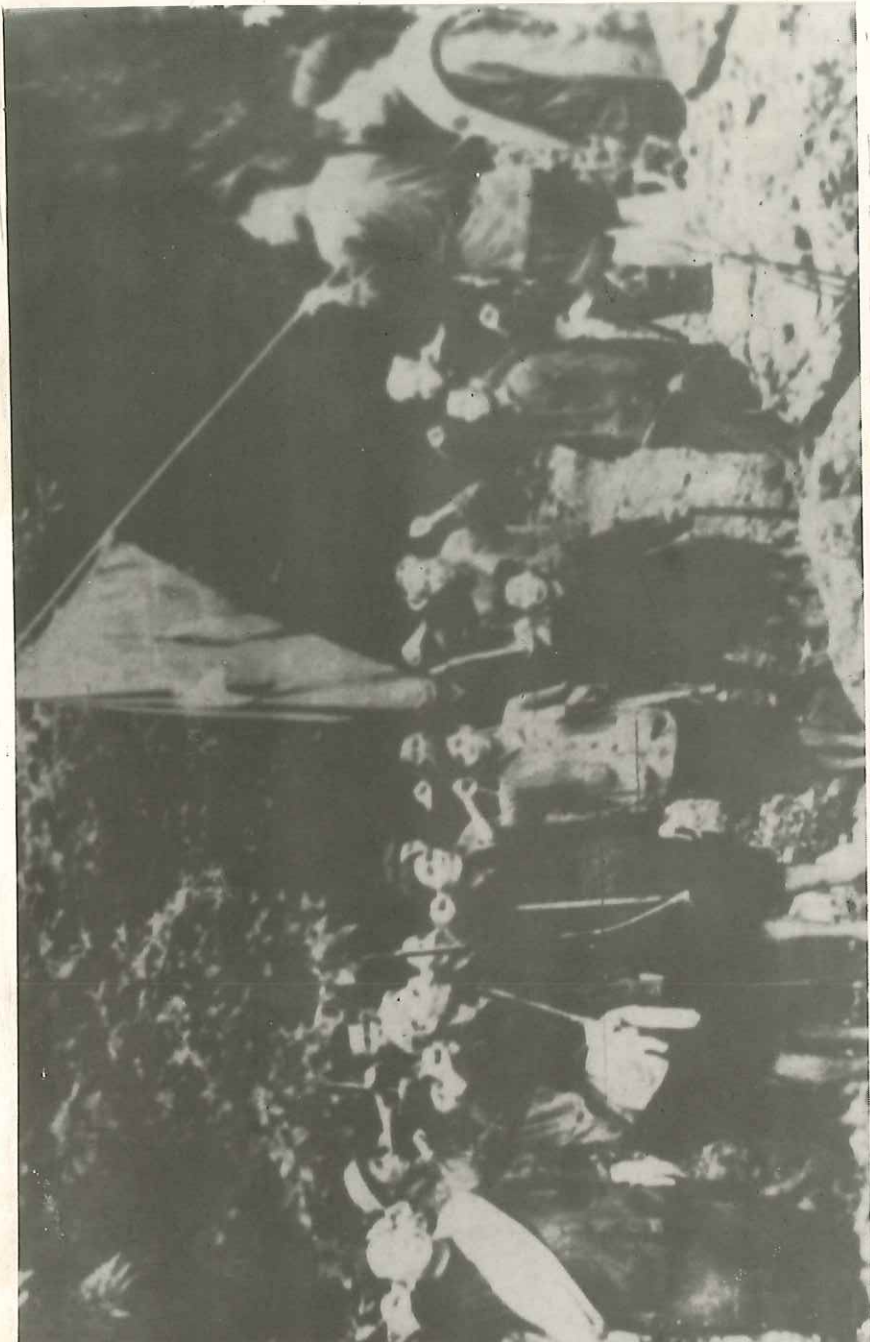
1. Trong thời gian trên, địch đã bắt 106 thân nhân các chiến sĩ cách mạng giam tại nhà tù Chợ Chu, làm cho nhiều người chết.

Nhân dân sống trong các khu tập trung vẫn tìm cách lợi dụng sự sơ hở của địch để liên lạc, tiếp tế cho cán bộ, đảng viên và Cứu Quốc quân ở trong rừng. Cán bộ, chiến sĩ Cứu Quốc quân ở trong rừng sâu vẫn tích cực hoạt động. Ban ngày, họ học tập chính trị và huấn luyện quân sự. Ban đêm, họ chia thành các tổ công tác, bí mật trở về các bản, các khu tập trung dân để liên lạc với quần chúng, động viên và hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Nhờ đó, phong trào vẫn được giữ vững và phát triển. Trải qua những ngày đấu tranh chống địch khủng bố, cơ sở quần chúng thêm vững mạnh; Các tổ chức Cứu Quốc phát triển ngày càng sâu rộng, tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, các đội tự vệ tiếp tục được bổ sung nhiều đội viên trung kiên trong các hội Cứu Quốc.

Trên cơ sở đó, ngày 15-9-1941, ngay giữa vòng vây của hàng ngàn quân địch, trung đội Cứu Quốc quân thứ 2 được thành lập tại khu rừng Khuôn Mảnh (xã Trảng Xá), gồm 36 cán bộ và chiến sĩ. Vài ngày sau, quân số đã lên tới 46 người¹. Trong buổi lễ thành lập, đồng chí Hoàng Quốc Việt — ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng — trao lá cờ đỏ sao vàng và giao nhiệm vụ cho Đội phải tích cực đấu tranh chống địch khủng bố, trừ gian, diệt phản động đầu sỏ, bảo vệ cơ sở cách mạng, đồng thời không ngừng củng cố và phát triển các đội tự vệ làm nguồn bổ sung cho Cứu Quốc quân. Ban chỉ huy trung đội do đồng chí Hoàng Quốc Việt chỉ định, gồm 3 đồng chí (Chu Văn Tấn là chỉ huy trưởng, Nguyễn Cao Đàm là chính trị chỉ đạo viên và Trần Văn Phấn là chỉ huy phó).

Trong buổi đầu thành lập, trung đội Cứu Quốc quân II được phân chế thành 5 tiểu đội, do các đồng

1. Xem phụ lục.



Lễ thành lập trung đội CCQ2 tại rừng Khuôn Mán thôn Ngọc Mỹ xã Trảng Xá 15-9-1941

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

chí: Chu Quốc Hưng, Lê Dục Tôn, Hứa Văn Chi (tức Đinh Khánh), Trù Văn Thông và Hà Văn Lợi (tức Hà Văn Mạnh) làm tiểu đội trưởng.

Sự ra đời của trung đội Cứu Quốc quân II đánh dấu thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống địch khủng bố của nhân dân các dân tộc Võ Nhai. Được sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ, cán bộ, đảng viên và Cứu Quốc quân kiên trì bám trụ, thường xuyên đi sát quần chúng, giữ vững phong trào, duy trì tiếng súng đấu tranh chống địch.

Sau khi thành lập, trung đội Cứu Quốc quân II được phân chia thành nhiều đơn vị nhỏ đi vào các cơ sở để đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống địch khủng bố. Ngày 16-9-1941, một tđ Cứu Quốc quân phục kích tại đèo Bắp, diệt tên Đức Phú — tay sai đặc lực của Pháp, có nhiều nợ máu với nhân dân. Ngày 2-10-1941, khoảng 20 cán bộ, chiến sĩ Cứu Quốc quân đã đẩy lùi cuộc càn quét của 2 trung đội lê dương ở Khuôn Kện (Tràng Xá). Ngày 5-10-1941, Cứu Quốc quân lại phá tan cuộc tấn công của 200 tên địch vào Khuôn Ba, cứu được nhiều cụ già và trẻ em đang bị bao vây. Ngày 15-10-1941, một tiểu đội du kích đã chặn đánh 100 tên địch tràn vào Khuôn Đa (Tràng Xá), buộc chúng phải rút chạy. Tiếp đó, ngày 25-10, 3 cán bộ và chiến sĩ Cứu Quốc quân dũng cảm chiến đấu, đánh lui nhiều đợt tiến công của địch vào Khuôn Xóm, diệt 9 tên, phá tan cuộc càn.

Cùng thời gian trên, sau khi đồng chí Hoàng Quốc Việt về xuôi, Trung ương Đảng tiếp tục cử cán bộ lên Võ Nhai. Trung tuần tháng 10-1941, đồng chí Đào Văn Trường là ủy viên Thường Vụ Xứ ủy Bắc Kỳ lên Võ Nhai để truyền đạt chỉ thị của Trung ương và tham gia lãnh đạo phong trào. Ủy ban quân sự — chính trị căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai được thành lập, gồm có các đồng chí: Đào Văn Trường,

Nguyễn Cảo Đàm, Chu Văn Tấn, do đồng chí Đào Văn Trường làm chủ nhiệm. Ủy ban quân sự — chính trị có nhiệm vụ kiện toàn Cứu Quốc quân, lãnh đạo Cứu Quốc quân đánh du kích chống địch khủng bố, bảo vệ cơ sở cách mạng, củng cố và phát triển các hội Cứu Quốc, mở rộng địa bàn hoạt động của Cứu Quốc quân.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương và Ủy ban quân sự — chính trị, cuối tháng 10-1941, Cứu Quốc quân rút vào rừng sâu để chuẩn bị chiến đấu. Toàn đội có 60 cán bộ, chiến sĩ, chia thành 7 tiểu đội; mỗi tiểu đội có một tờ Đảng, cùng sinh hoạt trong một chi bộ Cứu Quốc quân.

Trên cơ sở được củng cố về tổ chức, trung đội Cứu Quốc quân II bước vào đợt học tập chính trị và huấn luyện quân sự. Nội dung học tập chính trị là đường lối, chủ trương của Đảng, chương trình và điều lệ mặt trận Việt Minh, cách tổ chức các hội Cứu quốc. Nội dung huấn luyện quân sự là chiến thuật du kích và những động tác quân sự cơ bản. Ngoài ra, cán bộ và chiến sĩ còn học tập 10 điều kỷ luật¹ và 5 lời thề danh dự của Đội. Đảng viên trong chi bộ của Đội học tập tài liệu « Cộng sản sơ giải » và nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ VIII. Đợt học tập chính trị và huấn luyện quân sự đã nâng cao sức chiến đấu, năng lực công tác của Cứu Quốc quân. Trình

1. Mười điều kỷ luật đã có từ hai lớp huấn luyện quân sự đầu tiên của Đảng ở Đức Thắng (Bắc Giang) vào cuối năm 1940:

1 — Tuyệt đối phục tùng Mệnh lệnh cấp trên.

2 — Không lấy cái kim, sợi chỉ của dân.

3 — Mua bán của dân phải cho công bằng...

4 — Tuyệt đối không đem của công làm của tư.

5 — Nói năng phải lễ phép.

6 — Ở đâu phải giữ gìn sạch sẽ nhà, vườn của dân.

7 — Bất được của rơi phải trả.

8 — Làm hỏng cái gì phải đền.

9 — Không tắm rửa trước phụ nữ.

10 — Không rượu chè, cờ bạc, hút thuốc phiện.

độ giác ngộ chính trị, tư tưởng và đạo đức, tác phong của cán bộ, chiến sĩ Cứu Quốc quân cũng được nâng lên một bước.

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc phát triển lực lượng, giữ vững cơ sở, mở rộng căn cứ ra ngoài vòng vây địch, từ cuối tháng 10-1941, Cứu Quốc quân II chia thành các tổ công tác đi xây dựng cơ sở. Ngày 19-11-1941, một tổ Cứu Quốc quân gồm các đồng chí: Nguyễn Cao Đàm, Chu Việt Phong, Phương Cương, Đường Thị Ân, Hoàng Thị Môn, Hoàng Thị Ngoan bí mật vượt vòng vây địch sang Đại Từ, nối liên lạc với cơ sở Đảng ở La Bằng, rồi mở rộng sang vùng Chợ Chu (Định Hóa), Phương Liên (Sơn Dương, Tuyên Quang). Một tổ do đồng chí Chu Quốc Hưng phụ trách lấy Phú Thượng làm bàn đạp đề khôi phục lại phong trào ở vùng Bắc Sơn. Một tổ do đồng chí Hoàng Tài phụ trách phát triển sang vùng Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang) và Đồng Hỷ (Thái Nguyên). Nhờ thế, các địa phương trên có điều kiện thuận lợi để xây dựng các đội tự vệ, phát triển phong trào cách mạng.

Trong khi đó, tại khu căn cứ địa, bộ phận Cứu Quốc quân còn lại (40 đồng chí) chia thành nhiều tổ, kiên trì bám dân, quyết tâm giữ vững cơ sở cách mạng. Cán bộ và chiến sĩ Cứu Quốc quân vừa tích cực tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, vừa trừng trị những tên tay sai đắc lực của Pháp, vừa làm tốt công tác binh vận. Nhiều truyền đơn được Cứu Quốc quân viết ra bằng tiếng Việt, tiếng Pháp để tuyên truyền binh lính địch. Đối với binh lính người Việt, Cứu Quốc quân dựa vào quần chúng, vạch võ cho họ thấy nỗi tủi nhục của người dân mất nước, khơi dậy trong họ lòng yêu nước, tình đồng bào. Trên cơ sở đó, Cứu Quốc quân kêu gọi họ không bắn giết nhân dân và các chiến sĩ cách mạng, hoặc vác súng quay về với nhân dân chống lại giặc Pháp. Đối với lính Pháp, lính lê dương, chúng ta nói rõ đường lối cách mạng giải

phóng dân tộc của Đảng, sự đầu hàng của Pháp đối với Nhật và thái độ khinh rẻ của Nhật đối với lính Pháp; đồng thời kêu gọi họ noi gương các chiến sĩ Tây Ban Nha, không bắn vào những người cách mạng. Kết quả của công tác binh vận đã làm cho nhiều binh lính trong hàng ngũ địch lúc này tỏ thái độ trung lập hoặc có thiện cảm với cách mạng. Trong một số cuộc càn quét, binh lính địch, có cả lính Âu-Phi, lính Pháp, bắn chi thiên cố ý làm lộ cuộc hành quân; có người còn bí mật liên lạc báo tin cho Cứu Quốc quân kịp thời đối phó.

Cứu Quốc quân còn tổ chức nhiều trận đánh địch rất dũng cảm. Ngày 17-12-1941, một tiểu đội Cứu Quốc quân đi công tác bị lọt vào vòng vây của 60 tên lính lê dương tại Mỏ Nùng (Lâu Hạ). Mặc dù ở vào tình thế hoàn toàn bất lợi, cán bộ và chiến sĩ trong tiểu đội vẫn chiến đấu ngoan cường. Tiểu đội trưởng Hà Văn Mạnh một mình nổ súng kìm chân địch cho đồng đội rút lui. Với một khẩu súng trường và 28 viên đạn, đồng chí đã tiêu diệt và bắn bị thương 20 tên địch. Chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, đồng chí đã hy sinh anh dũng, nêu gương sáng cho đồng đội.

Đêm 31-12-1941, Cứu Quốc quân tổ chức bắn súng, quấy rối đồn lính lê dương ở Trảng Xá, làm cho quân địch hoảng sợ, mất ăn mất ngủ. Vì thế, ngay sau đó chúng phải tăng cường thêm quân đề bảo vệ đồn và phát quang cây cỏ xung quanh đồn trong phạm vi bán kính 500 mét.

Mặc dù sống trong hoàn cảnh rất khó khăn, thiếu thốn, chiến đấu liên tục, nhưng Cứu Quốc quân vẫn tổ chức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ rất sôi nổi. Toàn đội phát động phong trào học hát, làm thơ, viết báo và viết nhật ký. Những bài hát: «Hoàng Phố», «Tuốt gươm trường ba thước», «Cùng nhau đi hồng binh» với lời ca mẽ

mạc nhưng có sức truyền cảm mạnh mẽ, được phổ biến rộng rãi trong cán bộ và chiến sĩ. Một số bài hát được sáng tác theo làn điệu dân ca Tây, Nùng, động viên chị em phụ nữ tham gia cách mạng. Việc học tập văn hóa trong Cứu Quốc quân cũng được đặt ra và duy trì, dần dần trở thành một nhu cầu không thể thiếu của người chiến sĩ. Nhờ đó, trình độ văn hóa của cán bộ, chiến sĩ Cứu Quốc quân được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp thu nhanh chóng đường lối, chủ trương của Đảng.

Việc khen thưởng và kỷ luật của Cứu Quốc quân được thực hiện kịp thời, nghiêm minh, có tác dụng động viên, giáo dục mọi người. Sau mỗi đợt công tác hoặc sau mỗi trận chiến đấu, toàn đội lại tổ chức trao đổi rút kinh nghiệm nhằm phát huy những thành tích, ưu điểm và khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm.

Cứu Quốc quân thực sự là đội quân cách mạng của Đảng, của nhân dân. Tình đồng đội, đồng chí cũng như mối quan hệ gắn bó giữa Cứu Quốc quân với nhân dân ngày càng được tăng cường. Đó chính là nguồn sức mạnh vô địch đảm bảo cho Cứu Quốc quân tồn tại và không ngừng trưởng thành.

Đầu năm 1942, thực dân Pháp tập trung lực lượng quyết tâm tiêu diệt căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhai và Cứu Quốc quân II. Chúng huy động lính Pháp, lính Âu — Phi, lính Tây Nguyên, lính khố xanh về Võ Nhai, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét sâu vào các khu rừng. Chúng lập thêm đồn bốt, bao vây và cắt đứt mọi đường dây liên lạc giữa khu căn cứ với Trung ương và các tổ công tác ở Đại Từ, Định Hóa; đồng thời chúng ra sức bao vây, phong tỏa kinh tế. Hiềm độc hơn, chúng cho tay chân đào mìn má tồ tiên của cán bộ, chiến sĩ chủ chốt, đánh vào tinh cảm thiêng liêng của đồng bào và cán bộ ta. Sau trận Cứu Quốc quân bắn đồn Tràng

Xá đêm 31-12, thực dân Pháp ra yết thị đe dọa: nếu một lính Pháp bị bắn chết thì chúng sẽ đem 4 người thân của Cứu Quốc quân trong các trại tập trung ra bắn. Trong nhân dân có một số người hoang mang, dao động. Khu căn cứ và lực lượng vũ trang cách mạng đứng trước một thử thách mới rất nghiêm trọng.

Trước tình hình trên, Ban chỉ huy Cứu Quốc quân đề ra chủ trương đối phó đúng đắn:

1. Tạm thời ngừng tiến công quân sự.
2. Đầy mạnh tiến công chính trị lột mặt nạ của đế quốc, giác ngộ quần chúng và làm tốt công tác binh vận.
3. Kiên quyết diệt mật thám và đánh úp lấy súng của binh lính địch ở ngoài vòng vây trực tiếp, như Bắc Sơn, Yên Thế.

Đề nổi lại liên lạc, báo cáo và xin chỉ thị của Trung ương và phương hướng hoạt động của Cứu Quốc quân trong tình hình mới, ngày 23-2-1942 đồng chí Đào Văn Trường — Chủ nhiệm Ủy ban quân sự chính trị — lên đường về xuôi. Nhưng trên đường đi, đồng chí đã bị sa vào tay giặc. Trong khi đó, tại khu căn cứ, vòng vây của Pháp ngày càng xiết chặt. Ngày 27-2-1942, chúng sử dụng một lực lượng lớn lính lê dương càn sâu vào căn cứ, bao vây Suối Bùn, tiến xuống tận Suối Dương. Tình thế trở nên nguy hiểm.

Nhằm mục đích bảo toàn lực lượng, Ban chỉ huy Cứu Quốc quân quyết định đưa đại bộ phận lực lượng rút lên biên giới Việt Trung, chỉ để một bộ phận nhỏ ở lại căn cứ bám sát cơ sở. Bộ phận ở Đại Từ, Định Hóa (Thái Nguyên) và bắc Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang cũ) tiếp tục xây dựng và phát triển cơ sở quần chúng.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 10-3-1942, một tiểu đội Cứu Quốc quân tiến về vùng Cây Thị (Đồng Hỷ), rồi vòng sang Bắc Giang để đánh lạc hướng địch. Tiếp đó,

ngày 14-3, hơn 40 cán bộ, chiến sĩ bị mất rời khỏi căn cứ. Hơn 10 ngày ròng rã, vượt qua các chòi canh, bốt gác, đồn lính của địch, không quản ngại khó khăn, gian khổ, vững tin ở ngày trở về, Cứu Quốc quân đã an toàn lên đến biên giới Việt — Trung. Mất mục tiêu khủng bố về quân sự, cuối tháng 3-1942 thực dân Pháp rút bớt lực lượng khỏi khu vực Bắc Sơn — Võ Nhai. Nhưng cũng từ thời gian này, phong trào ở địa phương tạm thời lắng xuống.

Trải qua 8 tháng hoạt động du kích (7-1941 — 2-1942), Cứu Quốc quân phối hợp với nhân dân tác chiến trong những điều kiện vô cùng khó khăn, gian khổ, đã tiêu hao lực lượng địch, bảo vệ và phát triển lực lượng. Tính đến tháng 3-1942, lực lượng Cứu Quốc quân lên tới 70 người, vũ khí trang bị tăng gấp 5 lần so với ngày đầu thành lập. Cuộc chiến đấu của Cứu Quốc quân đã đề lại niềm tin trong quần chúng nhân dân ở địa phương; mặt khác nó cũng đề lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng (2-1943) nhận định: «Đáng chú ý nhất trong phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Đông Dương trong 18 tháng lại đây là cuộc võ trang chống Nhật — Pháp của đội quân du kích Bắc Sơn, Đình Cả... ở châu Võ Nhai, Thái Nguyên (Bắc Kỳ)... Cuộc chiến đấu anh dũng này chứng tỏ rằng:

1. Nhân dân Đông Dương có thể đánh du kích chống nhau với Nhật — Pháp mặc dù chúng có máy bay, trái phá.

2. Mặt trận dân tộc chống phát xít Nhật — Pháp đã thực hiện ngay trên đường đấu tranh võ trang.

3. Cầm khí giới chống nhau với phát xít, đội quân du kích Bắc Sơn, Đình Cả đã thực tế ủng hộ Liên Xô kháng chiến.

Sau 8 tháng chiến đấu làm cho quân địch phải chạt vật và thiệt hại, quân ta không đủ điều kiện tấn công, đã phá vòng vây của Pháp, tạm rút lui và để lại cho ta một bài học quý báu. Nó dạy ta muốn thắng:

a) Phải làm cho chiến tranh du kích sinh sôi nảy nở thành cuộc khởi nghĩa của nhân dân toàn xứ.

b) Phải luôn luôn tấn công quân địch và giữ địa vị chủ động.

c) Phải phối hợp với dân chúng quấy rối sau lưng quân địch không để cho chúng bao vây về kinh tế cũng như về quân sự¹.

Tiếng súng đánh địch của Cứu Quốc quân và tự vệ khu căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở các địa phương thuộc Bắc Cạn, Thái Nguyên và các tỉnh lân cận. Tại Phò Yên, tự vệ xã Tiên Thủ từ 1 tiểu đội đã phát triển thành 1 trung đội. Lực lượng tự vệ tổ chức rải truyền đơn trên dọc đường số 3 kêu gọi nhân dân đấu tranh; kéo cờ đỏ sao vàng trên đồi Thông Hạc (8-1941)... Tại Phú Bình, đường dây liên lạc giữa căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhai với Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ đã hình thành. Năm 1942, phong trào đấu tranh chống thuế, chống tô ruộng, chống bắt phu làm đường Hà Châu đi Yên Thế lên mạnh. Cuối năm đó, tại Kha Sơn Hạ, đội tự vệ ra đời gồm 10 người, được trang bị kiếm, mã tấu và một vài khẩu súng. Tiểu đội có nhiệm vụ bảo vệ cán bộ đảng, các cơ sở bí mật của Xứ ủy, giữ vững đường dây liên lạc giữa Trung ương, Xứ ủy với căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai với chi bộ Đảng ở Căng Bá Văn (Đồng Hỷ).

1. Văn kiện Đảng 1939 — 1945 — Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1963, tr. 331, 332.

Trong khi đó, tại Võ Nhai, mặc dù Cứu Quốc quân đã rút lên biên giới Việt — Trung, nhưng thực dân Pháp vẫn tiếp tục khủng bố phong trào, đồng thời chúng ra sức tuyên truyền lừa bịp, hòng gây hoang mang trọng dân chúng. Trong hoàn cảnh đó, các đồng chí cán bộ, đảng viên ở địa phương tích cực bám sát cơ sở, giác ngộ và động viên quần chúng, quyết tâm duy trì và củng cố phong trào.

Cuối tháng 3-1942, hàng trăm phụ nữ, trẻ em ở Tràng Xá kéo lên đồn Tràng Xá, Đình Cả đòi địch phải thả những người bị bắt giam ở Chợ Chu. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân, đầu tháng 4-1942, thực dân Pháp phải thả 71 người bà con của Cứu Quốc quân trở về Võ Nhai.

Chống lại hành động vơ vét, cướp phá của địch, nhân dân Võ Nhai đã sử dụng nhiều hình thức phong phú. Đồng bào ở Lâu Thượng, Phú Thượng đánh trống, mõ, reo hò phản đối hành động cướp phá của địch. Nhiều nơi nhân dân lấy lý do mắc nợ quá nhiều, mùa màng sút kém đề trì hoãn việc nộp thuế. Địch bắt nhân dân phải nộp hoặc bán thóc với giá rẻ mạt, rồi tìm cách quy tiền. Viện cơ địch không trả tiền, nhân dân cùng nhau vận động không bán lương thực cho chúng. Địch bắt nhân dân phải trồng thầu dầu, trồng đay, trồng lạc, đồng bào trong nhiều xã chống lại bằng cách lấy phần lớn hạt giống ngâm vào nước sôi rồi mới đem gieo v.v.

Cùng thời gian trên, bộ phận Cứu Quốc quân hoạt động ở khu vực hữu ngạn sông Cầu cũng thu được nhiều kết quả. Tại đây, Cứu Quốc quân đã nhanh chóng xây dựng và phát triển các hội Cứu Quốc ở Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ, Đình hóa, Sơn Dương, Yên Sơn. TĐ Cứu Quốc quân hoạt động ở bắc Yên Thế, Hữu Lũng

(Bắc Giang cũ) cũng xây dựng được các hội Cứu Quốc ở Mỏ Sắt, Canh Nậu, Đồng Vương...

Cơ sở cách mạng ngày càng mở rộng đòi hỏi phải có cán bộ chỉ đạo, củng cố và phát triển phong trào. Do đó, vào tháng 11-1942, bộ phận ở lại trong nước đã cử cán bộ bắt liên lạc với bộ phận Cứu Quốc quân ở biên giới Việt — Trung. Đồng chí Mông Phúc Quyền được phân công bắt liên lạc với bộ phận Cứu Quốc quân đang hoạt động ở vùng Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng, Yên Thế.

Bộ phận Cứu Quốc quân từ ngày rút sang biên giới Việt — Trung đã nhanh chóng chấn chỉnh tổ chức, ổn định sinh hoạt; phân tán thành từng nhóm nhỏ để cùng tham gia lao động sản xuất với nhân dân địa phương. Mặt khác, Cứu Quốc quân tích cực liên hệ với chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch, cùng các chiến sĩ cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở Trung Quốc vận động thành lập cơ quan ngoại giao. Nhờ sách lược khôn khéo, mềm dẻo, đến cuối năm 1942, cơ quan «Biện sự xứ» được thành lập tại Long Châu (Trung Quốc). Cứu Quốc quân có thêm điều kiện thuận lợi đi lại, mua sắm vũ khí, học tập chính trị và huấn luyện quân sự.

Trong thời gian hoạt động ở biên giới, Cứu Quốc quân vẫn tìm cách giữ liên hệ với cơ sở trong nước. Giữa năm 1942, Ban chỉ huy Cứu Quốc quân cử các tổ công tác vào Tràng Định, Thoát Lãng, Văn Uyên (Lạng Sơn) để bắt liên lạc với các cơ sở cũ, phát triển thêm các cơ sở mới.

Cuối năm 1942, trước yêu cầu củng cố và mở rộng phong trào cách mạng trong nước, Ban chỉ huy Cứu Quốc quân quyết định đưa toàn bộ lực lượng Cứu Quốc quân ở biên giới Việt — Trung về nước hoạt động. Ngày 26-10-1942, đơn vị đầu tiên của Cứu Quốc quân ở biên giới Việt — Trung trở về hoạt động ở Tràng Xá, Phú Thượng,

Lau Thượng. Đến đầu tháng 3-1943, đại bộ phận Cứu Quốc quân trở về căn cứ an toàn.

Giữa lúc đó, cơ sở cách mạng ở địa phương phát triển nhanh chóng. Các tổ chức Cứu Quốc quân phát triển mạnh các xã Phú Thượng, Lau Thượng, Trảng Xá... Tại các nơi này, Ban chấp hành Việt Minh cũng lần lượt được thành lập. Phong trào quần chúng lên cao. Đầu năm 1943, Đảng bộ Võ Nhai lãnh đạo nhân dân các xã bị bắt di phủ đấu tranh chống việc làm đường ban đêm ở Đình Cả — Trảng Xá. Giữa năm 1943, nhân dân các xã Phú Thượng, Lau Thượng, Trảng Xá..., phần lớn là phụ nữ, bồng bế theo con nhỏ, kéo lên đồn Đình Cả đòi địch phải bán muối cho dân, buộc chúng phải nhượng bộ. Đồng bào trong các trại tập trung đấu tranh đòi trở về làng cũ. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào quần chúng làm cho nội bộ chính quyền tay sai địch ở địa phương hoang mang, phân hóa; một bộ phận trong tầng lớp tổng lý, kỳ hào ngã theo cách mạng.

Theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh về việc nối liền hai trung tâm căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn — Võ Nhai, mở đường về xuôi kết hợp với phong trào cách mạng toàn quốc và liên lạc thường xuyên với Ban Thường vụ Trung ương Đảng, vào tháng 2-1945, tại Lũng Hoài (Hòa An, Cao Bằng) có cuộc họp giữa các đồng chí lãnh đạo căn cứ địa Cao Bằng với các đồng chí chỉ huy Cứu Quốc quân. Cuộc họp đã quyết định:

- 1 — Giữ vững cơ sở vùng biên giới Việt — Trung, đánh thông đường từ đó về Bình Gia, Bắc Sơn, Võ Nhai.
- 2 — Xây dựng cơ sở mới ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang; đồng thời củng cố các cơ sở cũ, nối liền các đường liên lạc với nhau.
- 3 — Xúc tiến việc thành lập các đội xung phong nam tiến do đồng chí Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy. Cứu

Quốc quân sẽ cử một tiểu đội lên Cao Bằng để cùng các đội xung phong nam tiến đánh thông đường về xuôi. Mặt khác, Cứu Quốc quân cũng sẽ mở 4 con đường lên đón các mũi nam tiến từ Cao Bằng xuống :

— Từ Tràng Định (Lạng Sơn) lên Đông Khê (Cao Bằng).

— Từ Hội Hoan (Thoát Lãng, Lạng Sơn) và Văn Mịch (Bình Gia, Lạng Sơn) lên Na Rì (Bắc Cạn).

— Từ Võ Nhại qua Cúc Đường, Thượng Nung (Thái Nguyên) lên Na Rì (Bắc Cạn).

— Từ Định Hóa (Thái Nguyên) lên Chợ Đồn (Bắc Cạn).

4 — Tìm bắt liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương Đảng ở dưới xuôi.

Những quyết định của cuộc họp Lũng Hoài phù hợp với tinh thần nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (2-1943) và có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành khu căn cứ địa rộng lớn ở miền núi phía Bắc.

Thực hiện nghị quyết hội nghị Lũng Hoài, ngay sau khi về đến căn cứ, Ban chỉ huy Cứu Quốc quân đã phân công các tổ công tác của Cứu Quốc quân tỏa về các địa phương để củng cố và phát triển các hội Cứu Quốc, các đội tự vệ. Phong trào Việt Minh nhanh chóng phát triển mạnh mẽ ở các vùng Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Đông Hỷ (Thái Nguyên), Sơn Dương, Yên Sơn (Tuyên Quang), Bắc Sơn, Bình Gia, Tràng Định, Thoát Lãng (Lạng Sơn), bắc Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang). Từ Sơn Dương, Yên Sơn, Cứu Quốc quân bắt đầu gây dựng phong trào lên Chiêm Hóa. Từ Phú Lương, Định Hóa, theo hướng Bắc, Cứu Quốc quân phát triển cơ sở lên tới Nghĩa Tá (Chợ Đồn) Bạch Thông (Bắc Cạn).

Đến tháng 10-1943, đội xung phong « Nam tiến » mang tên Trần Phú, do đồng chí Nông Văn Quang chỉ huy gặp đội « Bắc tiến » của Cứu Quốc quân do đồng chí Hoàng Thượng phụ trách, tại bản Bằng (Nghĩa Tá, Chợ Đồn). Từ đó, hai trung tâm căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn — Võ Nhai được đánh thông với nhau, tạo thành một thế liên hoàn vững chắc.

Cùng với việc mở đường lên phía Bắc, đánh thông với căn cứ địa Cao Bằng, Cứu Quốc quân được giao nhiệm vụ bắt liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Thực hiện nhiệm vụ này, Ban chỉ huy Cứu Quốc quân tổ chức nhiều mạng lưới liên lạc qua cơ sở quần chúng, qua nhà tù đế quốc theo nhiều hướng. Vào tháng 8-1943, Cứu Quốc quân đã bắt liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương Đảng qua chi bộ Đảng ở « Căng » (cannp) Bá Văn (Đồng Hỷ). Tờ Cứu Quốc quân công tác ở Yên Thế (Bắc Giang) thông qua cơ sở Việt Minh ở đèo Ảnh và tờ Cứu Quốc quân công tác ở Định Hóa qua chi bộ Đảng ở nhà tù Chợ Chu cũng bắt được liên lạc với Thường vụ Trung ương Đảng ở miền xuôi. Địa bàn hoạt động của Cứu Quốc quân lúc này được mở rộng khắp các huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương (Thái Nguyên), Bắc Sơn, Bình Gia, Tràng Định, Thoát Lãng (Lạng Sơn), bắc Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (Tuyên Quang), nam Chợ Đồn (Bắc Cạn).

Tháng 2-1944, đồng chí Hoàng Quốc Việt — Thường vụ Trung ương Đảng — lên kiểm tra tình hình trên địa bàn hoạt động của Cứu Quốc quân (lúc này gọi là chiến khu Hoàng Hoa Thám). Đồng chí đã triệu tập hội nghị quan trọng tại Khuchi Kịch (Sơn Dương). Hội nghị quyết định lấy sông Cầu làm ranh giới chia chiến khu Hoàng Hoa Thám làm hai phân khu. Phân khu A (còn gọi là

phân khu Quang Trung) gồm vùng đất tả ngạn sông Cầu¹; phân khu B (phân khu Nguyễn Huệ) gồm phần đất hữu ngạn sông Cầu².

Sau cuộc hội nghị Khuổi Kịch, Võ Nhai trở thành trung tâm của phân khu A và là nơi đóng cơ quan lãnh đạo của phân khu và Ban chỉ huy Cứu Quốc quân II. Với điều kiện thuận lợi ấy, các đội vũ trang tự vệ ở Võ Nhai tiếp tục được củng cố và phát triển ở các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá. Không kè lực lượng của phân khu, lực lượng tự vệ của Phú Thượng có 1 trung đội, Lâu Thượng có 2 trung đội và làng Mười (Tràng Xá) có từ 2 đến 3 tiểu đội. Những đội tự vệ này đã được Cứu Quốc quân huấn luyện về chính trị và quân sự để làm nhiệm vụ giao thông liên lạc, bảo vệ cơ sở và cán bộ cách mạng, trừng trị bọn phản động, tổ chức quần chúng vào các hội Cứu Quốc. Đồng thời, đây cũng là nguồn bổ sung lực lượng của đội Cứu Quốc quân.

Đề dày mạnh các mặt công tác của Cứu Quốc quân, việc xây dựng Đảng trong đội Cứu Quốc quân được chú ý. Các buổi sinh hoạt tổ đảng và chi bộ tuy gặp rất nhiều khó khăn do hoạt động bí mật và phân tán, nhưng vẫn được duy trì. Trong sinh hoạt tổ đảng và chi bộ, việc trao đổi kinh nghiệm công tác và việc bồi dưỡng, giáo dục giác ngộ cách mạng cho cán bộ, đảng viên... thường xuyên được chú trọng. Nhờ thế, sự giác ngộ về quyền lợi giai cấp và dân tộc, ý thức tổ chức kỷ luật, năng lực hoạt

1. Gồm có: Võ Nhai, Đồng Hỷ, Bắc Sơn, Bình Gia, Tràng Định, Thoát Lãng, bắc Yên Thế và Hữu Lũng. Đồng chí Hà Châm là chỉ huy trưởng kiêm Bí thư chi bộ CQQ II.

2. Gồm có: Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ (phần hữu ngạn sông Cầu) Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa, nam Chợ Đồn.

động và tinh thần đoàn kết trong cán bộ, đảng viên Cứu Quốc quân được nâng lên.

Thực hiện quyết định của hội nghị cán bộ Khuổi Kịch, ngày 25-2-1944, trung đội Cứu Quốc quân III ra đời tại một địa điểm thuộc khu rừng Khuổi Kịch. Trung đội gồm có 30 cán bộ và chiến sĩ, trong đó có số cán bộ và chiến sĩ Cứu Quốc quân II làm nhiệm vụ mở rộng địa bàn sang Tuyên Quang (cuối năm 1941); một số là cán bộ và đội viên xung phong « Nam tiến » mang tên Trần Phú do địch khủng bố, không liên lạc được với Ban xung phong Nam tiến còn đang công tác ở vùng này. Ban chỉ huy trung đội gồm các đồng chí: Triệu Khánh Phương, Phương Cường và Chu Phóng, do đồng chí Triệu Khánh Phương làm trung đội trưởng.

Trung đội Cứu Quốc quân III ra đời đánh dấu sự phát triển mới của lực lượng vũ trang trong căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhai. Từ một trung đội với hơn 40 cán bộ, chiến sĩ, hoạt động trên địa bàn nhỏ hẹp, đến lúc này Cứu Quốc quân đã phát triển thành hai trung đội với trên 100 cán bộ, chiến sĩ, hoạt động trên địa bàn rộng lớn thuộc các huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương (Thái Nguyên), Bắc Sơn, Bình Gia, Trảng Định (Lạng Sơn) Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (Tuyên Quang) và Chợ Đồn (Bắc Cạn). Kết quả này tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng trong phân khu A nói chung và Võ Nhai nói riêng tiếp tục phát triển mạnh mẽ.

II — CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG DỊCH KHỦNG BỐ (11-1944)

Từ tháng 5-1944 trở đi, phong trào cách mạng ở Võ Nhai có bước phát triển mới. Các hội Cứu Quốc quân

và các đội tự vệ được củng cố và mở rộng. Tại xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá, lực lượng tự vệ được Cứu Quốc quân huấn luyện quân sự cơ bản. Phong trào tự mua sắm, trang bị vũ khí ngày càng sôi nổi, bảo đảm mỗi đội viên tự vệ có một vũ khí chiến đấu. Nhiều cuộc mít tinh được tổ chức nhân các ngày kỷ niệm lớn như: Quốc tế lao động (1-5), Xô viết Nghệ Tĩnh (12-9), khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9), khởi nghĩa Nam Kỳ (23-11); cách mạng tháng Mười Nga (7-11) v.v. Ngoài ra, phong trào học tập văn hóa được phát động, dần dần trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, thu hút nhiều tầng lớp tham gia, nhất là thanh niên nam, nữ. Bản chỉ thị «Sửa soạn khởi nghĩa» (7-5-1944) của Tổng bộ Việt Minh và lời kêu gọi của Trung ương Đảng: «Sắm vũ khí đuổi thù chung» (10-8-1944) càng cổ vũ thêm phong trào tiến mạnh trên con đường khởi nghĩa vũ trang.

Tháng 6-1944, Xứ ủy Bắc Kỳ cử đồng chí Trần Thị Vũ (tức Trần Thị Minh Châu) — Cán bộ xứ ủy, với danh nghĩa là phái viên công tác đội đến Võ Nhại đề củng cố, phát triển các tổ chức quần chúng. Trên thực tế, đồng chí Vũ là một thành viên trong Ban lãnh đạo phân khu A của chiến khu Hoàng Hoa Thám.

Có thêm cán bộ chỉ đạo, phong trào cách mạng ở Võ Nhại phát triển sâu rộng trong quần chúng. Các tổ chức Cứu Quốc của mặt trận Việt Minh di dần vào nền nếp, có tổ chức chặt chẽ từ châu, tổng đến xã. Tại các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá, khoảng 90% dân chúng tham gia vào các tổ chức cách mạng. Trong hàng ngũ tổng, lý, xã đoàn, chỉ trừ một số ít phản động, làm tay sai cho giặc Pháp, phần lớn đều ngả theo cách mạng hoặc có thái độ cảm tình với cách mạng. Chính thực dân Pháp phải thú nhận: «Bọn phiến loạn (tức Cứu Quốc quân — TG) bị đánh, quét năm 1941—1942 không rời

khỏi Đình Cả. Hiện chúng vẫn còn ăn náu ở nhiều hang động. Họ được quần chúng tiếp tế và ít nhiều có cảm tình với họ. Nói chung, tổng lý làm việc là vì sợ hay vì lợi, nên bọn phiến loạn liên hệ với nhau dễ dàng ở phía nam châu Võ Nhại. Họ đã bố trí một hang rộng ở phía bắc thung lũng Cúc Đường mà dân làng đều biết hang này ».

« Bọn họ ăn mặc như thường dân, đến chợ Tân Trì (khu vực Bắc Sơn — Lạng Sơn). Vùng này có nhiều người có cảm tình. Họ bố trí rất nhiều súng « Remington » và súng ngắn Pooc hooc. Họ có thể dễ dàng vào Bắc Cạn để đến biên giới Trung — Việt bằng đường Nguyên Bình (Cao Bằng) »¹.

Cùng với sự phát triển của các tổ chức quần chúng, tại phân khu A, các tổ công tác của Cứu Quốc quân chú ý bảo đảm giao thông, liên lạc giữa các địa phương trong phân khu. Con đường liên lạc lên Đông Khê với căn cứ Cao Bằng, xuống Phú Bình, Phò Yên và sang phân khu B đã phát triển thành một mạng lưới gồm nhiều trạm, nhiều đường. Nhờ đó, việc giao thông liên lạc luôn thông suốt và lãnh đạo nắm chắc được tình hình ở các địa phương.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Võ Nhại và các vùng xung quanh làm cho kẻ địch lo sợ và tìm cách dập tắt. Từ tháng 6-1944, ngoài tổ chức mật thám ở các tỉnh, sở mật thám Hà Nội tung lực lượng đi lùng sục khắp nơi. Tháng 8-1944, địch tổ chức các cuộc vây bắt ở Đình Hóa, rồi lan dần ra các huyện trong tỉnh Thái Nguyên. Ngày 10-9-1944, địch bắt được đồng chí Trương Văn Lệnh (trong Ban lãnh đạo phân khu A) tại bến dò Hà Châu. Sau vụ này, chúng ráo riết lùng sục, bắt bố hàng loạt cán bộ và quần chúng cách mạng ở Mai

1. Tài liệu rút trong tập Hồ sơ của Pháp để lại — lưu trữ tại phòng bảo tàng Đình Cả.

Sơn, khám phá ra nhà in của Xứ ủy, âm mưu phá vỡ khu an toàn của Trung ương ở Phú Bình, Phò Yên.

Cuộc vượt ngục thắng lợi của các chiến sĩ cộng sản ở « Căng » Bá Văn ngày 22-8-1944 và ở nhà tù Chợ Chu ngày 11-10-1944 càng làm cho thực dân Pháp và tay sai hoảng hốt. Chúng điên cuồng khủng bố phong trào. Từ Phò Yên, Phú Bình, cuộc khủng bố lan rộng sang Đồng Hỷ, trực tiếp đe dọa phong trào cách mạng ở Võ Nhai.

Trong khi đó, tại Võ Nhai, mọi hoạt động diễn ra rất rầm rộ. Các cuộc mít tinh lớn liên tiếp được tổ chức, có hàng trăm người tham dự gần như công khai. Tình hình này làm cho địch thêm chú ý và quyết tâm « cắt vó một mẻ để tránh mọi hậu họa ở cái vùng núi rừng nguy hiểm đó ».

Ngày 5-11-1944, mật thám địch vây bắt 2 hội viên Việt Minh ở Ngọc Mĩ (Tràng Xá). Ngày 8-11, chúng lại bắt 5 cán bộ trong Ban Chấp hành Việt Minh của xã này.

Ngay sau khi xảy ra vụ địch bắt 2 hội viên Việt Minh ở Ngọc Mĩ, hầu hết thanh niên xã Tràng Xá đã tự động rút lên rừng. Quần chúng cách mạng kiến nghị Ban lãnh đạo phân khu A cho đánh địch để giữ phong trào. Trước tình hình đó, ngày 10-11-1944, Ban lãnh đạo phân khu triệu tập hội nghị mở rộng ở Đồng Mỏ (Phú Thượng). Hội nghị quyết định:

— Cho tự vệ chiến đấu và những thanh niên trung kiên thoát ly vào rừng tham gia Cứu Quốc quân.

— Trùng trị những tên tay sai đặc lực của thực dân Pháp.

— Cất giấu lương thực lên núi, vào hang để chuẩn bị chiến đấu.

— Đấu tranh vũ trang chống khủng bố, thành lập các ban ám sát, phá hoại, trinh sát, ban vườn không nhà trống... để làm nhiệm vụ tiêu diệt mật thám tay sai đầu sỏ, phá cầu, làm chướng ngại vật v.v.

Trong các đồn, bốt của địch, chúng ta đều có cơ sở binh vận. Đồng thời, Ban lãnh đạo phân khu cũng bố trí cán bộ, đảng viên nắm giữ một số chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền ở cấp cơ sở của địch.

Về phía địch, cho đến ngày 10-11-1944, tại Võ Nhai, lực lượng của chúng gồm có các đồn binh ở Đình Cả, Tràng Xá, La Hiên, tất cả khoảng trên 80 lính khố xanh và lính cơ. Từ đầu tháng 11-1944, địch còn đưa lên Võ Nhai một tiểu đội thuộc « lực lượng cảnh sát đặc biệt ».

Trên cơ sở nhận định phong trào cách mạng, khí thế của quần chúng và lực lượng hiện có của địch, hội nghị Ban lãnh đạo phân khu A cho rằng việc trừng trị bọn tay sai đầu sỏ, kẻ cả việc đánh đồn, bốt, là biện pháp tốt nhất để đối phó với cuộc khủng bố của địch.

Sẵn lòng căm thù giặc sâu sắc, lại có kinh nghiệm đánh du kích trong 8 tháng trước đây, Cứu Quốc quân, tự vệ cùng nhân dân địa phương đã nhiệt liệt hưởng ứng những quyết định của Ban lãnh đạo phân khu A. Mọi kế hoạch hành động do Hội nghị Đờng Mố vạch ra đều được triển khai khẩn trương. Ngay từ ngày 8-11, Cứu Quốc quân diệt tên phó tổng Tý, tổng đoàn Thiện... là những tên tay sai của Pháp, có nhiều nợ máu với nhân dân. Ngày 11-11, Cứu Quốc quân cùng tự vệ phá cầu Trúc Mai (km 25 trên đường Thái Nguyên đi Đình Cả), cắt đứt liên lạc của địch từ Thái Nguyên lên Đình Cả. Chiều 11-11, đồng đảo nhân dân mang theo cờ, trống, mõ rầm rộ tuần hành thị uy, nhằm gây thanh thế, cổ vũ tinh thần đấu tranh của quần chúng và uy hiếp địch. Cùng thời gian này, hàng tấn lương thực được cất giấu trong các hang núi.

Ngày 12-11-1944, Ban lãnh đạo phân khu A lại triệu tập cuộc họp tại chùa Đoong (Đờng Mố, Phú Thượng), tiếp tục vạch ra chủ trương đối phó hành động khủng bố của kẻ thù. Hội nghị quyết định:

1. Trưng trị bọn mật thám đầu sỏ phản động.
2. Đánh các đồn Đình Cả, Trảng Xá, Quang Thái và huyện lỵ La Hiên.
3. Phá các cầu gỗ từ La Hiên đến Đình Cả, chặn viện binh của Pháp từ Thái Nguyên lên.
4. Tiêu thổ làng mạc, đưa dân lên núi, thực hiện vườn không nhà trống.

Đề thực hiện những chủ trương trên, hội nghị đề ra một kế hoạch hành động cụ thể như sau:

— Liên lạc, thống nhất hành động với các cơ sở binh vận ở đồn Đình Cả, Trảng Xá.

— Vận động các gia đình nhân dân cho mượn súng.

— Chặt cây làm chướng ngại vật, cắt đứt liên lạc giữa hai đồn Đình Cả và Trảng Xá.

— Gấp rút lựa chọn cán bộ, thành lập các nhóm hoạt động trong ban vận động đấu tranh võ trang chống khủng bố.

Về sử dụng lực lượng, hội nghị chủ trương huy động phần lớn Cứu Quốc quân và tự vệ chiến đấu làm nhiệm vụ diệt phản động, đánh các đồn địch, phá cầu, chặn viện. Lực lượng thanh niên nam, nữ được phân công nhiệm vụ đưa dân lên núi, làm vườn không nhà trống, tiếp tế lương thực v.v.

Đêm 12-11-1944, Cứu Quốc quân và tự vệ tổ chức đánh bốt Quang Thái. Nhưng do kế hoạch vạch ra chưa sát nên cuộc tấn công của ta không đem lại kết quả. Ban lãnh đạo phân khu và Cứu Quốc quân quyết định sẽ đánh bốt Quang Thái lần thứ hai vào đêm 13-11, tiếp đó sẽ tiêu diệt đồn Trảng Xá (14-11) và đồn Đình Cả (15-11).

Những quyết định nói trên có sức cõ vũ to lớn đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng, nhưng chưa kịp thực hiện thì kẻ thù đã phản ứng.

Ngay sau khi nhận được báo cáo, tối 12-11-1944, viên công sứ Thái Nguyên lập tức hạ lệnh tăng cường lực lượng cho đồn khố xanh Đình Cả, đồn Tràng Xá; đồng thời phong tỏa địa giới Thái Nguyên với Lạng Sơn và điều thêm những tên mật thám khét tiếng gian ác lên Võ Nhai. Mặt khác, chúng cấp tốc thành lập một đạo quân khủng bố gồm một tiểu đoàn lính khố đỏ thuộc trung đoàn thuộc địa số 9, do tên tiểu đoàn trưởng Mille (Milo) chỉ huy, cùng với một số trung đội khố xanh. Đạo quân này có khoảng 700 tên, được lệnh rời Thái Nguyên từ đêm 12 rạng 13-11 để lên Đình Cả. Hành động này của địch làm cho tình hình diễn biến phức tạp. Tương quan lực lượng ở Võ Nhai thay đổi theo chiều hướng không lợi cho ta. Một lần nữa, phong trào cách mạng Võ Nhai lại đứng trước những khó khăn to lớn.

Dù tình hình đã thay đổi, Ban lãnh đạo phân khu vẫn chủ trương dùng đấu tranh vũ trang chống lại cuộc khủng bố của địch. Quân và dân Võ Nhai cũng kiên quyết hành động theo chủ trương ấy. Hầu hết thanh niên đều tự nguyện tham gia Cứu Quốc quân. Quần chúng tự động phá bỏ nhà cửa, thực hiện triệt để khẩu hiệu « Vườn không, nhà trống » và cùng nhau lên núi. Toàn Võ Nhai sẵn sàng dọ sức quyết liệt với quân thù.

Bước vào cuộc chiến đấu, Cứu Quốc quân và tự vệ luôn luôn bám sát mọi hành động của địch và chống trả chúng rất quyết liệt. Mờ sáng ngày 13-11-1944, tên đồn trưởng Còlona ở Đình Cả phái một tiểu đội đi giải vây bớt Quang Thái. Toán quân này vừa đến Mỏ Gà đã bị Cứu Quốc quân phục kích, buộc chúng phải tháo chạy về Đình Cả. Sáng 13-11, quân cứu viện của địch từ Thái

Nguyên lên đến La Hiên. Một bộ phận Cứu Quốc quân, do đồng chí Thái Long chỉ huy, phục kích ở cầu Trúc Mai đã nổ súng đánh địch, làm cho chúng phải chùn lại. Trong suốt mấy tiếng đồng hồ, quân địch không tiến lên được. Chúng bắn loạn xạ, la hét hoảng loạn. Nhưng do lực lượng quá chênh lệch, lực lượng vũ trang của ta không đánh lùi được quân địch. Chúng sửa chữa được cầu và vượt qua các trận địa phục kích của quân ta. Trưa 13-11, quân địch tràn vào Đình Cả và chiếm đóng khắp nơi. Chúng bắn phá bừa bãi vào các làng xóm đã bị thiêu hủy. Khắp các vùng Phú Thượng, Lâu Thượng ngập trong tiếng súng của kẻ thù.

Tuy phải chiến đấu trong điều kiện không cân sức và ngày càng bất lợi, nhưng Cứu Quốc quân và tự vệ Võ Nhai vẫn liên tiếp chủ động tổ chức nhiều trận phục kích, tập kích rất dũng cảm, mưu trí.

Ngày 14-11, quân ta đánh địch ở Nà Noong, đồng thời phục kích quân địch ở Mỏ Gà. Ngày 15-11, tự vệ cùng Cứu Quốc quân chặn đánh địch ở La Mạ. Tiếp đó, ngày 16-11, Cứu Quốc quân phục kích ở La Hóa, tên đồn trưởng đồn Đình Cả hoảng sợ, bỏ ở tờ tháo chạy. Quân ta thu được 8000 viên đạn và một số chiến lợi phẩm khác. Đêm 17 rạng 18-11, quân ta nhiều lần nổ súng bắn vào đồn Đình Cả, khiến cho quân địch phải nằm im. Ngày 18-11, tên tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận, khét tiếng gian ác lên Đình Cả xem xét tình hình, bị Cứu Quốc quân phục kích bắn bị thương. Dựa vào núi rừng hiểm trở, vận dụng nhiều cách đánh linh hoạt, sáng tạo, quân và dân ta còn làm thất bại nhiều cuộc vây quét của địch, bảo vệ tài sản và tính mạng của nhân dân, bảo vệ căn cứ.

Ngày 25-11, địch tổ chức trận càn vào Lán Han. Lợi dụng vào các hang đá kiên cố, quân ta đánh địch từ

sáng sớm đến chiều tối. Buds sáng, địch đưa lính khố xanh, khố đỏ đến. Quân ta vừa đánh địch quyết liệt, vừa làm công tác binh vận, làm cho tinh thần quân địch hoang mang, dao động. Buds chiều thực dân Pháp phải điều lính Âu — Phi đến thay thế. Cậy có quân đông, súng tốt, thực dân Pháp điên cuồng bắn phá vào trận địa phòng ngự của ta. Cứu Quốc quân và tự vệ ngoan cường chiến đấu, đợi địch đến gần mới nổ súng. Trong trận này, quân ta tiêu diệt được hàng chục tên địch, thu nhiều vũ khí, giữ vững căn cứ.

Ngày 27-11, địch huy động hàng ngàn quân từ Bán Ít, Lạng Sơn xuống và từ Thái Nguyên lên bao vây, tấn công ta ở hang Phụng Hoàng. Đây là một hang đá rộng lớn, ở lưng chừng núi, cách mặt đất khoảng 500m.

Trong hang có 373 hộ gia đình gồm 1500 nhân khẩu, cùng với 75 tự vệ chiến đấu; vũ khí trang bị chỉ có 5 súng kíp, còn lại là giáo, mác. Biết lợi dụng vào thế núi, quân và dân ta làm các sào đá đợi địch. Từ 4 giờ sáng, địch đặt Sơn pháo ở mặt đường phía trước núi bắn lên rồi tổ chức nhiều đợt tấn công. Nhưng cứ đến chân núi thì quân địch lại bị đánh bật trở lại. Một số tên hung hăng bò lên núi được 50 mét lại bị sào đá của ta sập xuống. Nhiều tên lê dương và lính khố đỏ bị đá đè chết tại chỗ, một số tên bị đá hất xuống tận chân núi. Mãi đến 2 giờ chiều trong ngày, địch mới chiếm được hang, nhưng ta đã rút an toàn. Trong hang chỉ còn một số người già yếu, trẻ em và phụ nữ có con mọn ở lại sau khi đã được chuẩn bị các câu trả lời để tránh địch khủng bố.

Trận chiến đấu ở hang Phụng Hoàng là một trận đánh tiêu biểu của Cứu Quốc quân và đã gây cho địch nhiều thiệt hại. Thực dân Pháp phải thừa nhận: « Cuộc hành quân ngày 27 vừa rồi ở vùng Mỏ Gà, do ông Mátxây (Massei) chỉ huy, đã giải về 159 người dân (dàn

ông, đàn bà và trẻ em), trong đó có một phiến loạn quan trọng: Phó lý Mỏ Gà».

«Phiến loạn vùng này ở trong những chiến lũy nhỏ, đã gây được một số tổn thất cho ta, chúng chống lại bằng cách cho lăn đá tảng xuống đạo binh của ta...»¹.

Trong chiến đấu, Cứu Quốc quân được bổ sung cả về số lượng và chất lượng. Thanh niên hăng hái tình nguyện xin gia nhập lực lượng vũ trang. Quân số Cứu Quốc quân lúc này lên tới trên 200 người.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh chống địch khủng bố của quân và dân Võ Nhai diễn ra ngày càng gặp nhiều khó khăn. Địch đã bao vây, phong tỏa khu căn cứ; lực lượng của địch ngày càng được tăng cường. Trong hoàn cảnh đó, các đồng chí trong Ban lãnh đạo phân khu một mặt động viên, củng cố tinh thần chiến đấu trong các lực lượng vũ trang và ổn định tinh thần trong dân chúng. Mặt khác, đã gửi thư hòa tặc sang La Bằng (Đại Từ) đề báo cáo với lãnh đạo chiến khu Hoàng Hoa Thám và xin lực lượng cứu viện; đồng thời gửi thư lên Bắc Sơn, đề nghị cho đánh đèo Tam Canh, Mỏ Nhài, chặn viện binh địch từ Lạng Sơn về và xin lực lượng về tiếp viện cho phong trào Võ Nhai. Các đội viên liên lạc được cử đi nhưng không một ai trở về. Như vậy, dường đây liên lạc giữa căn cứ Võ Nhai với các vùng xung quanh đã bị cắt đứt. Phong trào cách mạng ở Võ Nhai đang ở vào thế bị cô lập.

Trong khi đó, với ưu thế về quân số và vũ khí, kẻ địch liên tiếp tăng viện cho đạo quân khủng bố. Tiếp theo việc điều động 1 tiểu đoàn lính khố đỏ (13-11-1944), ngày 18-11 địch điều thêm một lực lượng cơ động gồm

1. Tài liệu rút trong tập hồ sơ của Pháp để lại — lưu trữ tại Phòng bảo tàng Đình Cả.

hơn 100 tên, hành quân bằng ô tô và mô tô, có trang bị súng máy, từ thị xã Thái Nguyên kéo lên. Ba ngày sau (21-11), địch lại huy động thêm 2 đại đội lê dương. Chúng còn cho quân từ Lạng Sơn và Bắc Giang cùng tiến về Võ Nhai. Lực lượng địch từ chỗ chỉ có hơn 80 tên lính đóng ở Đình Cả, Trảng Xá, La Hiên và Quang Thái, trong vòng 10 ngày đã tăng lên hàng nghìn tên, gồm có lính khố đỏ, khố xanh và lê dương thuộc nhiều binh chủng và được trang bị vũ khí đầy đủ. Đó là không kể một chi nhánh mật thám được thành lập tại chỗ, bao gồm hàng chục tên rất gian ác và xảo quyệt.

Được tăng cường thêm nhiều lực lượng, địch hung hăng mở liên tiếp các cuộc vây càn lớn, quyết đim phong trào cách mạng Võ Nhai trong máu lửa. Tiếp theo những cuộc vây quét trong các ngày 25-11 và 27-11, ngày 28-11 hai đại đội địch do Piépphê và Valét chỉ huy mở cuộc càn quét vào khu rừng ở ki-lô-mét 29 và tại hang Cóc. Ngày 29-11, địch cho quân đánh vào Lan Han lần thứ hai; ngày 2-12, chúng càn quét khu vực La Mạ v.v.

Từ những ngày đầu tháng 12-1944 trở đi, quân địch giữ thế chủ động và liên tiếp phản công. Tình hình trở nên hết sức căng thẳng, thóc gạo dự trữ đã cạn, một phần lại bị địch cướp phá; vũ khí, đạn dược không đủ để kéo dài cuộc chiến đấu; Cứu Quốc quân và tự vệ vừa phải lo tổ chức đánh địch, vừa phải lo bảo vệ và tổ chức đời sống cho nhân dân. Tinh thần của cán bộ và quần chúng giảm sút. Trong nhân dân, ngoài một số tự động rời các hang trở về làng cũ, một số khác khá đông bị địch vây bắt trong các cuộc càn quét, số còn lại tỏ ra hoang mang, dao động. Phạm vi hoạt động của ta ngày càng bị thu hẹp trong vòng vây của địch. Ngoài bộ phận Cứu Quốc quân đóng sâu trong các căn cứ ở Phú Thượng và Lâu Thượng, một bộ phận lực lượng vũ trang và các đồng chí lãnh đạo đã rút dần về Trảng Xá.

Do điều kiện giao thông liên lạc gặp nhiều trở ngại, cho nên khi Trung ương Đảng nhận được báo cáo thì cuộc chiến đấu của quân và dân Võ Nhai đã đi vào thời kỳ hết sức khó khăn. Thấy rõ nguy cơ nghiêm trọng của phong trào cách mạng tại một trung tâm căn cứ địa nổi tiếng, một mặt Trung ương Đảng kêu gọi toàn quốc « Hãy hợp mít tinh hoan hô tinh thần du kích. Hãy quyên tiền, gạo, lương khô, thuốc thang, quần áo cho chiến sĩ Thái Nguyên. Hãy tìm hết cách đề tỏ tình phản đối giặc Pháp đàn áp và giam giữ đồng bào Võ Nhai vô tội... Hãy kịp sắm vũ khí, học kinh nghiệm du kích Thái Nguyên, chờ lệnh nổi lên diễn lại những trận đánh tài tình của du kích Thái Nguyên anh dũng »¹. Mặt khác, Trung ương cử đồng chí Ngô Thế Sơn — ủy viên Ủy ban quân chính Bắc Kỳ — theo đường giao thông đặc biệt lên Võ Nhai, truyền đạt chỉ thị của Đảng về việc rút lui cuộc đấu tranh vũ trang.

Khoảng trung tuần tháng 12-1944, sau một thời gian kiểm điểm tình hình và truyền đạt chỉ thị của Trung ương Đảng cho hầu hết cán bộ lãnh đạo Phân khu A và Cứu Quốc quân II, đồng chí phái viên Trung ương triệu tập hội nghị Ban lãnh đạo phân khu mở rộng tại Cây Bòng (Ngọc Mỹ, Trảng Xá). Hội nghị nhất trí quyết định:

— Bố trí đưa dân về làng tiếp tục sản xuất.

— Một số lớn thanh niên trong các lực lượng vũ trang còn điều kiện sống hợp pháp cùng về với nhân dân, bám sát quần chúng, phục hồi và củng cố cơ sở, tiến hành đấu tranh với địch.

— Cứu quốc quân được chia thành ba bộ phận, Bộ phận chính chuyển sang Yên Thế (Bắc Giang), dựa vào cơ sở cách mạng ở đây đề học tập, huấn luyện quân sự và tránh mũi nhọn khủng bố của kẻ thù. Số còn lại, một

1. Cờ giải phóng — số 9 — ngày 25-12-1944.

nửa chuyển sang Phân khu B hoạt động; một nửa tiếp tục bám cơ sở đề lãnh đạo quần chúng đấu tranh hợp pháp với địch.

Thực hiện nghị quyết hội nghị Cây Bông, ngày 9-1-1945, trên 70 cán bộ, chiến sĩ Cứu Quốc quân tiến về Mỏ Trạng rồi sang Đồng Vương (Yên Thế, Bắc Giang).

Trải qua gần 2 tháng đấu tranh vũ trang chống địch khủng bố, quân và dân Võ Nhai đã tỏ rõ lòng yêu nước và ý chí chiến đấu tuyệt vời của mình trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc do Đảng lãnh đạo. Dù phải chiến đấu trong điều kiện so sánh lực lượng hết sức chênh lệch và đơn độc, cán bộ, đảng viên và các chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang cùng nhân dân địa phương vẫn dũng cảm, ngoan cường duy trì tiếng súng đánh địch « làm rung động cả miền xuôi và làm cho quân địch khủng khiếp »¹. Từ trong cuộc đấu tranh chống địch khủng bố, cán bộ, đảng viên và quần chúng được rèn luyện và trưởng thành về nhiều mặt; Đảng bộ Võ Nhai có thêm kinh nghiệm trong việc tổ chức và phát động quần chúng đấu tranh. Cuộc đấu tranh đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho Đảng ta. Nó chứng tỏ khẩu hiệu « Sửa soạn khởi nghĩa » của Đảng đã thực sự đi vào quần chúng và trở thành hành động quật khởi của toàn dân.

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, cuộc đấu tranh chống địch khủng bố của quân và dân Võ Nhai còn bộc lộ một số khuyết điểm.

Các đồng chí lãnh đạo Phân khu A và Cứu Quốc quân không nhận thức được đặc điểm tình hình của phong trào cách mạng nước ta nói chung và Võ Nhai nói riêng để định ra một hình thức đấu tranh thích hợp. Trong những

1. Võ Nguyên Giáp: « Khu giải phóng, một sự nghiệp vĩ đại của phong trào giải phóng dân tộc » — tài liệu lưu trữ tại Ban NCLSD Bắc Thái.

tháng cuối năm 1944 đến đầu năm 1945, phong trào cách mạng Việt Nam đang có bước phát triển nhanh chóng trên con đường tiến tới khởi nghĩa vũ trang. « Đây là thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới ». Trong hoàn cảnh đó, nếu chỉ duy trì đấu tranh chính trị đơn thuần như trước thì không đủ sức đẩy phong trào cách mạng đi lên. Ngược lại, nếu phát động khởi nghĩa hoặc đấu tranh vũ trang đơn thuần, thì sẽ bị kẻ thù tập trung lực lượng về đàn áp và phong trào sẽ bị tồn thất. Phải biết dùng hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị giữ vai trò chủ yếu. Phương châm hoạt động của lực lượng vũ trang trong thời kỳ này cũng phải lấy chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến. Đó là chủ trương thích hợp mà lãnh tụ Hồ Chí Minh đã vạch ra ngay sau khi quyết định hoãn lệnh khởi nghĩa vũ trang của Liên tỉnh ủy Cao — Bắc — Lạng.

Không nắm được đặc điểm tình hình và chủ trương trên, các đồng chí chỉ lãnh đạo Phân khu A đã quyết định phát động đấu tranh vũ trang đơn thuần để chống địch khủng bố. Trong quá trình chỉ đạo đấu tranh, Ban lãnh đạo còn tỏ ra cứng nhắc, thiếu linh hoạt để kịp thời chuyển hướng đấu tranh khi so sánh lực lượng đã thay đổi theo chiều hướng không có lợi cho ta.

Mặt khác, trong khi phát động đấu tranh vũ trang chống địch khủng bố, Ban lãnh đạo Phân khu A lại đề ra chủ trương triệt để làm vườn không, nhà trống, đưa dân lên núi cùng với lực lượng vũ trang. Chủ trương này đã làm cho lực lượng vũ trang mất nguồn tiếp tế để chiến đấu lâu dài, lại thêm nặng nề chẳng khác gì « tự đeo quả tạ vào chân », làm vào tình thế bất lợi, mất dần thế chủ động tiến công.

Những sai lầm trên đã được Trung ương Đảng kịp thời uốn nắn, giúp cho phong trào Võ Nhai vượt qua thời kỳ khó khăn nghiêm trọng, lực lượng được bảo toàn, phong trào quần chúng được nuôi dưỡng, chuẩn bị cho bước phát triển nhảy vọt sắp tới.

III — KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (3-1945)

Đúng như dự đoán của Trung ương Đảng, đêm 9-3-1945, Nhật nổ súng làm cuộc đảo chính hất cẳng Pháp dè dộc chiếm Đông Dương. Tại Thái Nguyên, mặc dù cho đến 9-3-1945 không có quân Nhật chiếm đóng, nhưng tin cuộc đảo chính đã gây nên sự hoảng loạn trong các công sở và doanh trại quân Pháp. Các đơn vị lính Pháp có nhiệm vụ giữ Thái Nguyên làm căn cứ chống Nhật vội vã tháo chạy về phía Đại Từ và sang Tuyên Quang. Bọn quan chức dân sự không chạy kịp, phải ở lại và chiều ngày 10-3, tên phó sứ Pháp cùng tay sai vác cờ trắng xuống Gia Sàng đón quân Nhật vào tỉnh lỵ Thái Nguyên.

Nhân cơ hội Nhật hất cẳng Pháp, gần 100 tù chính trị bị giam ở nhà tù Thái Nguyên đã vượt ngục, phân tán về hướng Võ Nhai, bắt liên lạc với các cơ sở để hoạt động.

Trưa 11-3, quân Nhật từ thị xã Thái Nguyên lên chiếm Võ Nhai. Tên chỉ huy Pháp ở đồn Đình Cả bị Nhật bắt giam. Tri châu Nguyễn Công Phòng sợ hãi đóng chặt cửa đồn cố thủ. Bọn tổng lý, kỳ hào vội vã thu xếp cho vợ con chạy trốn. Lợi dụng tình hình trên, đồng bào bị giam giữ ở La Hiên, làng Lường và trại giam Đình Cả đã lần lượt bỏ về làng, bản cũ. Nhảy bèn với tình hình, ngay đêm 11-3-1945, Ban chỉ huy Cứu Quốc quân và Đảng bộ địa phương triệu tập hội nghị tại làng Phật

(xã Phú Thượng). Hội nghị phân tích và đánh giá tình hình, quyết định cử người gấp rút về Phú Bình xin chỉ thị của Xứ ủy và Trung ương, đồng thời phiên chế lại đội ngũ chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ.

Nhận được chỉ thị « Nhật — Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta » (12-3-1945), Ban lãnh đạo chiến khu Hoàng Hoa Thám cũng khẩn trương bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền địa phương. Cứu Quốc quân và tự vệ được giao trọng trách đánh chiếm các vị trí đóng quân của giặc, tước vũ khí của chúng để trang bị cho ta, làm nòng cốt cho nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền.

Chấp hành các chủ trương trên, ngay từ chiều 12-3-1945, Cứu Quốc quân xuất phát từ Đồn Toong (làng Phạt, Phú Thượng) tiến gần đến phố Đình Cả, sẵn sàng chiến đấu, đồng thời cử cán bộ vào phố Đình Cả bắt liên lạc với quần chúng và thăm dò tình hình địch. Một số cán bộ được cử về các vùng lân cận thông báo tình hình và cùng cán bộ cơ sở chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng khởi nghĩa vũ trang. Đảng bộ Võ Nhai chủ trương đánh chiếm các kho thóc để triệt nguồn lương thực của địch và chia cho nhân dân, giải quyết nạn đói trước mắt, tạo điều kiện để phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa đập tan chính quyền địch.

Chiều 13-3-1945, Cứu Quốc quân đánh chiếm kho thóc Đình Cả. Lực lượng của ta chia làm hai bộ phận. Một bộ phận lớn làm nhiệm vụ cảnh giới bên ngoài để phòng lực lượng địch từ đồn Đình Cả kéo xuống; một bộ phận được trang bị vũ khí tốt làm mũi xung kích tiến vào chiếm kho. Lực lượng địch bảo vệ kho thóc hoảng sợ, bỏ chạy về đồn. Đêm hôm ấy, một toán lính trong đồn kéo xuống định chiếm lại kho thóc. Các chiến sĩ Cứu Quốc quân chặn đánh quyết liệt, buộc chúng phải rút về

dồn cố thủ. Nhân dân các vùng lân cận kéo đến ngày một đông, tiếp tế cơm, nước cho Cứu Quốc quân. Kho thóc Đình Cả — khoảng 30 tấn — đã thuộc về ta. Một phần thóc trong kho được đem phân phát cho dân chống đói; một phần được chuyển về làm lương thực dự trữ đề chiến đấu lâu dài.

Ngày 15-3-1945, quần chúng nhân dân có lực lượng Cứu Quốc quân hỗ trợ kéo vào đồn điền Boédié (đồn trưởng đồn Đình Cả), đánh chiếm kho thóc nằm ngay cạnh đồn địch. Sau đó, một trung đội Cứu Quốc quân bao vây đồn Đình Cả; còn đại bộ phận giải phóng châu lỵ La Hiên. Đêm 17-3, một trung đội Cứu Quốc quân, do đồng chí Thái Long chỉ huy, lên đường đi Văn Hán. Đêm 20-3, quân ta bí mật tiến xuống bao vây châu lỵ La Hiên và chốt giữ 2 ngã đường lên Đình Cả và về Thái Nguyên không cho địch ở 2 nơi này tiếp cứu đồng bọn ở La Hiên.

Lực lượng vũ trang của địch ở La Hiên lúc đó có khoảng 10 tên lính cơ và một số lính đồng do tên tri châu Nguyễn Công Phòng nắm giữ. Tuy không phải là một vị trí quân sự lớn mạnh, nhưng La Hiên là trung tâm chính trị của địch trong toàn châu, cho nên việc đánh chiếm nơi này có ảnh hưởng lớn đối với toàn bộ công cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Võ Nhai.

Khoảng 22 giờ ta dùng loa kêu gọi binh lính hạ vũ khí, cùng ta đánh Nhật. Địch ngoan cố tìm cách trì hoãn, hy vọng chờ quân từ Đình Cả và Thái Nguyên đến ứng cứu. Ban chỉ huy quyết định phá công sắt, dùng thang vượt tường, nhanh chóng chiếm lĩnh các vị trí trọng yếu, nổ súng tấn công. Địch dồn về một phía chống cự; một số tên tìm đường chạy trốn. Gần sáng 21-3, viên tri châu cùng bọn quan, quân buộc phải đầu hàng, trao vũ khí,

dạn được cùng toàn bộ hồ sơ cho lực lượng cách mạng. Chính quyền địch ở La Hiên bị xóa bỏ. Châu lý Võ Nhai được giải phóng. Ngày 21-3, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại châu lý La Hiên, Ủy ban nhân dân lâm thời châu¹ ra mắt trước quần chúng nhân dân các dân tộc. Đây là chính quyền cách mạng cấp huyện đầu tiên ra đời ở tỉnh Thái Nguyên.

Trong lúc cuộc khởi nghĩa vũ trang lật đổ chính quyền địch ở châu lý La Hiên, đồn Đình Cả vẫn bị ta bao vây và uy hiếp. Sau khi giải phóng châu lý La Hiên, ngày 23-3 nhân dân cùng lực lượng tự vệ và Cứu Quốc quân thị uy vũ trang tiến lên tăng cường lực lượng vây đồn Đình Cả. Cùng ngày, một đơn vị lực lượng vũ trang phối hợp với tự vệ nổ súng tiến công đồn Trảng Xá. Đồn Trảng Xá cách đồn Đình Cả 10 km về phía Đông Nam, do 3 tiểu đội lính cơ đóng giữ. Khoảng 14 giờ, quân ta nổ súng. Dựa vào lô cốt vững chắc, địch tổ chức chống cự rất quyết liệt. Quân ta dùng cuộc tiến công, rút về hậu cứ chuẩn bị thêm lực lượng để nửa đêm tiếp tục tiến công. Nhưng ta chưa kịp đánh thì địch lợi dụng trời tối, bí mật rút theo đường tắt, xuyên rừng chạy về thị xã Thái Nguyên.

Sáng 24-3, ta bắt đầu đánh đồn Đình Cả. Đây là đồn mạnh nhất ở châu Võ Nhai, một vị trí trọng yếu của địch trong địa bàn ở Phần khu A. Đồn nằm trên một ngọn đồi cao, có thể khống chế được toàn bộ phố Đình Cả và trục đường giao thông Thái Nguyên — Đình Cả — Bắc Sơn. Đồn được xây dựng khá kiên cố, có các lô cốt bằng đá và bê tông, có hệ thống giao thông hào bao quanh. Chốt giữ tại đồn Đình Cả, địch có 2 trung đội gồm 80

1. Do ông Bùi Văn Tịch làm chủ tịch.

linh khố xanh, được trang bị 4 súng máy, 80 súng trường và 20 hòm đạn các loại.

Sau khi châu lý La Hiên được giải phóng và đồn Trảng Xá bị ta chiếm, quân địch ở đồn Đình Cả bị cô lập và tỏ ra lo sợ. Nhận rõ tình hình đó và để tránh đổ máu, sáng 24-3 ta gửi tối hậu thư yêu cầu chúng phải đầu hàng. Bọn chỉ huy đồn chấp nhận tối hậu thư và xin gặp đại diện lực lượng cách mạng để bàn bạc.

Trong cuộc trao đổi sáng hôm đó, địch phải nhận mọi điều kiện do ta đưa ra và hẹn đến 12 giờ trưa xin nộp toàn bộ vũ khí cho cách mạng. Nhưng ngay sau đó, lợi dụng sự sơ hở của ta, một tên mật thám đã lọt được vào đồn, mang theo mật thư của phát xít Nhật ở thị xã Thái Nguyên. Nhận được mật thư này, bọn chỉ huy đồn Đình Cả liền trở mặt, tìm cách cố thủ trong đồn để chờ viện binh. Đoán được ý đồ đen tối của địch, ngay chiều 24-3 ta đưa thư cảnh cáo và gây thêm áp lực đối với địch. Mặc dù chưa dám có những hành động phản kháng trắng trợn, nhưng quân địch ở trong đồn vẫn im lặng, cố chờ đồng bọn ở thị xã Thái Nguyên lên cứu nguy. Một lần nữa, chúng ta lại đưa thư cảnh cáo, đồng thời tổ chức lực lượng quần chúng biểu tình, thị uy để gây sức ép. Sáng 25-3, địch gửi thư trả lời và đề nghị đại biểu của ta vào đồn để thương lượng. Hai đồng chí Thái Long và Nhật Sơn thay mặt lực lượng cách mạng vào đồn vạch rõ tội ác của Nhật — Pháp và giải thích chính sách khoan hồng của Mặt trận Việt Minh. Bọn địch chấp nhận đầu hàng, nhưng ngay sau đó chúng tráo trở, nổ súng sau lưng bắn chết 2 đồng chí Thái Long và Nhật Sơn, đồng thời xả súng bắn phá phố Đình Cả và gọi loa đe dọa nhân dân. Hành động phản trắc, dè hèn của địch làm cho quần chúng sôi sục căm thù và kiên quyết trừng trị chúng. Cứu Quốc quân và tự vệ được lệnh siết chặt vòng vây,

không chế nguồn nước và mọi hoạt động của địch trong đồn. Không chịu nổi tình hình căng thẳng kéo dài và không nhận được viện binh, một số lính địch liều lĩnh xông ra ngoài đồn bị quân ta bắn tia, 5 tên đã phải bỏ xác ngoài đồn; một số tên mang vũ khí ra hàng quân cách mạng.

Đêm 9 rạng 10-4-1945, lợi dụng trời mưa, đêm tối, bọn địch liều chết rút chạy tắt theo đường hào, sang cầu Rắn về thị xã Thái Nguyên. Được tin địch rút chạy, ta khẩn trương vừa cho lực lượng truy kích, vừa cho lực lượng vận động theo đường tắt chặn địch. Khoảng 12 giờ trưa 10-4, quân địch rút chạy tới Đèo Khế — Long Giàn (Đông Hỷ) thì lọt vào trận địa phục kích của ta. Ta nổ súng chặn địch làm cho đội hình của chúng rối loạn. Cùng lúc này, bộ phận truy kích cũng tới, nhanh chóng phối hợp chiến đấu. Chiến sĩ ta dũng cảm xung phong, dùng lưỡi lê, dao, kiếm đánh giáp lá cà với địch. Kết thúc trận đánh, quân ta diệt và làm bị thương 71 tên địch, thu 2 súng máy, 19 súng trường, nhiều đạn dược và quân trang, quân dụng khác. Tại đồn giặc, ta thu thêm một số súng khai hậu, một số quân trang, quân dụng và tài sản khác. Vui mừng trước thắng lợi, một cuộc mít tinh lớn có gần 400 người tham dự, được tổ chức ngay trong đồn Đình Cả vào ngày 10-4.

Đồn Đình Cả — một vị trí quân sự lớn nhất và là vị trí cuối cùng của địch ở Võ Nhai — bị nhử bắt. Thắng lợi này cùng với việc giải phóng châu lỵ La Hiên trước đó đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho nhân dân các xã trong châu nổi dậy xóa bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng.

Ngay sau khi ta chiếm xong châu lỵ La Hiên và thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời châu (21-3), một bộ phận

Cứu Quốc quân và một số cán bộ Việt Minh¹ được phân công phối hợp với cơ sở Đảng và các đội tự vệ chiến đấu mở đại hội nhân dân thành lập chính quyền cách mạng ở các xã.

Từ ngày 21-3 trở đi, Ủy ban giải phóng các xã La Hiên, Cúc Đường, Thượng Nung lần lượt ra đời. Ngày 24-3-1945, sau khi thành lập Ủy ban giải phóng xã Thượng Nung, đoàn cán bộ của mặt trận Việt Minh và Cứu Quốc quân chia thành hai bộ phận, một bộ phận tiến về giải phóng và thành lập chính quyền cách mạng ở các xã: Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sáng Mộc, Thần Sa và Văn Lãng; một bộ phận tiến về giải phóng và thành lập chính quyền cách mạng ở các xã Cường Thịnh, Hòa Bình, Lịch Sơn và Xuân Quang². Ngày 26-3, Ủy ban giải phóng các xã Tràng Xá, Phương Giao, Bình Long cũng lần lượt ra đời. Ngày 10-4-1945, sau khi ta đánh chiếm đồn Đình Cả, Ủy ban giải phóng liên xã Lâu Thượng — Phú Thượng được thành lập.

Như vậy, cho đến trung tuần tháng 4-1945, trong toàn châu Võ Nhai, chính quyền ở các xã đều thuộc về nhân dân. Thắng lợi này là kết quả của một quá trình đấu tranh bền bỉ và anh dũng của nhân dân các dân tộc Võ Nhai. Trải qua 15 năm đấu tranh gian khổ, đồng bào các dân tộc đã không quản ngại hy sinh, một lòng theo Đảng làm cách mạng giải phóng dân tộc. Trong quá trình đó, đã có biết bao nhiêu cán bộ, đảng viên và quần chúng bị địch giam cầm, tra tấn dã man vẫn không chịu đầu hàng.

1. Gồm có: Lục Thị Nhân, Bùi Chi Tâm, Nông Thị Cầm, Hoàng Văn Ngũ, Hoàng Văn Bằng, Nguyễn Văn Quyên.

2. Xã Cường Thịnh tức xã Xa Lộng cũ (Tân Long ngày nay). Xã Lịch Sơn và Xuân Quang hợp nhất thành xã Quang Sơn ngày nay. ✓

Đã có biết bao nhiêu gia đình phải chịu nhiều mất mát, bao nhiêu người con đã hy sinh cả tính mạng để bảo vệ cơ sở cách mạng.

Sau khi thành lập, chính quyền cách mạng đã thực hiện nhiều chủ trương và biện pháp nhằm đem lại các quyền tự do, dân chủ và xây dựng cuộc sống mới cho nhân dân. Từ đó, nhân dân các dân tộc Võ Nhai, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương, bước vào thời kỳ đấu tranh nhằm bảo vệ và phát huy thành quả cách mạng.

Như vậy, cho đến trung tuần tháng 4-1945, trong toàn châu Võ Nhai, chính quyền ở các xã đều thuộc về nhân dân. Tháng 4 này là kết quả của một quá trình đấu tranh bền bỉ và anh dũng của nhân dân các dân tộc Võ Nhai. Trái qua 15 năm đấu tranh gian khổ, đồng bào các dân tộc đã không quản ngại hy sinh, một lòng theo Đảng làm cách mạng giải phóng dân tộc. Trong quá trình đó, đã có biết bao chiến công, hàng triệu và hàng triệu người đã anh dũng hy sinh, hàng triệu người đã mất mát, đau thương, nhưng nhân dân Võ Nhai vẫn kiên trì, bền bỉ, không ngừng đấu tranh.

1. Gồm có: Lạc Thị Nhân, Bùi Chí Tâm, Nông Thị Cẩm, Hoàng Văn Năm, Hoàng Văn Bằng, Nguyễn Văn Quyền.

2. Xã Quảng Thịnh (tên xã trước cũ (tên trước ngày nay), xã Lạc Sơn và Xuân Quang hợp nhất thành xã Xuân Sơn ngày nay. ✓

CHƯƠNG III

ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (4-1945 — 9-1947)

I — TÌNH HÌNH VÕ NHAI SAU NGÀY THÀNH LẬP CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

Sau khi xóa bỏ bộ máy chính quyền đế quốc, phong kiến, thiết lập chính quyền cách mạng từ châu đến xã (4-1945), nhân dân các dân tộc Võ Nhai thực sự giành được quyền làm chủ. Lần đầu tiên trong đời, người dân Võ Nhai thoát khỏi kiếp sống nô lệ, được sống trong độc lập tự do và được hưởng mọi quyền lợi do cách mạng đem lại. Từ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân trong huyện hăng hái bắt tay xây dựng cuộc sống mới.

Võ Nhai là một trong những địa phương có cơ sở Đảng sớm ở trong tỉnh. Trải qua những năm tháng đấu tranh chống kẻ thù, nhất là trong tám tháng hoạt động du kích (7-1941 — 2-1942) và đấu tranh chống địch khủng bố (11-1944), Đảng bộ Võ Nhai thêm dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo. Đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng được tôi luyện, trưởng thành. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng bộ ngày càng tăng lên. Nhân dân

các dân tộc Võ Nhai đã từng trải qua nhiều thử thách trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, luôn luôn đoàn kết keo sơn, có bản lĩnh kiên cường, bất khuất. Những truyền thống tốt đẹp đó không ngừng được bồi đắp và phát huy. Lực lượng vũ trang — bao gồm cán bộ, chiến sĩ Cứu Quốc quân và các đội viên tự vệ ở các xã — được rèn luyện trong những năm tháng chiến đấu gian khổ và anh dũng, đã lớn lên không chỉ về số lượng, mà cả về chất lượng.

Đó là những thuận lợi rất to lớn giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai từng bước khắc phục khó khăn, trở ngại đề bảo vệ, củng cố xây dựng chính quyền cách mạng.

Chính quyền cách mạng ở Võ Nhai được thành lập trong những ngày đầu của cao trào chống Nhật cứu nước. Trong khi đó, tại thị xã Thái Nguyên và một số địa phương lân cận, phát xít Nhật và tay sai vẫn nắm giữ quyền cai trị. Tuy nhiên, trước sự phát triển mạnh mẽ của cao trào đấu tranh của nhân dân ta, phát xít Nhật rất lo sợ. Chúng tìm mọi cách chống đỡ và liên tiếp mở các cuộc càn quét, tấn công vào các khu căn cứ cách mạng.

Võ Nhai — một căn cứ địa cách mạng nổi tiếng — đương nhiên trở thành một điểm chú ý của phát xít Nhật. Ngày 9-5-1945, một cánh quân Nhật (khoảng 100 tên) hành quân cướp phá trên dọc đường 1B và chiếm đóng La Hiên. Chúng đưa Nguyễn Công Phòng trở về nhằm xúc tiến thành lập chính quyền tay sai ở châu lỵ. Ngày hôm sau (10-5), được bọn việt gian dẫn đường, quân Nhật mở cuộc càn quét lớn vào làng Nhâu, làng Vang (Lâu Hạ)¹. Đi tới đâu, chúng cũng cướp phá, gây tội ác

¹ Nay thuộc xã Liên Minh.

đối với nhân dân ta. Chúng bắt gần 100 người dân đem về tra tấn dã man ở Đình Cả. Nhân cơ hội này, bọn mật thám, việt gian nổi lên lòng sục, rình mò, rắp tâm chống phá chính quyền cách mạng, làm tay sai cho Nhật. Ngoài ra, vào thời gian này, tại Võ Nhai, tổ chức « Nam Dương Hoa kiều hiệp hội » cũng xuất hiện và hoạt động mạnh. Ở Trảng Xá, chúng tập hợp các phần tử thân Pháp, Nhật, mưu chống lại ta.

Trong thời gian đầu sau khi mới thành lập, bộ máy chính quyền các cấp trong huyện chưa được củng cố, kiện toàn; thành phần còn phức tạp; trình độ và kinh nghiệm quản lý của cán bộ chính quyền còn non. Trong khi đó, mọi công việc đặt ra trước mắt đối với chính quyền hoàn toàn mới mẻ và rất nặng nề. Ngoài nhiệm vụ tổ chức đối phó các cuộc tấn công của giặc Nhật để bảo vệ thành quả cách mạng, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện còn phải lo giải quyết một loạt khó khăn về kinh tế, xã hội.

Kinh tế Võ Nhai vốn mang nặng tính chất tự nhiên, tự cấp, tự túc. Trình độ canh tác hết sức lạc hậu, nên năng suất rất thấp, không thể bảo đảm cuộc sống bình thường của người dân lao động. Trải qua một thời gian dài bị thực dân Pháp thống trị, nhất là qua nhiều lần bị chúng khủng bố, càn quét, đồn làng, tập trung dân... kinh tế Võ Nhai bị tàn phá nghiêm trọng. Thêm vào đó, thiên tai liên tiếp xảy ra. Sau trận lũ lụt lớn hồi tháng 8-1945 là hạn hán kéo dài, làm mất mùa ở nhiều nơi. Ruộng đồng bị bỏ hoang, không thể cấy cấy được. Đời sống nhân dân thấp kém. Tình trạng thiếu ăn, thiếu mặc là hiện tượng phổ biến trong hầu hết các xã. Trong khi hậu quả của nạn đói đầu năm 1945 do Nhật — Pháp gây ra chưa được giải quyết thì nguy cơ nạn đói mới lại xuất hiện, đe dọa đến đời sống của mọi tầng lớp nhân dân.

Cùng với tình trạng sản xuất tiêu điều, kiệt quệ, chế độ thực dân — phong kiến còn để lại cho ta một di sản về văn hóa, xã hội rất nặng nề: trên 90% người dân lao động mù chữ; có dân tộc 100% số người không biết chữ. Điều đó đã hạn chế nhiều đến việc thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Bên cạnh đó, các tệ nạn xã hội phát triển tràn lan. Nạn mê tín dị đoan, nghiện hút, ma chay, cưới xin nặng nề, tốn kém... là hiện tượng phổ biến trong hầu khắp các bản làng. Ở một số nơi, như La Ché, Bình Long, Phương Giao, các toán phi tử vùng Yên Thế tràn sang hoạt động, càng làm cho tình hình xã hội thêm phức tạp.

Như vậy, chính quyền cách mạng vừa mới ra đời đã phải đứng trước những thử thách lớn lao. Trong hoàn cảnh đó, Đảng bộ Võ Nhai tự đảm nhận nhiệm vụ nặng nề: tổ chức và lãnh đạo mọi tầng lớp nhân dân đấu tranh nhằm bảo vệ và phát triển những thành quả của cách mạng.

II — ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

Đề bảo vệ chính quyền vừa mới giành được, công việc cấp thiết trước mắt của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai là ngăn chặn và đánh trả mọi cuộc tấn công, càn quét của phát xít Nhật.

Trung tuần tháng 5-1945, một cánh quân Nhật từ La Hiên kéo vào càn quét khu vực Lịch Sơn, Sa Lung. Dựa vào địa thế hiểm trở, quân ta mưu trí, dũng cảm, chặn đánh, tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên, buộc quân Nhật phải rút chạy về La Hiên. Ngày 29-5-1945, quân Nhật từ La Hiên đánh chiếm Đình Cả. Vừa chiếm được

Đình Cả, địch chưa kịp củng cố lực lượng đã bị ta tiến công quyết liệt, buộc chúng phải rút chạy về La Hiên. Quân ta truy kích, tiêu diệt thêm 10 tên.

Sau thất bại trong các cuộc càn quét, lấn chiếm vùng giải phóng trong tháng 5-1945, quân Nhật rút về La Hiên cố thủ. Đầu tháng 7-1945, cứ diêm này còn một số lính Nhật đóng ở vòng trong, 20 lính bảo an cùng tên huyện trưởng bù nhìn đóng ở vòng ngoài. Quân và dân ta tiếp tục bao vây chặt, thường xuyên uy hiếp, đồng thời đẩy mạnh công tác binh vận. Do đó, dù được trang bị vũ khí tốt, có công sự kiên cố, nhưng lính bảo an rất hoang mang, lo sợ. Cuối cùng, viên huyện trưởng cùng toàn bộ lính bảo an phải mang theo vũ khí ra hàng chính quyền cách mạng. Lính Nhật hoàn toàn bị cô lập trong vòng vây của quân, dân ta.

Trong những ngày sôi động của cao trào chống Nhật, cứu nước, Cứu Quốc quân và lực lượng tự vệ Võ Nhai đã tiến sang các vùng lân cận, phối hợp với đồng bào địa phương xóa bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng ở xã Vũ Lễ (16-4-1945), Nam Nhi (18-4-1945) và ở châu lỵ Bắc Sơn. Một bộ phận sang vùng Bắc Giang cùng với nhân dân địa phương giải phóng Yên Thế. Nhờ đó, con đường Võ Nhai — Yên Thế — Phú Bình được đánh thông.

Từ giữa tháng 8-1945, thời cơ ngàn năm có một cho nhân dân ta tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã chín muồi. Hội nghị Đảng toàn quốc họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 13 đến ngày 15-8 quyết định phát động tổng khởi nghĩa. Đêm 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa ra bản Quân lệnh số 1, hạ mệnh lệnh khởi nghĩa trong cả nước.

Ngày 16-8-1945, một đơn vị quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đường về thủ đô Hà Nội.

Phối hợp chiến đấu với quân giải phóng, các châu, huyện đều đưa phần lớn lực lượng tự vệ về thị xã Thái Nguyên. Riêng Võ Nhai, dù chưa nhận được mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, nhưng trước đó, thực hiện chỉ thị của Xứ ủy, Đảng bộ địa phương đã đưa một phân đội vũ trang tuyên truyền về hoạt động tại xã Đồng Bầm (Đồng Hỷ) nhằm giúp Ban cán sự Đồng Hỷ mở rộng cơ sở và dày mạnh phong trào cách mạng. Từ Đồng Bầm, đội vũ trang tuyên truyền đã bắt được liên lạc với cơ sở ở trong thị xã. Nhiều thanh niên tích cực ở thị xã được đưa ra vùng giải phóng huấn luyện cấp tốc để trở về xây dựng cơ sở và phát triển phong trào cách mạng. Nhiều tài liệu, sách báo cách mạng như báo « Cứu Quốc », « Cờ giải phóng », truyền đơn kêu gọi nhân dân nổi dậy khởi nghĩa cũng được đưa vào, có tác dụng lớn trong việc động viên tinh thần yêu nước của nhân dân thị xã.

Sáng 19-8-1945, Ban chỉ huy phân đội vũ trang ở Đồng Bầm tổ chức quần chúng nổi dậy thành một đoàn biểu tình, có cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ, qua cầu Gia Bày kéo vào thị xã Thái Nguyên. Đoàn biểu tình đã lôi cuốn đông đảo mọi tầng lớp nhân dân thị xã tham gia. Thị xã Thái Nguyên tràn ngập trong không khí cách mạng sôi sục.

Ngày 20-8-1945, cùng với quân giải phóng và tự vệ các châu, phủ, huyện, con em đồng bào các dân tộc Võ Nhai trong phân đội vũ trang tuyên truyền tham gia chiến đấu tiêu diệt các vị trí đóng quân của Nhật trong thị xã, góp phần xứng đáng vào việc giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên.

Trong những ngày chống Nhật và bọn tay sai nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai vẫn luôn được sự quan tâm giúp đỡ trực tiếp của xứ ủy Bắc Kỳ. Tháng 5-1945, đồng chí Trần Đăng Ninh lên Võ Nhai, giúp huyện thành lập Ban Tư pháp, do các đồng chí Đào An Thái, Phương Cường và

Bắc phụ trách. Ngay sau khi thành lập, Ban Tư pháp huyện đã có những hoạt động tích cực. Ngày 18-6-1945, Ban Tư pháp huyện mở phiên tòa xét xử 2 tên mật thám có nhiều nợ máu đối với nhân dân. Sau vụ án này, bọn việt gian làm tay sai cho Nhật phải co lại; uy tín của chính quyền cách mạng được nâng cao trong mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc. Những hoạt động của Ban Tư pháp đã góp phần củng cố bộ máy chính quyền các cấp trong huyện.

Thi hành chỉ thị « kháng chiến — kiến quốc » (25-11-1945) của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện tích cực vận động, tổ chức toàn dân thực hiện các biện pháp cách mạng, từng bước giải quyết khó khăn về đời sống cho nhân dân, xây dựng cuộc sống mới. Các thứ thuế bất công do chế độ thực dân — phong kiến đặt ra, như thuế thân, thuế rừng, cùng các khoản nợ nần trước đây được xóa bỏ. Những văn tự, khế ước của địa chủ, cường hào đều bị chính quyền cách mạng tịch thu và đem ra thiêu hủy trước sự chứng kiến của đông đảo quần chúng.

Một trong những nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền cách mạng lúc này là phải nhanh chóng đẩy lùi nguy cơ nạn đói, từng bước ổn định đời sống nhân dân. Đảng bộ và chính quyền địa phương đã phát động phong trào tăng gia sản xuất theo khẩu hiệu: « Tắc đất, tắc vàng ». khắp nơi trong huyện, nhân dân tích cực khai hoang, phục hóa, khai phá thêm đồi nương, trồng nhiều loại cây lương thực và hoa màu ngắn ngày. Nhân dân các xã Nghinh Tường, Thượng Nung, Sàng Mộc và một số xã khác quyên góp thóc giống, gia súc... giúp đỡ nhân dân các xã Lâu Thượng, Phú Thượng và Trảng Xá. Các hội tương tế, ái hữu lại được thành lập nhằm giúp đỡ nhau trong sản xuất, ổn định đời sống. Chính quyền cách mạng còn đứng ra vận động lạc quyền, thu góp tiền bạc, thóc gạo ủng hộ những gia đình nghèo đói, neo đơn, những người

già yếu, tàn tật và những gia đình cán bộ bị thiệt hại trong các trận dịch càn quét, khủng bố vừa qua; đồng thời tuyên bố miễn thuế trong hai năm liền cho nhân dân các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, cuộc vận động thực hành tiết kiệm cũng được phát động trong toàn dân. Nghe theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: «Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Dem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo»¹, toàn dân trong huyện đều lập các hũ gạo tiết kiệm và không dùng gạo, ngô để nấu rượu. Tình trạng lãng phí lương thực đã giảm hẳn xuống. Số gạo tiết kiệm được chuyển đến những gia đình đang gặp cơn đói nghèo. Truyền thống đồng cam, cộng khổ, thương yêu đùm bọc lẫn nhau trong nhân dân các dân tộc được khơi dậy mạnh mẽ. Nhờ đó, nạn đói từng bước được giải quyết.

Để giúp nhà nước cách mạng non trẻ nhanh chóng khắc phục tình trạng trống rỗng về tài chính, nhân dân các dân tộc trong huyện hăng hái tham gia xây dựng «Quỹ độc lập» và phong trào «Tuần lễ vàng». (từ ngày 17-9 đến ngày 24-9-1945). Ý thức đầy đủ bổn phận của mình đối với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, đồng bào các dân tộc, nhất là chị em phụ nữ, đã tình nguyện đóng góp tiền của, vàng bạc, kể cả những vật kỷ niệm quý giá trong đời tư, như nhẫn cưới, hoa tai, vòng khuyên v.v. Đó là những cử chỉ đẹp để biểu hiện tấm lòng yêu nước và niềm tin yêu chế độ mới của đồng bào các dân tộc Võ Nhại.

Song song với việc từng bước giải quyết khó khăn về kinh tế, ổn định đời sống vật chất cho nhân dân, Đảng bộ đã lãnh đạo chính quyền và đoàn thể các cấp trong huyện tổ chức tốt phong trào thanh toán nạn mù chữ. Hưởng

1. Hồ Chí Minh toàn tập — tập IV — NXB Sự thật — Hà Nội 1984 — Tr.27.

ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: « Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ... những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết, vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo »¹, ở khắp các thôn, xóm, làng bản, mọi người dân từ già đến trẻ đều hăng hái tham gia các lớp bình dân học vụ. Phong trào bình dân học vụ thanh toán nạn mù chữ thực sự trở thành một phong trào quần chúng rộng lớn, góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ hiểu biết cho nhân dân. Phong trào tiếp tục được duy trì và phát triển mạnh mẽ. Nhưng từ khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc (7-10-1947), phong trào bắt đầu sa sút vì phần lớn giáo viên và học viên trực tiếp tham gia vào công cuộc kháng chiến.

Bên cạnh các lớp bình dân học vụ được mở vào buổi tối, các trường lớp phổ thông cũng được thành lập ở các xã, thu hút con em đồng bào các dân tộc. Nạn thất học được nhanh chóng xóa bỏ từng bước. Trình độ văn hóa của nhân dân được nâng cao dần. Nhờ đó, những tập quán lạc hậu cùng với nạn mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác cũng ngày một giảm. Cuộc sống mới vui tươi, lành mạnh ngày một sinh sôi, phát triển. Bộ mặt xã hội ở khắp các thôn, xã trong huyện có những chuyển biến ngày càng sâu sắc.

Những biện pháp cách mạng cùng với những kết quả bước đầu trên đây có ý nghĩa to lớn đối với thời kỳ đầu của chính quyền cách mạng. Nó không chỉ góp phần ổn định và nâng cao một bước đời sống mọi mặt của nhân dân các dân tộc mà còn làm tăng thêm lòng tin yêu của nhân dân đối với chế độ mới. Đó chính là một trong những nhân tố cơ bản giúp cho bộ máy chính quyền các

1. Hồ Chí Minh toàn tập — tập IV — sách đã dẫn — tr. 29.

cấp trong huyện ngày càng được củng cố, trở thành chính quyền của dân, do dân và vì quyền lợi của nhân dân.

Vào những ngày đầu mới thành lập, Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp từ châu xuống đến xã còn có nhiều hạn chế. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, tại các xã, Ủy ban nhân dân cách mạng được dân chúng bầu lên. Thành phần trong Ủy ban chủ yếu là các giới trong tổ chức Cứu Quốc. Tuy nhiên, năng lực hoạt động của các Ủy ban còn bộc lộ nhiều yếu kém, hơn nữa còn mang tính chất lâm thời, nên chưa đáp ứng được yêu cầu của cách mạng. Tình hình đó đòi hỏi phải củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền, làm cho nó có đầy đủ năng lực điều hành mọi hoạt động ở địa phương.

Ngày 6-1-1946, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Võ Nhai phấn khởi và tự hào được tham gia tổng tuyển cử, tự tay mình cầm lá phiếu bầu những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Sau cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng địa phương, mọi tầng lớp nhân dân nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp¹. Ủy ban hành chính huyện² và Ủy ban hành chính xã cũng được thành lập, thay thế cho Ủy ban nhân dân cách mạng. Từ đó, chính quyền nhân dân các cấp được đề cao hơn; những lúng túng, bỡ ngỡ trước những công việc chuyên môn của thời kỳ đầu, từng bước được khắc phục.

Hiều rõ nguồn sức mạnh của chính quyền chủ yếu dựa vào khối đoàn kết toàn dân, Đảng bộ rất coi trọng củng

1. Theo quy định của Trung ương lúc đó, Hội đồng nhân dân chỉ bầu ở 2 cấp: xã và tỉnh.

2. Do đồng chí Chu Quốc Hưng làm chủ tịch.

cố các tổ chức đoàn thể quần chúng. Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, các tổ chức Cứu Quốc của Mặt trận Việt Minh phát triển mạnh mẽ, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Trong nhiều xã, Ban Việt Minh ra đời, không chỉ làm nhiệm vụ động viên, tổ chức quần chúng mà còn làm cả chức năng của một chính quyền cách mạng. Sau ngày giải phóng, các tổ chức Cứu Quốc cùng với các Ban Việt Minh tiếp tục lan rộng, có uy tín to lớn trong quần chúng.

Cuối năm 1946, nhằm mở rộng hơn nữa khối đoàn kết toàn dân và đề thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, mặt trận Liên Việt Võ Nhai ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, trực tiếp là Huyện ủy¹, mặt trận Liên Việt đã tích cực đi xuống các cơ sở đề vận động và tổ chức quần chúng tham gia mọi hoạt động ở địa phương.

Cùng thời gian trên, Ủy ban bảo vệ huyện và các xã cũng được thành lập, thành phần gồm có một đại biểu lực lượng vũ trang, một đại biểu Ủy ban hành chính và một đại biểu Hội đồng nhân dân. Sự ra đời của Ủy ban bảo vệ các cấp có tác dụng tích cực trong việc trấn áp các thế lực phản động, giữ vững chính quyền dân chủ nhân dân.

Song song với việc củng cố và từng bước kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang. Trong thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền, Võ Nhai là huyện có lực lượng vũ trang khá mạnh. Sau ngày tổng khởi nghĩa tháng Tám thắng lợi, do yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng cả nước, phần lớn cán bộ, chiến sĩ có nhiều

1. Được thành lập vào tháng 1-1946. Đồng chí Đàm Ứng được cấp trên chỉ định làm bí thư.

kinh nghiệm chiến đấu được điều động vào các đơn vị Vệ Quốc đoàn. Một số cán bộ, chiến sĩ được tuyển chọn vào đội quân Nam tiến. Ở Võ Nhai lúc này chỉ còn lại một số ít cán bộ làm nòng cốt, do đó phải đề bạt từ cấp dưới lên, năng lực còn yếu. Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện tích cực động viên toàn dân tham gia xây dựng lực lượng vũ trang. Phong trào xung phong tòng quân được phát động rộng rãi trong toàn huyện. Thanh niên nam, nữ thuộc các dân tộc hăng hái tình nguyện gia nhập lực lượng vũ trang. Chỉ trong một thời gian ngắn, hầu hết các xã đều thành lập các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu. Một số xã vùng rẻo cao, dù dân cư thưa thớt và sống rải rác trên phạm vi rộng, nhưng đội tự vệ cũng được tổ chức đông tới hàng chục người. Riêng xã Nghinh Tường, đội tự vệ có khoảng 30 thanh niên nam, nữ các dân tộc tham gia, làm nhiệm vụ canh gác con đường từ Bình Gia, Thiện Hòa sang.

Đề nâng cao trình độ giác ngộ chính trị và năng lực chiến đấu cho cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang, huyện đã liên tiếp mở các lớp huấn luyện quân sự và chính trị ngắn ngày. Các đội tự vệ chiến đấu thường xuyên tổ chức luyện tập. Việc canh phòng, bảo vệ cơ quan và làng, xã được tổ chức chu đáo. Nhân dân các xã trong huyện hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng bộ và chính quyền, tích cực vận động quyên góp lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược v.v... ủng hộ lực lượng vũ trang. Được nhân dân hết lòng thương yêu đùm bọc, lực lượng vũ trang Võ Nhai lớn mạnh nhanh chóng, làm tròn nhiệm vụ trước mắt là ngăn chặn mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực phản động, giữ vững chính quyền cách mạng; đồng thời chuẩn bị sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

III — TÍCH CỰC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG,

CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN

Ngay sau khi ký Hiệp định sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước Việt — Pháp (14-9-1946), với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, thực dân Pháp có những hành động bội ước. Chúng liên tiếp gây ra các vụ xâm phạm ngày càng trắng trợn nền độc lập, chủ quyền của nhân dân ta. Bộ mặt xâm lược của thực dân Pháp ngày càng lộ rõ.

Đề bảo vệ nền độc lập, tự do vừa mới giành được, nhân dân ta chỉ có một con đường là phải cầm vũ khí, tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trung thành với quyền lợi của dân tộc, thề theo nguyện vọng của toàn dân, ngày 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và quyết định phát động toàn quốc kháng chiến và đề ra những vấn đề cơ bản về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện đề chỉ đạo cuộc chiến đấu của nhân dân ta.

Sáng 20-12-1946, lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi khắp đất nước: « Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ »¹.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch là tiếng gọi của non sông đất nước, là mệnh lệnh cách mạng tiến công, giục giã và soi đường, chỉ lối cho mọi người dân Việt Nam đứng dậy cứu nước.

Với đường lối kháng chiến lâu dài, Trung ương Đảng và Chính phủ chủ trương xây dựng khu căn cứ địa vững chắc.

1. Hồ Chí Minh toàn tập — tập IV — sách đã dẫn — tr. 202.

Vùng rừng núi Việt Bắc, mà trung tâm là Bắc Cạn, Thái Nguyên và Tuyên Quang, là một địa bàn cơ động, có vị trí chiến lược rất quan trọng: tiến có thể đánh, lui có thể giữ. Địa thế nơi đây rất hiểm trở, có thể che mắt và cản trở mọi hoạt động của địch, nhưng lại tạo điều kiện thuận lợi cho mọi hoạt động kháng chiến của ta. Đất đai vùng này rộng lớn, sản vật phong phú, có thể đáp ứng được nhu cầu hậu cần tại chỗ, bảo đảm cho lực lượng kháng chiến tồn tại và phát triển. Nhân dân các dân tộc Việt Bắc có truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất chống ngoại xâm, sớm đi theo Đảng làm cách mạng giải phóng dân tộc.

Tất cả đặc điểm trên là một trong những cơ sở đề Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch quyết định chọn vùng rừng núi Bắc Cạn, Thái Nguyên và Tuyên Quang làm trung tâm căn cứ địa kháng chiến.

Đầu tháng 11-1946, Trung ương Đảng thành lập Đội công tác đặc biệt gồm đại biểu các ngành quân sự, an ninh, chính quyền, đoàn thể do Đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách. Đội có nhiệm vụ nghiên cứu đường đi chuyên và cùng với các ngành có liên quan tổ chức di chuyển các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, kho tàng và các công xưởng của Nhà nước lên căn cứ địa Việt Bắc.

Giữa tháng 12-1946, một số cán bộ trong Đội công tác đặc biệt bắt tay vào công việc nghiên cứu thực địa, Huyện Võ Nhai là một trong những nơi tiếp nhận các cơ quan, công xưởng của Trung ương và Liên khu chuyển đến¹. Do vậy, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai đảm nhận thêm một trách nhiệm nặng nề: vừa trực tiếp bảo vệ các cơ quan, công xưởng của Trung

1. Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Đài phát thanh, cơ quan thường trực Quốc hội, cơ quan Việt Minh, Liên Việt.

trong và Liên khu đóng trên địa bàn huyện, vừa lo bảo vệ cửa ngõ phía Đông của khu an toàn (A.T.K) kháng chiến.

Nhận rõ trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp kháng chiến, ngay từ cuối năm 1946 đầu năm 1947, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai đã phối hợp chặt chẽ với đội công tác đặc biệt bắt tay vào việc xây dựng và củng cố hệ thống thông tin liên lạc, đón nhận các cơ quan Trung ương, sẵn sàng chiến đấu và đầy mạnh tăng gia sản xuất, quyết tâm bảo vệ an toàn cho khu căn cứ địa. Nhân dân trong huyện có ý thức xây dựng và bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến, thực hiện nghiêm túc khẩu hiệu « ba không »: không nói chuyện làm lộ bí mật, không nghe những điều không có liên quan đến mình, không chỉ dường và cảnh giác với người lạ mặt.

Ngoài nhiệm vụ bảo vệ an toàn khu căn cứ kháng chiến, Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai còn tổ chức tiếp đón đồng bào miền xuôi tản cư lên. Ủy ban di cư, tản cư được thành lập, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính huyện. Chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch: « Vô luận thế nào, các Ủy ban hành chính không được bỏ dân bơ vơ », các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, mà trực tiếp là Ủy ban di cư, tản cư đã tích cực triển khai biện pháp bố trí chỗ ăn, ở và làm việc cho đồng bào tản cư. Nêu cao truyền thống thương yêu đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, « lá lành đùm lá rách », nhân dân các xã trong huyện san sẻ cho các gia đình mới đến từng mảnh ruộng, bãi nương, căn nhà, cho đến các đồ dùng sản xuất và sinh hoạt. Điều đó đã giúp cho đồng bào tản cư nhanh chóng ổn định cuộc sống và ngay từ đầu, làm cho đồng bào thấy gần bó với quê hương mới, tích cực tham gia các mặt hoạt động của địa phương, của kháng chiến.

Trong những tháng đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, Võ Nhai tuy là một trong những hậu cứ an toàn, nhưng Đảng bộ địa phương cùng với chính quyền các

cấp vẫn không lơ là cảnh giác. Mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến được tích cực triển khai.

Đề chủ động bước vào cuộc kháng chiến bảo vệ quê hương, bảo vệ an toàn khu căn cứ địa, Đảng bộ chú ý đến vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang, nhất là từ sau khi Bộ Quốc phòng ra thông tư quy định và tổ chức chức nhiệm vụ của dân quân, tự vệ, du kích. Ngoài việc củng cố các đơn vị vũ trang đã có từ trước, Đảng bộ đẩy mạnh xây dựng các đơn vị dân quân, tự vệ, du kích mới. Toàn huyện đẩy lên phong trào xung phong tòng quân. Vào thời gian này, ngoài các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu, các đội du kích tập trung lần lượt ra đời ở các xã. Tính đến tháng 10-1947, trước khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công vào căn cứ địa Việt Bắc, mỗi xã đều có một trung đội du kích thoát ly. Đó là lực lượng chiến đấu tại chỗ, sẵn sàng đánh địch, bảo vệ cửa ngõ phía Đông của ATK.

Từ giữa năm 1947, Huyện đội Võ Nhai được thành lập, đồng chí Mông Phúc Quyền được bổ nhiệm làm huyện đội trưởng, đồng chí Hoàng Công Tá là huyện đội phó và đồng chí Bùi Chí Tâm là chính trị viên. Kể từ đó, Võ Nhai có một cơ quan chuyên môn phụ trách về công tác quân sự ở địa phương. Các đội viên dân quân, du kích được thường xuyên huấn luyện về kỹ thuật chiến đấu, về cách gài mìn, cắm chông, phá hoại đường giao thông và cách sử dụng các loại vũ khí thông thường. Huyện đội còn tổ chức các buổi tập đánh trận giả, không chỉ có tác dụng nâng cao trình độ tác chiến mà còn giáo dục cán bộ, chiến sĩ tinh thần sẵn sàng chiến đấu.

Song song với việc từng bước củng cố và kiện toàn các cơ quan quân sự địa phương, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với lực lượng vũ trang cũng được tăng cường. Từ huyện đội bộ đến các Ban xã đội dân quân đều có các đồng chí cấp ủy viên được cử sang phụ trách. Hầu hết

các ban chỉ huy trung đội dân quân, du kích đều có các chỉ úy viên. Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện đều chú trọng giáo dục quần chúng ý thức xây dựng lực lượng vũ trang. Vì vậy, vào thời kỳ này, nhân dân các xã đều tích cực động viên con em tham gia nhập ngũ. Nhiều người con của Võ Nhai được tuyển lựa vào các trung đoàn bộ đội chủ lực của Liên khu và trực tiếp tham gia chiến đấu trên các chiến trường. Hưởng ứng cuộc vận động « Mùa đông binh sĩ », nhân dân các dân tộc Võ Nhai nhiệt tình giúp đỡ, ủng hộ bộ đội, phần đầu thực hiện khẩu hiệu: « Mỗi làng 2 áo trấn thủ, 2 chăn cho bộ đội ». Mặc dù cuộc sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng vốn giàu lòng yêu nước, nhân dân trong huyện đều tự nguyện đóng góp lương thực, thực phẩm và các loại vũ khí ủng hộ bộ đội, dân quân, du kích.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), thực hiện sắc lệnh của Chính phủ, các Ủy ban bảo vệ chuyển thành Ủy ban kháng chiến đề lãnh đạo toàn quân và toàn dân kháng chiến. Các mặt hoạt động chuẩn bị kháng chiến trong toàn huyện được đẩy mạnh. Tuy nhiên, trình độ và năng lực của các ủy viên Ủy ban còn nhiều hạn chế; ý thức trách nhiệm của một số cán bộ chưa cao. Do đó, hoạt động của Ủy ban, nhất là ở cấp xã còn yếu.

Nhằm mục đích từng bước nâng cao đời sống nhân dân và chuẩn bị tiềm lực đề kháng chiến lâu dài, Đảng bộ huyện chú trọng chỉ đạo phong trào tăng gia sản xuất tại các xã, nông dân tích cực mở rộng diện tích canh tác. Ngoài việc cấy lúa nước, bà con còn khai phá nương bãi, gieo trồng lúa nương và các loại cây lương thực khác, như ngô, khoai, sắn. Một số biện pháp kỹ thuật bước đầu được áp dụng vào sản xuất. Nhiều nơi đã phát động được phong trào làm cỏ, bón phân, thực hiện khẩu hiệu: « Sạch làng, tốt ruộng ». Những truyền thống tốt đẹp giúp nhau trong sản xuất được khơi dậy thông qua phong trào

xây dựng các tổ đời công, văn công. Nhờ đó, nhiều gia đình neo đơn, túng thiếu vượt qua mọi khó khăn, bảo đảm kế hoạch gieo trồng đúng thời vụ.

Tóm lại, trong hơn hai năm (4-1945 đến 9-1947) vừa làm nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng, vừa xây dựng lực lượng chuẩn bị kháng chiến chống Pháp, Đảng bộ Võ Nhai bước đầu tỏ rõ được vai trò lãnh đạo của mình. Thông qua hoạt động thực tiễn trong thời gian đó, Đảng bộ không ngừng lớn mạnh về mọi mặt. Cho đến giữa năm 1947, Đảng bộ có 9 chi bộ được tổ chức ở các xã: Tràng Xá, Phương Giao, Phú Thượng, Lau Thượng, La Hiên, Văn Lăng, Nghinh Tường, Cúc Đường, Thượng Nung và 1 chi bộ cơ quan. Trình độ giác ngộ chính trị, vai trò tiên phong của đảng viên được nâng lên một bước. Trên mọi cương vị công tác được giao phó, cán bộ, đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đi sát quần chúng. Do vậy, nhìn chung mọi hoạt động ở địa phương được đẩy mạnh. Những kết quả đạt được về phát triển sản xuất, giải quyết nạn đói, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang có tác dụng nâng cao tiềm lực mọi mặt cho Võ Nhai bước vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp, bảo vệ quê hương và căn cứ địa kháng chiến.

CHƯƠNG IV

TRỰC TIẾP KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG; CHI VIỆN TIỀN TUYẾN ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (10-1947 — 7-1954)

I — CHIẾN ĐẤU GÓP PHẦN ĐẬP TAN CUỘC TẤN CÔNG CỦA GIẶC PHÁP VÀO CĂN CỨ ĐỊA VIỆT BẮC THU — ĐÔNG 1947

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến đến giữa năm 1947, thực dân Pháp mở nhiều cuộc hành quân, càn quét. Chúng đã chiếm đóng nhiều thành phố, thị xã, thị trấn và một số vùng đông dân, nhưng vẫn không làm chủ được tình hình và đã phải trả giá đắt.

Cơ quan đầu não lãnh đạo kháng chiến và lực lượng võ trang của nhân dân ta đã tài tình vượt vòng vây của địch, lên Việt Bắc xây dựng căn cứ, chuẩn bị lực lượng kháng chiến lâu dài.

Võ Nhai là một trong những huyện có vị trí chiến lược quan trọng trong căn cứ địa Việt Bắc — căn cứ kháng chiến thần thánh của cả nước.

Trách nhiệm lịch sử của Đảng bộ lúc này là giáo dục toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong huyện quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, của Liên

khu ủy và Tỉnh ủy về kháng chiến kiến quốc, về toàn dân, toàn diện kháng chiến, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện hiểu rõ đường lối chủ trương kháng chiến của Đảng và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta nhất định thắng lợi; từ đó, hướng mọi hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang và bán vũ trang, các đoàn thể quần chúng và nhân dân vào công cuộc kháng chiến của dân tộc vì độc lập, tự do. Đồng thời, làm cho mọi tầng lớp nhân dân thấy được, trên đường đi đến thắng lợi, chúng ta phải vượt qua nhiều gian khổ, hy sinh. Hơn thế, là huyện trong khu an toàn của căn cứ địa, nên sự đòi hỏi đóng góp cho kháng chiến đối với đồng bào các dân tộc trong huyện lại càng lớn hơn.

Nhận thấy trách nhiệm hết sức lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai trong thời kỳ này, Trung ương Đảng, Chính phủ, Liên khu ủy Việt Bắc và Tỉnh ủy, một mặt thường xuyên quan tâm chỉ đạo, mặt khác cử nhiều đoàn cán bộ lên giúp Huyện ủy và Ủy ban hành chính (sau này là Ủy ban kháng chiến hành chính) huyện củng cố vùng xung yếu trong căn cứ địa. Nhiều cán bộ xung phong Việt Bắc được tăng cường cho Võ Nhai.

Bước sang năm 1947, cuộc chiến tranh du kích của nhân dân ta đã phát triển mạnh ở khắp các chiến trường, địch càng gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Chiến tranh càng kéo dài, chúng càng bị sa lầy và nguy cơ thất bại ngày càng lớn, buộc chúng phải tìm cách nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh bằng những đòn tấn công chiến lược.

Trước âm mưu của kẻ thù, Đảng bộ Võ Nhai cũng như các huyện khác trong Đảng bộ Thái Nguyên lúc đó, nhận được chỉ thị của Trung ương và của tỉnh phải: « chuẩn bị chống các cuộc quân địch đánh xuyên mũi dùi,

đánh vòng thật rộng, nhảy dù đổ bộ sau lưng ta¹. Chi thị của tỉnh ủy Thái Nguyên nhận định: «Địch có thể nhảy dù phối hợp với bộ binh càn quét chiếm đóng Thái Nguyên». Do đó, đảng bộ Võ Nhai đã tích cực triển khai mọi mặt công tác, tập trung sức người, sức của vào những công việc cần kíp, tăng cường thực lực, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ căn cứ địa, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo kháng chiến của Trung ương, Liên khu trên địa bàn huyện.

Ngay sau Hội nghị cán bộ Trung ương (tháng 4-1947) và Hội nghị quân sự toàn quốc họp tại Định Hóa (5-1947), huyện ủy Võ Nhai đã có chỉ thị cho các xã và đưa nhiều cán bộ Đảng, chính quyền và đoàn thể về cơ sở chính đồn chính quyền, các đoàn thể, xây dựng và huấn luyện dân quân, du kích về kỹ, chiến thuật đánh du kích, cách chế tạo, sử dụng vũ khí thô sơ, cài cắm công mìn, chống quân nhảy dù; vận động nhân dân triệt để «vườn không, nhà trống»; tiêu thổ kháng chiến. Những nhà to, công sở được phá hủy, cầu cống trên các trục đường giao thông bị đánh sập, đường số 1B và các đường lớn trong huyện bị đào thành hình xương cá, cây to được ngã xuống làm vật cản chống chiến xa của địch. Toàn dân trong huyện nhanh chóng thích ứng với hoàn cảnh chiến tranh, vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu.

Sau nhiều tháng chuẩn bị, ngày 7-10-1947, thực dân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn lên căn cứ địa Việt Bắc, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, đánh tan quân chủ lực, phá hủy cơ sở kháng chiến của nhân dân ta, lập chính phủ bù nhìn tay sai, nhanh chóng kết thúc chiến tranh, đưa nước Pháp thoát khỏi cuộc khủng

1. Văn kiện quân sự của Đảng tập 2 — tr. 208 — Nhà XB QĐND.

hoảng chính trị triển miên do cuộc chiến tranh bản thù ở Việt Nam gây ra.

Chúng đã tung vào cuộc tấn công này tới hơn 12 ngàn quân, bao gồm 5 trung đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn lính dù, 2 tiểu đoàn pháo, 2 tiểu đoàn công binh. Chúng sử dụng tới 40 máy bay, 40 tàu chiến và 800 xe cơ giới.

Trung tâm của chiến dịch này nhằm vào thị xã Bắc Cạn, vì theo chúng, Bắc Cạn là thủ đô kháng chiến. Sáng sớm ngày 7-10-1947, chúng đã ðạt ném xuống thị xã này 1500 lính dù. Buổi chiều cùng ngày, chúng thả gần 300 tên xuống Chợ Mới và hôm sau ném tiếp một tiểu đoàn dù xuống Chợ Đồn. Cuộc tập kích đường không này đã cắm ba cái chốt nguy hiểm vào giữa trung tâm căn cứ địa Việt Bắc. Trong khi đó 2 cánh quân địch đang tiến theo 2 đường thủy, bộ, nhằm tạo thành 2 gọng kìm phía Đông và phía Tây xiết chặt khu căn cứ.

Trước hành động mạo hiểm và thâm độc của kẻ thù, ngày 8-10, Hồ Chủ tịch gửi thư kêu gọi đồng bào và các lực lượng vũ trang trong căn cứ địa bình tĩnh, dũng cảm giết giặc, bẻ gãy gọng kìm của địch, đập tan âm mưu đen tối của chúng, bảo vệ căn cứ địa.

Tiếp đó, ngày 15-10, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: «Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp». Tỉnh ủy Thái Nguyên đã chỉ thị cho các cấp ủy Đảng trong toàn tỉnh đưa lực lượng vũ trang nhân dân vào tư thế sẵn sàng chiến đấu, kêu gọi đồng bào phối hợp cùng với bộ đội, dân quân, du kích chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ căn cứ kháng chiến của cả nước.

Từ chỗ bị động, lúng túng ban đầu, quân và dân Bắc Cạn đã nhanh chóng chuyển sang chủ động đánh địch, khiến cho quân Pháp nhảy dù phải co cụm lại chống đỡ, không hành động được như ý đồ ban đầu. Cánh quân

dịch tiến theo đường số 4 bị quân và dân Cao Bằng, Lạng Sơn chặn đánh quyết liệt. Đặc biệt, trên mặt trận Sông Lô, nhiều ca nô tàu chiến dịch bị đánh chìm, bắn cháy. Cuộc hội quân ở Đài Thị không thực hiện được theo kế hoạch, dịch sa vào thế lúng túng, bị động và sau đó bị quân và dân trong căn cứ địa liên tục phục kích, tập kích, chặn đánh ở nhiều nơi. Sinh lực dịch bị tiêu hao. Thực dân Pháp mất dần thế chủ động, nhưng chúng vẫn chưa chịu từ bỏ cuộc tấn công. Trên cơ sở phán đoán lực lượng của ta có từ 20 đến 25 tiểu đoàn, đóng ở các vùng Chợ Chu, Đại Từ, Võ Nhai, Yên Thế, phía tây Tam Đảo và khu vực sông Đáy; các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ kháng chiến đóng ở khu vực núi đá Đình Cả (Võ Nhai), ngày 20-11 bộ chỉ huy Pháp quyết định kết hợp việc rút các lực lượng đã tham gia cuộc hành quân «Lê A» cùng trung đoàn bộ binh Ma rốc số 5 và trung đoàn do trung tá Cốt xto (coste) chỉ huy, với việc tiếp tục thực hiện đợt hai của chiến dịch mang tên «Xanh Tuya» nhằm bao vây, càn quét khu tứ giác Tuyên Quang — Thái Nguyên — Việt Trì — Phú Lạng Thương, lùng bắt cho kỳ được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực và phá tan căn cứ kháng chiến của ta.

Với âm mưu đó, hướng càn quét của kế hoạch «Xanh Tuya» tập trung chủ yếu vào địa bàn Thái Nguyên. Huyện Võ Nhai nằm trong khu vực càn quét, đánh phá của địch. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai đứng trước một thử thách to lớn.

8 giờ sáng ngày 26-11-1947, quân Pháp cho 24 máy bay lao vào ném bom bắn phá dữ dội phố La Hiên (huyện lỵ Võ Nhai) và các vùng lân cận; sau đó chúng cho 9 máy bay vận tải thả một tiểu đoàn dù gồm 500 tên xuống La Hiên, chốt giữ tuyến đường 1B La Hiên — Thái Nguyên;

La Hiên — Đình Cả — Bắc Sơn và La Hiên — Cúc Đường — Thượng Nung sang Phú Lương; đồng thời sự tạo các vùng phụ cận nhằm truy lùng cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta.

Khoảng 12 giờ trưa, địch ném 200 quân dù xuống xã Tràng Xá. Toán quân này cần quét các xã phía đông huyện, vây bọc mọi ngã đường từ đây sang Lạng Sơn — Bắc Giang, đánh tóa ra chiếm phố Đình Cả và từ đó phát triển theo đường 1B, một hướng lên phía Làng Cao, Làng Phạt (xã Phú Thượng), một hướng xuôi xuống bắt liên lạc với tiểu đoàn dù ở La Hiên phát triển lên.

Võ Nhai thực sự bước vào cuộc chiến quyết liệt với kẻ thù ngay trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng của mình để bảo vệ căn cứ địa, bảo vệ quê hương.

Sau khi địch nhảy dù thị xã Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn và đánh phá dữ dội vùng này, Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng, Chính phủ và các đoàn thể Trung ương cứu quốc, chuyển từ Đình Hóa, Chợ Đồn về Võ Nhai từ ngày 15-10-1947. Cơ quan của Bác ở Làng Vang, xã Liên Minh. Đảng bộ và đồng bào trong huyện Võ Nhai đã vượt lên mọi khó khăn, gian khổ, thiếu thốn và sự vây ép của kẻ thù, bảo đảm mọi nhu cầu thiết yếu (nơi ở, chỗ làm việc, lương thực, thực phẩm) cho nhiều cơ quan, đoàn thể và lực lượng vũ trang của Trung ương, Chính phủ và Liên khu đóng trên địa bàn huyện; đồng thời tăng cường lực lượng, sẵn sàng phát động nhân dân tham gia chiến đấu bảo vệ Bác, bảo vệ Trung ương, bảo vệ Chính phủ kháng chiến, vận động nhân dân giữ bí mật, chống gián điệp, tinh báo của địch và đã hoàn thành trách nhiệm cao cả đó trước dân tộc. Ngày 15-11, sau khi nghe báo cáo của Bộ Tổng chỉ huy về tình hình chiến sự và âm mưu của thực dân Pháp trong thời gian tới trên chiến trường Việt Bắc, Bác quyết định rời khỏi Võ Nhai, trở lại Đình Hóa vào 20-11-1947.

Ngày 26-11, quân Pháp tấn công vào Trảng Xá — Liên Minh. Cùng với các huyện Định Hóa, Đại Từ, Đông Hy... quân và dân Võ Nhai, ở thế trận chuẩn bị trước, đã nổ súng đánh địch ngay từ 8 giờ sáng ngày 24-11 khi cánh quân dù đổ xuống La Hiên vừa chạm đất, diệt làm bị thương hàng chục tên. Nhiều chiến sĩ du kích và bộ đội địa phương kiên quyết bám địch, diệt địch. Chiến sĩ du kích Lý Viết Và, dũng cảm nhặt lựu đạn địch ném chưa kịp nổ, ném lại diệt 4 tên địch. Tuy bị thương nặng, đồng chí vẫn tìm cách vượt vòng vây dày đặc của địch, mang vũ khí của đồng đội đã hy sinh và của mình trao cho đơn vị, trước khi ngã xuống.

Tại Trảng Xá, du kích và bộ đội dùng lưới lè, lựu đạn, đánh giáp lá cà, tiêu diệt địch, cầm chân địch để dân kịp tản vào rừng. Đêm 26-11, bộ đội và du kích Trảng Xá tập kích vào vị trí địch, diệt 6 tên, làm bị thương 5 tên. Ngày 27-11, địch cho 2 trung đội sục vào làng Trảng, ta phục kích diệt 4 tên, làm bị thương 8 tên. Đại đội độc lập hoạt động tại huyện cùng du kích Trảng Xá, Liên Minh, phối hợp với Tiều đoàn 80 chặn đánh quyết liệt quân dù từ Trảng Xá kéo sang Mỏ Trạng (Yên Thế), bắt liên lạc với cánh quân của Cô-xơ đang càn quét ở đó, diệt và làm bị thương hàng chục tên, buộc chúng phải quay lại nơi xuất phát. Đêm xuống, ta tập kích địch ở Trảng Xá, diệt 2 tên (có 1 sĩ quan) và làm bị thương 4 tên.

Ngày 28-11, địch cho một trung đội từ Trảng Xá ra Đình Cả để bắt liên lạc với bọn ở La Hiên. Bộ đội và du kích mai phục ở Đèo Bắp. Vì không bám sát địch, thông tin liên lạc không kịp thời, không chính xác, nên khi địch vượt qua cầu Quang Lung, thì ta ở vào thế bất ngờ, không kịp nổ súng, giật mình, bị địch phản kích dữ dội, phải rút lui, sáu chiến sĩ hy sinh.

Tối 28-11, ta tập kích địch ở La Hiên. Do năm địch không chắc, đánh vào đúng chỗ mạnh của chúng, ta bị tổn thất nặng.

Sáng 30-11, địch cho một trung đội từ Trảng Xá tiến vào Phương Giao. Đơn bị bộ đội đóng ở đây bị bất ngờ, không kịp nổ súng. Địch đã đốt nhiều nhà và bắn chết 60 con trâu của dân.

Ngày 1-12, 200 quân địch từ La Hiên đánh nống ra, càn quét các làng lân cận. Địch bị du kích và bộ đội Trung đoàn 147 chặn đánh ở Đèo Bụt, Giai Kết, buộc chúng phải co lại. Hôm sau, ngày 2-12, dưới sự yểm trợ của máy bay, địch mở cuộc càn lớn vào Cúc Đường, Xuân Quang, Hích, Mang Trang, Cốc Lùng, đồng thời lui dần về phía nam huyện, đề rút về Thái Nguyên.

Với 700 quân dù tinh nhuệ, trang bị vũ khí hiện đại, có máy bay yểm trợ, địch mở nhiều cuộc tấn công, càn quét vào nhiều xã trong huyện. Hành động của chúng tuy có gây cho ta một số thiệt hại về người và của, nhưng mục đích chính của cuộc hành quân không đạt được. Các cơ quan đầu não kháng chiến của ta đã kịp thời di chuyển. Một số các vị thân sĩ có uy tín lớn, có tinh thần yêu nước, mà địch muốn tìm bắt để lôi kéo phục vụ cho ý đồ chính trị thâm độc của chúng, đã được Đảng bộ và đồng bào các dân tộc Võ Nhai che chở, bảo vệ. Kế hoạch hợp quân với binh đoàn Cờ-xơ ở Mỏ Trạng, Yên Thế (Bắc Giang) đề xiết chặt vành đai cũng bị bể gãy. Địch không thực hiện được mục tiêu đánh tan quân chủ lực của ta. Ngược lại, qua cuộc chạm súng từ 26-11 đến 2-12-1947, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích Võ Nhai đã chủ động liên tiếp tấn công địch bằng các trận phục kích, tập kích, gây cho chúng nhiều thiệt hại (159 tên bị loại khỏi vòng chiến).

Kết quả quá trình tổ chức lãnh đạo giáo dục, rèn luyện, cấp dưỡng bộ đội địa phương và dân quân, du kích của

Huyện ủy và các cấp ủy Đảng trong Đảng bộ được phân ánh bằng những trận đánh địch ngay từ khi chúng vừa chạm chân xuống đất, bằng những trận tập kích, bằng những gương dũng cảm chiến đấu, anh dũng hy sinh của cán bộ, chiến sĩ trong huyện, làm thất bại mục tiêu, ý đồ chiến dịch của địch.

Ngày 7-12-1947, tên giặc cuối cùng rút khỏi Võ Nhại. Qua thực tế chiến đấu, Đảng bộ cũng thu được những bài học của thời kỳ đầu phát động và lãnh đạo chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện. Sự chỉ huy thống nhất hành động của lực lượng vũ trang (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích) trên địa bàn huyện chưa được xây dựng; nhiệm vụ cụ thể của từng thứ quân không được phân định trong phối hợp tác chiến, trong bảo vệ địa bàn v.v. Do vậy, có trận đánh, ta đang từ thế chủ động rơi vào trạng thái bị động, bị tổn thất; chưa có được những trận phản kích lớn, tiêu hao nhiều sinh lực địch, mặc dù ta có thuận lợi về địa hình, về số quân và sự tham gia tích cực của nhân dân.

II — XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, CHI VIỆN TIỀN TUYẾN

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu — Đông 1947, tỉnh Thái Nguyên nói chung và Võ Nhại nói riêng trở thành vùng tự do. Nhưng quân Pháp còn chiếm đóng 5 cứ điểm thuộc tỉnh Bắc Cạn (thị xã Bắc Cạn, Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn và Bằng Khâu). Hệ thống cứ điểm này được chúng xây dựng kiên cố và có lực lượng mạnh, nhằm cầm những chốt quân sự hiểm yếu vào trung tâm căn cứ địa, khống chế một vùng rộng lớn phía đông và phía tây Quốc lộ 3, từ Bắc Cạn lên Cao Bằng, dung dưỡng bọn tay sai phản quốc lập tề, làm thò phi, gián điệp đề tung vào phá hoại

căn cứ địa, phá hoại kháng chiến. Mặt khác, sau khi chiến lược « đánh nhanh, thắng nhanh » bị thất bại, buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với ta, thực dân Pháp tăng cường thực hiện chính sách « lấy chiến tranh nuôi chiến tranh », « dùng người Việt đánh người Việt », nhằm vơ vét sức người, sức của ở những nơi tạm chiếm, cung cấp cho nhu cầu chiến tranh xâm lược; và khi có đủ điều kiện, chúng sẽ tấn công vào căn cứ địa kháng chiến thần thánh của dân tộc ta một lần nữa.

Tại Võ Nhai, từ đầu năm 1948, các cơ quan của Liên khu, của tỉnh bạn và một số đơn vị dân sự và quân sự của Trung ương trở lại đặt trụ sở ở hầu khắp các xã trong huyện. Nghĩa vụ của một huyện trọng yếu trong căn cứ địa kháng chiến lại đặt lên Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai nhất là trong điều kiện bị địch bao vây, ép sát phía giáp Lạng Sơn — Bắc Giang, thường xuyên tung gián điệp, chỉ diêm vào các xã trong huyện để thu lượm tin tức về lực lượng kháng chiến, về các hoạt động kháng chiến trong căn cứ địa, móc nối với những phần tử xấu trong huyện làm tay chân cho chúng.

Từ thực tế này, Đảng bộ Võ Nhai — từ Huyện ủy đến cơ sở, từ cấp ủy đến đảng viên — phải vươn lên đề tồ chức, lãnh đạo và phát động toàn dân, toàn quân trong huyện thực sự làm tốt 2 nhiệm vụ chiến lược: Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.

Trước hết, trên địa bàn huyện cần có lực lượng vũ trang đủ sức chiến đấu để bảo vệ căn cứ kháng chiến, bảo vệ quê hương giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, sẵn sàng cùng cả tỉnh, cả khu và rộng hơn là cả nước đánh giặc, giữ nước.

Đảng bộ đã tập trung vào việc phát triển và xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện. Đảng bộ cử nhiều cấp ủy, đảng viên tham gia các lực lượng bộ

đội, dân quân và du kích. Hầu hết những đảng viên, nếu không gánh vác công việc lớn khác, đều phải tham gia vào Đội du kích để làm gương và tăng cường sức chiến đấu cho Đội. Các chức vụ xã đội trưởng, thôn đội trưởng, đội trưởng đội du kích và chính trị viên đều do cấp ủy hoặc đảng viên đảm nhận. Một số các đồng chí là huyện ủy viên được bổ sung sang Huyện đội bộ dân quân và đơn vị bộ đội địa phương của huyện. Hệ thống chỉ huy quân sự được tổ chức thành ba cấp thống nhất: huyện đội, xã đội và thôn đội. Mỗi cấp chỉ huy có các bộ phận giúp việc (Ban chỉ huy xã đội có tổ công tác chính trị, tổ quân báo và văn phòng xã đội. Huyện đội có ban văn thư, ban quản trị, ban chính trị và điều tra).

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ, các ngành, các đoàn thể từ huyện đến cơ sở có nhiều hình thức tuyên truyền, vận động nam, nữ thanh niên gia nhập các tổ chức vũ trang và động viên nhân dân tham gia ủng hộ, xây dựng bộ đội địa phương và dân quân, du kích.

Do những cố gắng của Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể, lại được nhân dân ủng hộ, đến cuối năm 1949, mỗi xã trong huyện đã có từ một đến hai trung đội du kích, mỗi thôn có một tổ gương mẫu chiến đấu gồm 10 đội viên (sau này gọi là Đội du kích chiến đấu, có thôn phát triển đến 1 trung đội mạnh). Lực lượng này vừa làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, vừa là nguồn bổ sung cho bộ đội huyện, tỉnh.

Trước tháng 10-49, huyện có một trung đội du kích tập trung (có 35 cán bộ, chiến sĩ). Do khó khăn về cấp dưỡng, đơn vị phải phân tán từng tiểu đội dựa vào sự nuôi dưỡng của nhân dân. Vì phải phân tán, nên tính cơ động của đơn vị rất thấp và gặp nhiều khó khăn trong huấn luyện. Tháng 10-1949, khi có chủ trương thành lập bộ đội địa phương huyện, trung đội du kích tập trung trở thành nòng cốt xây dựng đại đội địa phương Võ Nhaih.

Với một huyện như Võ Nhai, số dân khoảng 11.500 người, kinh tế chưa phát triển, còn mang nặng tính chất tự túc, tự cấp, công việc kháng chiến bề bộn, lại vừa trải qua sự tàn phá của giặc trong chiến dịch Thu—Đông năm 1947, hậu quả chưa khắc phục xong v.v. thì việc thành lập, trang bị và cấp dưỡng cho một đại đội theo phương châm: nhân dân địa phương nuôi lấy bộ đội của mình, gặp nhiều khó khăn.

Song, vốn là một huyện có truyền thống yêu nước và cách mạng, Đảng bộ đã có kinh nghiệm vận động nhân dân ủng hộ xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng từ thời kỳ tiền khởi nghĩa, nên chỉ trong một thời gian ngắn, huyện đã tổ chức được đơn vị gồm 80 cán bộ, chiến sĩ, hầu hết là con em các dân tộc trong huyện. Thông qua sự vận động của ban cấp dưỡng bộ đội địa phương của huyện, nhân dân đã đóng góp nhiều tiền bạc, lương thực, thực phẩm, quần áo, chăn màn và cả vũ khí tự tạo cho đơn vị. Phong trào đỡ đầu chiến sĩ do Hội phụ nữ cứu quốc, Hội mẹ chiến sĩ làm nòng cốt đã thu được kết quả: nhiều xã nhận đỡ đầu các tiểu đội vũ trang, nhiều gia đình nhận chăm nuôi một chiến sĩ; hàng trăm gia đình trong huyện lập "hũ gạo kháng chiến". Riêng xã Lâu Thượng trong một đợt đã góp được 51 nùi gạo (bằng 765 kg). Năm 1950, trong 2 kỳ vận động cấp dưỡng cho bộ đội, nhân dân Võ Nhai đã góp 252.779 đồng (tương đương với 12 tấn gạo) và 39.262 kg thóc.

Nhờ những cố gắng trên, cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương Võ Nhai đã tạm đủ lương thực, quần áo, chăn màn, yên tâm bước vào huấn luyện, xây dựng đơn vị.

Cùng với việc xây dựng bộ đội tập trung, Huyện ủy chú trọng xây dựng, phát triển lực lượng dân quân, du kích cả về số lượng và chất lượng. Phần lớn những người trong độ tuổi (kể cả nữ), đều tình nguyện gia nhập lực

lượng dân quân. Những thanh niên trẻ, khỏe, có tinh thần kháng chiến cao đã được huấn luyện quân sự cơ bản được phiên chế vào các đội du kích. Ở các đội du kích, chế độ học tập, huấn luyện và thường trực chiến đấu được cấp ủy, chính quyền, xã đội và thôn đội thường xuyên kiểm tra, đảm bảo cho đội có sức chiến đấu, sẵn sàng đánh địch ngay trên địa bàn thôn, bản của mình.

Việc xây dựng lực lượng vũ trang tập trung và dân quân, du kích được toàn dân trong huyện tích cực ủng hộ. Song, lúc này Võ Nhai thiếu hơn cả là đội ngũ cán bộ quân sự, từ chỉ huy huyện đội đến tiểu đội trưởng du kích. Khắc phục tình trạng này, Huyện ủy một mặt tích cực cử người đi đào tạo ở các lớp do tỉnh, khu mở và có thời kỳ như đầu năm 1950, huyện gửi cả người vào học Trường quân chính của Đại đoàn 308. Mặt khác, huyện tổ chức huấn luyện đào tạo nhiều đợt ngay tại địa phương. Tuy nhiên, tình trạng thiếu cán bộ chỉ huy nòng cốt vẫn thường xuyên diễn ra. Sở dĩ như vậy là do nhu cầu phát triển lực lượng của huyện ngày một tăng; thêm vào đó, huyện phải thường xuyên bổ sung cán bộ, chiến sĩ cho tỉnh, khu và bộ. Hơn nữa, lúc bấy giờ kinh nghiệm lãnh đạo, xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng bộ Võ Nhai nhất là vài năm đầu chưa dày dặn, lại gặp nhiều việc của kháng chiến chi phối nên không tránh khỏi những hạn chế.

Chấp hành chỉ thị của tỉnh, đầu năm 1950, cùng với việc triển khai huấn luyện sẵn sàng chiến đấu cho các lực lượng vũ trang, Huyện ủy và UBKC hành chính huyện chỉ đạo các xã trong toàn huyện xây dựng xã và khu vực chiến đấu, đặc biệt là các xã La Hiên, Cúc Đường, Lau Thượng, Phú Thượng và Tràng Xá, đồng thời tuyên truyền, vận động nhân dân cất giấu của cải, đào hầm hố trú ẩn, thích ứng với hoàn cảnh vừa sản xuất và sẵn sàng chống địch oanh tạc bằng máy bay, phòng địch tấn công. Các

cơ quan của huyện được chỉ thị phải quan sự hóa trong mọi hoạt động. Dọc các trục đường chính vào các thôn xã và những địa điểm xung yếu trên toàn huyện đều có trạm gác. Các trạm gác này do xã đội và thôn đội trực tiếp phụ trách. Mỗi trạm gác có sổ kiểm soát người lạ mặt ra vào và hàng tháng Ủy ban kháng chiến hành chính huyện kiểm tra cụ thể từng sổ ghi chép ở mỗi trạm. Sự hoạt động thường xuyên, chặt chẽ của các trạm gác cùng với những cố gắng trong công tác đánh địch của cán bộ, chiến sĩ công an và những ủy viên trật tự thôn xã, vai trò nhân dân các dân tộc trong phong trào phòng gian, bảo mật, thực hiện « ba không » (không nghe, không biết, không nói những việc cần giữ bí mật) đã làm thất bại mọi âm mưu và hành động của bọn gián điệp, việt gian. Nhờ đó, suốt những năm kháng chiến chống Pháp, các cơ quan, đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn Võ Nhai được bảo vệ an toàn, chu đáo. Máy bay địch nhiều lần ném bom, bắn phá Võ Nhai chỉ là khủng bố, không gây được thiệt hại, do không có chỉ điểm, không phát hiện được mục tiêu cần đánh phá. Trật tự, trị an ở làng bản, thôn xóm cũng ngày một tốt hơn. Trong năm 1950, huyện, xã đã trừng trị nghiêm khắc 30 tên lưu manh, ba lần tổng kiểm soát hàng lậu, hàng ngoại, xử lý nhiều người vi phạm, bao vây kinh tế địch.

Năm 1950, thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng: « Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công », Đảng bộ Võ Nhai đã tổ chức và động viên lực lượng võ trang của huyện tham gia cuộc vận động « rèn cán, chỉnh quân » và lãnh đạo toàn dân tích cực xây dựng, củng cố hệ thống phòng thủ trên địa bàn huyện, hướng vào hai nhiệm vụ chính là: đảm bảo đủ quân số, vũ khí và cấp dưỡng cho 2 trung đội mạnh của huyện; Bộ đội huyện và dân quân, du kích các xã được huấn luyện,

nâng cao bản lĩnh chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Các làng, các khu vực chiến đấu thường xuyên kiểm tra và sửa chữa những thiếu sót¹.

Bài học kinh nghiệm rút ra từ chiến dịch Thu—Đông năm 1947 đã làm cơ sở cho Đảng bộ, chính quyền và lực lượng vũ trang trong toàn huyện xây dựng lực lượng và lập phương án tác chiến. Tuy chưa hoàn thiện, song được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBKCHC tỉnh và sự hướng dẫn, giúp đỡ của Liên khu và Tỉnh đội, năm 1950 Võ Nhai đã có một kế hoạch phòng thủ và phương án phối hợp chiến đấu của ba thứ quân trên địa bàn toàn huyện.

Đề rèn luyện bộ đội trong thực tế chiến đấu, theo chủ trương chung của Khu và Tỉnh, đáp ứng nguyện vọng lập công của cán bộ chiến sĩ, từ đầu năm 1950, huyện đã tổ chức đưa bộ đội địa phương huyện vào vùng địch tạm chiếm thuộc các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Giang tham gia chiến đấu, góp sức cùng tinh bạn, đơn vị bạn diệt thù chung.

Qua nhiều lần vào vùng địch, cán bộ chiến sĩ trong đơn vị rất hăng hái, tích cực hoạt động, chủ động đánh địch. Ngày 20-3-1950, một trung đội của huyện đã chặn đánh cánh quân của địch đang cần quét vùng chân núi Tam Đảo (Vĩnh Yên) diệt và làm bị thương 8 tên. Chiến công tuy không lớn, nhưng đã cổ vũ, động viên cán bộ chiến sĩ thi đua trong phong trào luyện quân lập công.

Tháng 9-1950, Trung ương quyết định mở chiến dịch Biên Giới. Võ Nhai là một địa bàn đặt hậu cứ của một số

1. Năm 1950, mỗi xã trong huyện có một trung đội dân quân tập trung (toàn huyện có 284 người) và một tiểu đội du kích (toàn huyện có 80 người). Hai lực lượng này được trang bị đầy đủ vũ khí (kể cả thô sơ) được huấn luyện tốt và là lực lượng thường trực, sẵn sàng chiến đấu. Ngoài ra còn có 2114 dân quân trong danh sách, sẵn sàng bổ sung cho lực lượng dân quân tập trung nói trên.

đơn vị bộ đội chủ lực của ta, là một hướng quan trọng chỉ viện quân số, vũ khí, đạn dược, lương thực, thực phẩm cho chiến dịch. Vì thế, Đảng bộ Võ Nhai vừa phải đảm bảo vai trò hậu phương trực tiếp của chiến dịch, vừa tăng cường lực lượng đề phòng địch khi lâm vào thế quần, có thể theo đường 1B rút chạy qua Võ Nhai — như dự kiến của Bộ chỉ huy chiến dịch.

Bị đánh mạnh trên đường số 4, thực dân Pháp mở cuộc hành quân « Phốc » (Phoque), đánh lên Thái Nguyên nhằm kéo chủ lực của ta ở mặt trận Biên Giới về, đỡ đòn cho đồng bọn. Nhưng trên cả hai hướng (Biên Giới và Thái Nguyên), quân Pháp đều bị thất bại nặng nề. Chiến dịch « Phốc » phải kết thúc sau 1 tuần lễ.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai đã góp phần tích cực vào chiến công chung của quân và dân ta trong chiến dịch Biên Giới.

Cũng trong năm 1950, năm đầu tiên Võ Nhai thực hiện nghĩa vụ quân sự theo sắc lệnh ngày 4-11-1949, đã có 173 thanh niên (trong đó có 4 nữ) xung phong tòng quân. Từ kinh nghiệm của năm 1950, đề làm tốt công tác tuyên truyền, trong những năm 1951 — 1954, Đảng bộ huyện đã coi trọng việc thực hiện chính sách đối với các gia đình liệt sĩ, thương binh và quân nhân tại ngũ, động viên toàn dân chăm sóc giúp đỡ, giải quyết những khó khăn về vật chất, tinh thần đối với các gia đình nói trên, đồng thời mở những cuộc tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc, nhất là tầng lớp thanh niên hiểu rõ nghĩa vụ và trách nhiệm của tuổi trẻ đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Song song với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, lập kế hoạch phòng thủ và phương án bảo vệ căn cứ kháng chiến, vấn đề tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm đề kháng chiến, kiến quốc cũng là một nhiệm vụ

rất nặng nề và có lúc trở nên gay gắt đối với Đảng bộ một huyện có hơn 11 ngàn dân. Trải qua những năm tháng cách mạng và kháng chiến, nhiều lần bị địch khủng bố ác liệt, nhiều gia đình còn phải sống tạm bợ, cái bát không còn để ăn. Cộng vào đó, công cuộc kháng chiến đã thu hút rất nhiều lực lượng trẻ, khỏe của huyện (vào dân quân, du kích, đi bộ đội, đi dân công...). Trong hoàn cảnh ấy, Huyện ủy phải lãnh đạo đầy mạnh sản xuất để không những từng bước cải thiện đời sống cho nhân dân địa phương, mà còn cung cấp một phần nhu cầu cho lực lượng vũ trang và các cơ quan của Trung ương, của Khu trên địa bàn huyện. Xuất phát từ hoàn cảnh sản xuất nông nghiệp còn rất lạc hậu, toàn bộ diện tích ruộng nước của huyện chỉ cấy được một vụ mùa¹, Huyện ủy rất coi trọng việc khuyến khích bà con nông dân mở rộng diện tích trồng lúa nương và các loại hoa màu khác.

Trong quá trình chỉ đạo đầy mạnh sản xuất, huyện Võ Nhai thường xuyên nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy và UBND tỉnh. Trong năm 1948, mặc dù ngân sách còn rất eo hẹp, nhưng tỉnh cũng đã hỗ trợ cho nông dân Võ Nhai 18 con trâu, 60 tấn thóc và 80.000 đồng để làm vốn sản xuất. Ban cứu tế tỉnh cũng đưa về huyện 145.000 đồng² để giúp bà con nghèo.

Đảng bộ huyện đã giáo dục cho nhân dân tinh thần tự lực cánh sinh — một tinh thần luôn luôn được Đảng và Bác Hồ quan tâm bồi đắp cho toàn Đảng, toàn dân trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Đảng bộ đã phát động toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong huyện tích cực tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Một chuyên biến tiến bộ có ý nghĩa thiết thực trong nông dân Võ

1. Theo số liệu thống kê, 1948 diện tích lúa nước của Võ Nhai có 5963 mẫu, hoàn toàn cấy 1 vụ.

2. Giá gạo 1 kg lúc đó là: 3,15 đồng.

Nhai lúc này là đã bước đầu áp dụng một số biện pháp kỹ thuật trong sản xuất, đắp bờ giữ nước, làm cỏ, bón phân. Từ năm 1950, trong phong trào thi đua yêu nước và cuộc vận động lập kế hoạch sản xuất, huyện đã phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi. Tại xã Lâu Thượng và đồn điền Bóc diê, huyện đã huy động hàng ngàn ngày công đào đắp hàng trăm mét nương, phai, đập. Nhờ đó, năm 1950 Võ Nhai đã cấy được 175 mẫu lúa chiêm. Đây cũng là lần đầu tiên Võ Nhai đã trồng được 1000 mẫu hoa màu các loại. So với năm 1949, diện tích gieo trồng toàn huyện tăng 945 mẫu, trong đó ngô tăng 349 mẫu, khoai lang, khoai sọ tăng 240 mẫu, lúa tăng 350 mẫu (cả chiêm và mùa), đỗ các loại 6 mẫu...¹ Năng suất các loại cây đều tăng.

Do diện tích gieo trồng được mở rộng, các biện pháp kỹ thuật bước đầu áp dụng có kết quả, nên mặc dù thời tiết không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nhưng năm 1950 sản lượng lương thực của Võ Nhai đạt khá. Đời sống nhân dân tạm ổn định, số người bị đói và nạn thiếu ăn lúc giáp hạt giảm nhiều so với các năm trước. Cũng vì vậy, đóng góp cho kháng chiến trong năm thi đua «hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công» khá hơn. Theo số liệu thống kê, ba tháng đầu năm 1950, toàn huyện đã bán 19.454 kg thóc, 1078 kg gạo đẽ Bắc Hồ khao quân, ủng hộ 21 nải gạo (tương đương 315 kg), 1156 đồng, nhận đỡ đầu 8 tiểu đội bộ đội chủ lực. Thị hành sắc lệnh tổng động viên, huyện đã mở chiến dịch tuyên truyền vận động trong một tuần lễ (từ ngày 12 đến 19-5). Với tinh thần «tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng», nhân dân đã đóng góp thóc quân lương và thóc công lương được 100 tấn và

1. Theo «Báo cáo công tác năm 1950» của UBND huyện Võ Nhai — Lưu trữ tại UBND tỉnh Bắc Thái.

172.500 đồng để cấp dưỡng cho bộ đội địa phương. Tiếp theo đó, nhân ngày thương binh, liệt sĩ 27-7-1950, toàn dân trong huyện đã đóng góp hàng trăm ngàn đồng (riêng xã Phú Thượng thu được 48,80 ngàn đồng) vào quỹ giúp đỡ gia đình liệt sĩ và thương binh. Để bổ sung cho quỹ kháng chiến, tháng 8-1951, Võ Nhai đã cho Chính phủ tạm vay 58.800 kg thóc.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2 (2-1951), và Nghị quyết Đại hội đại hội Đảng lần thứ nhất Liên khu Việt Bắc (từ ngày 10 đến 20-5-1951), Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ ba (4-1951) xác định nhiệm vụ của toàn Đảng bộ: « phải tập trung khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, chỉ viện cho chiến trường... ».

Quán triệt chủ trương trên và từ những bài học lãnh đạo sản xuất nông nghiệp của năm 1950, Đảng bộ Võ Nhai liên tiếp mở các đợt vận động sản xuất, vận động nhân dân thi đua cấy hết diện tích, cấy đúng thời vụ, cày sâu, bừa kỹ; làm cỏ, bón phân. Đây là những cuộc vận động có tính chất làm thay đổi cả một tập quán, một truyền thống sản xuất nông nghiệp lạc hậu, thô sơ đối với người dân Võ Nhai. Riêng cuộc vận động « làm cỏ, bón phân », một trong những biện pháp tuy giản đơn nhưng sẽ cho năng suất cao, cũng là một cuộc đấu tranh gay gắt, cuộc cách mạng thực sự trong sản xuất nông nghiệp ở Võ Nhai. Đàn trâu, lợn của Võ Nhai nhiều, nhưng do tập quán chăn nuôi thả rông, không thu được phân. Do đó, muốn có phân bón ruộng, trước hết phải vận động mọi gia đình làm chuồng trâu, chuồng lợn và có chăn dắt để « sạch làng, tốt ruộng ». Hội nông dân, thanh niên, phụ nữ cứu quốc từ huyện xuống đến cơ sở đã gần bó với nông dân, với đồng ruộng để thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế.

○ Nhờ những cố gắng trên đây, cùng với những chính sách khuyến nông khác của Đảng và Chính phủ, những năm cuối của cuộc kháng chiến đời sống nhân dân các dân tộc Võ Nhai, kể cả vật chất, văn hóa, tinh thần giữ được ổn định, có mặt phát triển.

Song song với cuộc vận động sản xuất, huyện Đảng bộ chú trọng lãnh đạo nhân dân thực hành tiết kiệm, như lời Bác Hồ dạy «sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm». Ma to, cưới lớn, kéo dài ngày cũng là một tập quán gây tốn kém, lãng phí tiền của ở huyện Võ Nhai. Đã nhiều gia đình vì lo hiếu, hi theo lệ cũ mà trở nên đói nghèo, nợ nần chồng chất, không những thế, còn gây xích mích ở thôn, xóm. Thực hiện chủ trương xây dựng đời sống mới, con người mới và cuộc vận động thực hành tiết kiệm từ năm 1949, các tập tục trên đã giảm đến bảy phần mười so với những năm trước đó.

○ Năm 1951, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta bước vào năm thứ sáu. Qua sáu năm gian khổ và anh dũng đó, quân và dân cả nước đã liên tiếp thu được nhiều thắng lợi trên các chiến trường. Vùng giải phóng được mở rộng, vùng tự do từng bước được củng cố. Song, cuộc kháng chiến càng đến giai đoạn kết thúc, càng trở nên quyết liệt và gay gắt hơn và do vậy, nhu cầu cho kháng chiến càng nhiều hơn. Trung ương Đảng, Chính phủ ban bố nhiều chính sách vừa khuyến khích phát triển kinh tế vừa huy động công bằng, hợp lý và nhiều hơn nhân tài, vật lực cho kháng chiến. Trong số các chính sách đó, có chính sách thuế nông nghiệp. Trước đây thực hiện sắc lệnh 78 SL ngày 14-7-1949 về giảm tô 25%, Hội đồng giảm tô của huyện và các xã đã buộc các chủ ruộng phải thi hành đúng sắc lệnh, mang lại lợi ích thiết thực cho nông dân nghèo. Chính sách thuế nông nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 1-5-1951, sẽ

khuyến khích những nông dân cần cù, chịu khó và tích cực áp dụng kỹ thuật vào trồng trọt, phần vượt năng suất không phải tính thuế, đồng thời những nhà giàu có phải đóng góp cho đất nước, cho kháng chiến nhiều hơn, xóa bỏ sự đóng góp không công bằng như trước đây. Tiếp đó, năm 1952 huyện đã lấy ruộng đất của đồn điền Boóc diê và của một số tên việt gian, phản động đã chạy theo địch, tạm cấp cho nông dân.

Sự nghiệp giáo dục, y tế của huyện ngay từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, đã được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ và chính quyền các cấp, không kém gì mặt trận chống giặc ngoại xâm. Hậu quả chính sách nô dịch của chế độ cũ để lại cho Võ Nhai những di sản mà tai họa của nó ngày một lớn, nếu không có những biện pháp tích cực bài trừ. Đó là hậu quả của chính sách ngu dân, nạn mù chữ chiếm 95% số dân trong huyện. Các dịch bệnh như bệnh sốt rét, bệnh broucê dẫn đến tuổi thọ bình quân thấp, nạn hữu sinh, vô dưỡng phổ biến trong nhân dân. Trong khi đó cơ sở vật chất của 2 ngành giáo dục, y tế sau cách mạng của huyện gần như không có. Thêm vào đó, nhiều người dân trong huyện chưa biết dùng thuốc chữa bệnh, còn nặng mê tín. Nếp sống và môi trường sống ở hầu hết các thôn, bản ô nhiễm và còn nhiều tập tục lạc hậu từ lâu đời đã gây nhiễm bệnh cho nhiều người. Được sự giúp đỡ tích cực của ngành y tế tỉnh và sự tuyên truyền vận động của các đoàn thể quần chúng trong huyện, nếp sống mới đang dần dần hình thành và ngày càng rõ nét trong đồng bào các dân tộc. Vài năm đầu, cả huyện mới có một phòng phát thuốc đề chống dịch và phòng bệnh sốt rét. Đến năm 1948 trở đi, đội ngũ vệ sinh viên, cứu thương, y tá đã có mặt ở hầu khắp các thôn, xã và tập trung chủ yếu vào hai nhiệm vụ chính do tình đặt ra cho Võ Nhai vận động nhân dân ăn chín, uống sôi, làm chuồng trâu, chuồng

lợn xa nhà, có nếp sống vệ sinh, sạch sẽ và phòng chống các dịch, đặc biệt là phòng, chống bệnh sốt rét. Tuy chưa thể coi là sự biến đổi sâu sắc, vì hoàn cảnh chiến tranh, song, những tiến bộ về y tế ở Võ Nhai trong kháng chiến chống Pháp là một thực tế. Suốt 9 năm không có một nạn dịch lớn nào xảy ra, đa số nhân dân trong huyện khi ốm đau đã biết dùng thuốc, tìm đến thầy thuốc và điều quan trọng là mọi người đã biết: «giữ vệ sinh là yêu nước», «phòng bệnh hơn chữa bệnh». Nhờ kết quả này, huyện Võ Nhai vốn là một trong 2 huyện có tỷ lệ người có ký sinh trùng sốt rét cao nhất tỉnh, chỉ trong vòng một năm (1955) bệnh sốt rét đã được thanh toán xong trong toàn huyện.

Sau ngày độc lập (2-9-1945), hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đã có nhiều biện pháp tuyên truyền vận động nhân dân hăng hái thi đua diệt «giặc dốt». Phong trào đang trên đà phát triển thì các lớp học phải đóng cửa do cuộc tấn công của thực dân Pháp Thu—Đông 1947. Hàng trăm giáo viên và học viên tạm gập sách vở, cầm súng chiến đấu bảo vệ quê hương. Ngay sau khi giặc Pháp rút khỏi Võ Nhai, được sự quan tâm của các cấp bộ đảng và chính quyền, phong trào lại nhanh chóng được khôi phục. Tính đến tháng 2-1948, chỉ riêng ngành bình dân học vụ, Võ Nhai đã tổ chức được 69 lớp (52 lớp công, 17 lớp tư gia) với 77 giáo viên và 676 học viên.

Năm 1949, ngay từ đầu năm, với phong trào thi đua «bài trừ nạn dốt», các cơ quan, đoàn thể tổ chức các tổ tự học văn hóa, kết hợp với học chính trị. Mỗi cá nhân tự lập chương trình học tập, giữa các cá nhân, đơn vị thường tổ chức các hình thức thi đua học tập... Kết quả kỳ thi sơ học bổ túc văn hóa 6 tháng đầu năm 1949, hầu hết số nhân viên các cơ quan, đoàn thể đều trúng tuyển.

So với năm 1948, trong năm học 1948 — 1949, ngành bỏ túc văn hóa và tiêu trong toàn huyện đều tăng cả về số trường, số lớp, số giáo viên và học sinh. Đặc biệt, năm 1949 đã mở thêm được một ký túc xá ở xã Thượng Nung (là 1 trong 2 ký túc xá trong tỉnh) tạo điều kiện cho con em đồng bào các dân tộc ở xã có điều kiện học tập tốt hơn.

Đề nâng cao trình độ kiến thức và chất lượng giảng dạy, tháng 9-1949 huyện đã cử một số giáo viên đi dự lớp bồi dưỡng ở trại giáo dục của tỉnh.

Trên đà phát triển, đến hết năm 1950 toàn huyện đã hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ cho 5 xã là Nghinh Tường, Cúc Đường, La Hiên, Lau Thượng, Thượng Nung và các thôn Hợp Thành, Lau Hạ, Bình Long. Cũng trong năm này số lượng các lớp học, giáo viên, học sinh ở các cấp học đều tăng so với năm 1949¹.

Những năm sau này, do công việc kháng chiến ngày nhiều thêm, nhiều thanh niên nam nữ biết chữ làm giáo viên bình dân học vụ phần vào bộ đội, phần đi thanh niên xung phong, đi dân công phục vụ các chiến dịch, một số đi thoát ly làm cán bộ của huyện, tỉnh v.v. nên thiếu giáo viên. Mặt khác, học viên cũng phải vừa chăm lo sản xuất làm thay cả phần việc cho những người đi kháng chiến nơi xa, vừa phục vụ những công việc kháng chiến tại địa phương. Hơn nữa, từ năm 1951 trở đi, máy bay địch thường xuyên đánh phá tỉnh ta, nên dân cũng ngại đến lớp học. Thêm vào đó, thiếu sót của ngành bình dân học vụ từ tỉnh xuống đến huyện, xã góp phần làm cho

1. So với năm 1949 số giáo viên sơ cấp tăng 19 người, giáo viên dự bị tăng 2 người, số lớp sơ cấp tăng 21, dự bị 2, số học viên ở cả 3 ngành học tăng 419 người, dự bị tăng 25 người.

phong trào học và dạy bình dân học vụ trong những năm từ 1951 đến 1954 giảm sút.

Sau chiến dịch Biên Giới (10-1950), ta đã giải phóng 40 vạn dân và 4500 km vuông, làm thay đổi cục diện chiến tranh giữa ta và Pháp, mở ra bước ngoặt đưa cuộc kháng chiến của ta từ chiến tranh du kích lên chiến tranh chính quy. Căn cứ địa Việt Bắc được mở rộng và củng cố. Việt Bắc được nối liền với các chiến trường khác trong nước, nối liền với phe dân chủ thế giới. Cũng từ sau chiến dịch Biên Giới, hai tuyến đường 1B và số 3 giữ vai trò huyết mạch vận chuyển bằng cơ giới vũ khí, đạn dược, lương thực và các nhu cầu khác cho các chiến trường cả miền Bắc Đông Dương lúc đó.

Võ Nhai được tỉnh và Liên khu Việt Bắc giao hai nhiệm vụ mang tính chiến lược. Một là, cùng với dân công của tỉnh nhanh chóng khôi phục đường số 1B từ thị xã Thái Nguyên qua huyện nối lên Bắc Sơn ra biên giới. Phần đi qua huyện dài gần 50 km. Con đường này thời Pháp xây dựng rộng 5 mét, nay phải nâng lên 8 mét và khôi phục toàn bộ hệ thống cầu trên đường, đảm bảo xe có trọng tải 5 tấn qua lại an toàn; Không được đề tặc cầu, tặc đường lâu, ảnh hưởng đến kế hoạch vận chuyển, ảnh hưởng đến sức chiến đấu của các chiến sĩ ngoài mặt trận. Hai là, chọn địa điểm vừa thuận lợi giao nhận hàng vừa an toàn bí mật để làm các kho chứa vũ khí, đạn dược do nước bạn viện trợ. Phải giáo dục nhân dân giữ bí mật và xây dựng lực lượng nhân dân bảo vệ kết hợp với lực lượng của trên đảm bảo an toàn hàng hóa.

Được Tỉnh ủy chỉ đạo chặt chẽ, sự hỗ trợ tích cực của các ngành của tỉnh, huyện Võ Nhai đã phát động nhiều chiến dịch cầu đường. Dợt chiến dịch đầu tiên kết thúc vào ngày 19-5-1950, toàn bộ hệ thống đường cũ từ huyện xuống đến các xã đã được khôi phục. Sang năm 1951,

huyện dốc sức vào khôi phục đường 1B và cũng chỉ trong thời gian ngắn, cùng với tỉnh bạn Lạng Sơn, tuyến đường Bắc Sơn — Đình Cả — Thái Nguyên đã thông xe. Vũ khí, lương thực từ đây được chuyển ra chiến trường.

Trách nhiệm của Đảng bộ và toàn dân trong huyện lúc này là đảm bảo an toàn con đường vận chuyển chiến lược qua địa bàn huyện. Để làm nhiệm vụ này, ngoài sự hỗ trợ của tỉnh, huyện thành lập Ban đảm bảo giao thông do một đồng chí ủy viên thường vụ huyện ủy phụ trách. Các xã trên trục đường cũng lập các đội đảm bảo và do một đồng chí cấp ủy xã chỉ huy, sẵn sàng cùng với các đội thanh niên xung phong ứng cứu giao thông khi địch đánh phá. Năm 1952, nhân dân trong huyện đã đóng góp 13.350 ngày công cho mặt trận giao thông vận tải, ngoài ra còn huy động 360 dân công đi phục vụ chiến dịch Hòa Bình (Đông Xuân 1950 — 1951) với 16.000 ngày công. Trong chiến dịch Hòa Bình, Võ Nhai huy động hai đợt dân công hỏa tuyến. Đợt 2, theo yêu cầu gấp của chiến dịch, 100 dân công phải tập trung tại Hích để lên đường vào sáng ngày 6-02-1951 (mùng một tết âm lịch). Là một huyện có hơn mười ngàn dân, lực lượng trẻ, khỏe đã dốc vào rất nhiều việc khác của kháng chiến, 360 người của huyện đang phục vụ chiến dịch. Cán bộ của huyện được cử xuống cơ sở vận động dân vừa ăn tết, vừa sản xuất, bảo vệ trị an. Tập quán và truyền thống của Việt Nam nói chung và Võ Nhai nói riêng là ba ngày tết không rời nhà đi xa, nhưng do yêu cầu của chiến trường, lại được đích thân đồng chí Bí thư và các đồng chí huyện ủy viên xuống từng xã giải thích, động viên, 100 người trong độ tuổi, có sức khỏe đã đến địa điểm đúng giờ quy định¹.

1. Sáng mùng một Tết, 100 dân công đã tập trung tại Hích thì nhận được lệnh hoãn.

30 Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ngày một phát triển, các chiến dịch lớn liên tiếp được mở, chiến trường ngày càng lan rộng, ngày càng xa căn cứ địa Việt Bắc, vì vậy, công việc phục vụ cho chiến trường của một huyện như Võ Nhai ngày càng lớn, số người ra chiến trường chiến đấu và phục vụ chiến đấu ngày càng nhiều. Nhiệm vụ bảo đảm giao thông toàn bộ Quốc lộ 1B cũng ngày càng gay gắt, ác liệt do địch tập trung đánh phá và mưa lũ làm hư hỏng. Song, hầu hết các chiến dịch từ Trung du đến Đông bằng, từ Hòa Bình đến Điện Biên Phủ, đều có bàn chân và đôi vai của những chiến sĩ dân công Võ Nhai. Nhiều người đã được khen thưởng về thành tích đi dân công phục vụ chiến dịch.

160 Tuy nhiên, như nhận xét của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên, trong các năm từ 1949 đến 1953 thì việc huy động dân công ở một số xã của Võ Nhai do cán bộ xã chưa sâu sát, thiếu gương mẫu, dẫn đến tình trạng huy động thiếu công bằng, làm cho người hăng hái tích cực không phấn khởi, người lười biếng thì trốn tránh nghĩa vụ.

Thực tế lịch sử cho thấy, những năm đầu của cuộc kháng chiến, chính quyền từ huyện đến xã của Võ Nhai do năng lực hành chính còn yếu, công việc kháng chiến nhiều, số đông cán bộ có trình độ và kinh nghiệm công tác ở địa phương được cấp trên điều động bổ sung lên tỉnh, lên khu và vào quân đội, cơ sở đào tạo bồi dưỡng không kịp. Mặt khác trong những năm 1946 — 1949, chính quyền ở nhiều xã trong huyện chưa được chú ý củng cố, đa số ủy viên là thân hào, thành phần lớp trên mang nặng lễ thói cũ, tư lợi; Một số xuất thân từ thành phần cơ bản, trình độ văn hóa, trình độ chính trị, xã hội thấp, tư tưởng tự ty khá phổ biến. Cộng vào đó là hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên làm việc ít hiệu quả, thụ động,

trông chờ vào sự hướng dẫn của trên, thiếu tính chủ động, ít tin nhiệm với dân'.

Ngày 24-4-1949, theo chủ trương của Chính phủ, Hội đồng nhân dân các xã được bầu lại nhằm mục đích củng cố và tăng cường hiệu lực chính quyền cơ sở. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân (HDND) các xã ở Võ Nhai lần này có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy từ tỉnh xuống đến huyện, xã. Các đoàn thể quần chúng và các Ban bầu cử đã giải thích cho đồng bào các dân tộc trong huyện hiểu rõ nghĩa vụ và quyền lợi công dân của mình, tích cực tham gia cuộc bầu cử, lựa chọn những đại biểu xứng đáng vào HDND. Mặc dù cuộc bầu cử được tiến hành trong hoàn cảnh kháng chiến, nhưng có tới trên 90% cử tri trong huyện đã đi bỏ phiếu. Theo số liệu để lại, trong khóa HDND các xã lần này, có tới 50% thành viên HDND khóa trước không được dân tin nhiệm đã được thay thế bằng những người xứng đáng hơn. Trong khóa này, tất cả các ủy viên hội đồng các xã trong huyện đều là nông dân. Tuy nhiên, trong quá trình vận động bầu cử, các cấp lãnh đạo đã không chú ý đến thanh niên, lớp người đầy nhiệt huyết kháng chiến, tiếp thu nhanh, nhạy cảm, có sức khỏe. Thiếu sót này đã dẫn đến hậu quả là nhiều HDND và UBND xã trong huyện có lúc trì trệ, bảo thủ và có thời kỳ lại lặp lại nhược điểm ban đầu là ít người biết làm việc, tính chủ động công tác không cao; mọi công việc trông chờ vào sự hướng dẫn, chỉ viện của huyện, của tỉnh.

Từ ngày 24-4-1949 đến cuối tháng 8-1949, Hội đồng nhân dân các xã trong huyện lần lượt mở hội nghị đề bầu

1. Theo báo cáo của UBND tỉnh Thái Nguyên tại hồ sơ số 3286H 260 lưu trữ tại văn phòng Chính phủ. « Tình hình bao quát tỉnh Thái Nguyên năm 1949 ».

ta Ủy ban kháng chiến hành chính (UBKCHC). Cũng trong thời gian này, tất cả các thôn trong huyện đều bầu ủy nhiệm thôn (Thôn trưởng). Đa số ủy nhiệm thôn là đại biểu HDND xã. Vai trò ủy nhiệm thôn trong kháng chiến như là đại diện của chính quyền xã ở một khu vực dân cư, đã có tác dụng thúc đẩy công việc kháng chiến ở thôn xóm và duy trì trật tự an ninh trong khu vực. Trong điều kiện bộ máy UBKCHC xã còn non yếu thì ủy nhiệm thôn còn có ý nghĩa quan trọng hơn.

Võ Nhai là một huyện có số dân không lớn, tính phức tạp xã hội trong huyện đã được cách mạng và kháng chiến từng bước cải tạo, xóa bỏ; — nhưng lại là một huyện đất rộng, người thưa, núi rừng đại ngàn, việc đi lại từ huyện xuống đến các xã, các bản rất khó khăn. (Nơi xa nhất về đến huyện phải mất 2 ngày leo núi, lội suối cực nhọc). Phương tiện thông tin đại chúng, thông tin liên lạc chưa có gì. Trình độ dân trí, trình độ cán bộ thôn, xã, huyện còn thấp v.v. Trước thực tế này, Huyện ủy, Tỉnh ủy và Liên khu ủy Việt Bắc đã tích cực giúp đỡ về nhiều mặt cho HDND và UBKCHC các xã. Năm 1949 và 1950¹, mỗi năm huyện tổ chức và được cán bộ của tỉnh đưa tài liệu về huấn luyện 2 đợt cho các đại biểu hội đồng và ủy viên ủy ban, giúp cho họ hiểu biết những luật, sắc lệnh cơ bản của Nhà nước và cách thức, lề lối làm việc của UBKCHC xã. Huyện ủy và UBKCHC huyện² thường xuyên cử cán bộ xuống các xã hướng dẫn lề lối làm việc, phân công, phân nhiệm từng người trong ủy ban, mở nhiều đợt giáo dục nội bộ; tổ chức các tuần lễ tổng kiểm thảo cá nhân vào các dịp kỷ niệm 3-2, 19-5, 2-9 v.v.

1. Sáu tháng cuối 1949, huyện mở 2 lớp, bồi dưỡng cho 62 ủy viên HDND và ủy viên ủy ban xã.

2. Theo hiến pháp năm 1946, cấp huyện không có HDND. UBKCHC huyện do cấp trên chỉ định và bổ nhiệm.

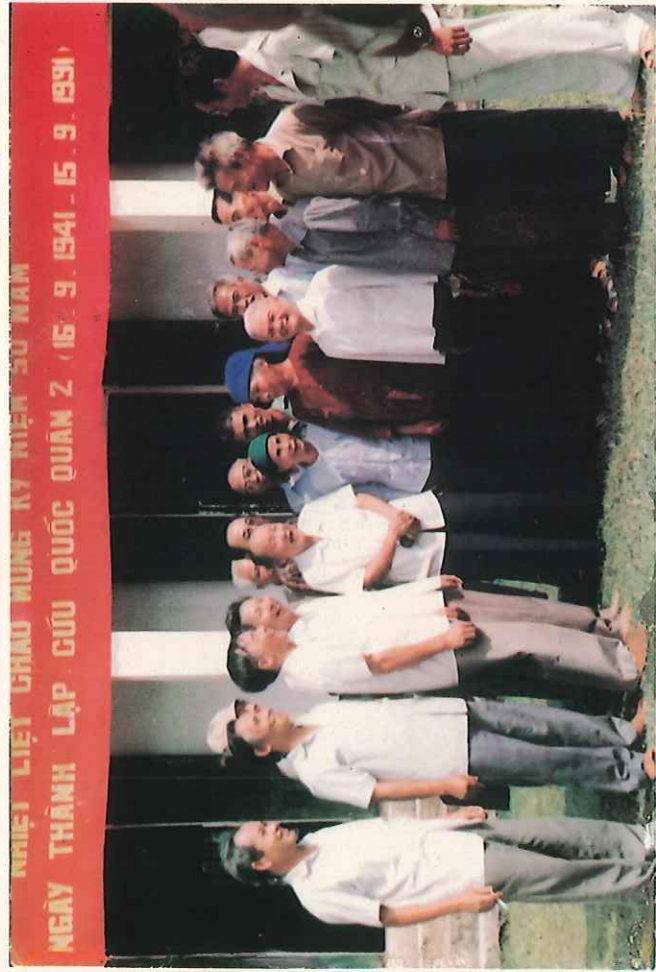
duy trì đều đặn một tháng 2 lần ủy ban các xã tự kiểm
điêm, rút kinh nghiệm công tác, có sổ ghi tự sửa chữa.
Nhờ những biện pháp tích cực đó, chính quyền cơ sở
trong huyện dần dần được củng cố, gánh vác được công
việc do nhân dân giao phó.

III — ĐẢNG BỘ VÕ NHAİ TRƯỞNG THÀNH TRONG CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN

Cơ sở Đảng ở Võ Nhai ra đời từ năm 1937. Lúc đầu
là một vài đồng chí ở xã Phú Thượng, sau đó đội ngũ của
cơ sở Đảng ở đây mở rộng sang Tràng Xá, Lâu Thượng,
La Hiến v.v. Đến năm 1940, số đảng viên của Võ Nhai
đã có tới hơn 10 đồng chí và hàng chục quần chúng
cốt cán của Đảng trong các hội thanh niên, phụ nữ phản
đế. Tờ chức đảng ở đây thực sự là nòng cốt của phong
trào cách mạng ở địa phương. Nhiều đảng viên và quần
chúng cốt cán của cơ sở đảng Võ Nhai đã tích cực tham
gia, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, tham gia du
kích Bắc Sơn. Đặc biệt sau hội nghị Trung ương Đảng
lần thứ Tám (5-1941) Võ Nhai cùng với Bắc Sơn, được
Trung ương chọn làm căn cứ địa Bắc Sơn — Võ Nhai,
một trong hai căn cứ địa trọng yếu của cách mạng nước
ta thời kỳ đó. Trung đội Cứu Quốc quân 2 ra đời trên
địa bàn Võ Nhai (9-1941) và bản doanh của Ủy ban quân
sự chính trị căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai cũng ở tại đây. Do
vậy, hầu hết đảng viên và những quần chúng trung kiên
của Võ Nhai đã tham gia Cứu Quốc quân — trừ một vài
đồng chí qua các đợt địch khủng bố ác liệt chưa bị lộ
mới ở lại cơ sở — tuy tham gia Cứu Quốc quân, sinh hoạt
đảng trong Cứu Quốc quân, nhưng địa bàn hoạt động và
nguồn nuôi dưỡng CQQ chủ yếu là Võ Nhai, nên vai trò

của chi bộ CQQ cũng như của mỗi đảng viên ở đây gần bó rất chặt chẽ với nhân dân và phong trào cách mạng của Võ Nhai. Mọi chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Xứ ủy vẫn thông qua Ủy ban quân sự chính trị căn cứ vào chi bộ Cứu Quốc quân để đến với đảng viên cơ sở và quần chúng nhân dân. Trong thực tế, những đảng viên không tham gia Cứu Quốc quân, hoạt động ở cơ sở nhưng mọi mối liên hệ công tác và sinh hoạt đảng hầu như cũng gần với tổ chức đảng trong Cứu Quốc quân.

Những đảng viên trong Cứu Quốc quân, như trên đã nói, chiếm số đông là người Võ Nhai. Về hình thức, họ là những cán bộ thoát li. Ủy ban quân sự chính trị căn cứ, Xứ ủy hoặc Trung ương có thể trực tiếp điều động họ sang các huyện khác, tỉnh khác hoạt động. Song, trên thực tế số đông vẫn gần bó với cơ sở, với gia đình, bà con, họ hàng, làng xóm. Chỉ cho đến sau này, vào đầu năm 1942, khi đế quốc khủng bố ác liệt, họ phải rút ra biên giới Việt Trung, lúc đó chi bộ Cứu Quốc quân II mới thực sự không giữ vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng ở Võ Nhai. Lúc này, nhiệm vụ ấy đặt lên những đảng viên còn lại ở cơ sở. Cho đến khi Phân khu A được thành lập và Võ Nhai trở thành trung tâm của Phân khu (2-1944), Xứ ủy và Trung ương điều động nhiều cán bộ lên Võ Nhai; một số đảng viên trong Cứu Quốc quân II cũng được trở lại quê hương hoạt động. Tổ chức Đảng ở Võ Nhai được thống nhất làm một chi bộ, gồm những đảng viên là cán bộ của Ban lãnh đạo Phân khu A, Cứu Quốc quân và cơ sở, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban lãnh đạo Phân khu, trên đó là Xứ ủy và Trung ương. Chi bộ và Ban lãnh đạo Phân khu A có vai trò đối với Võ Nhai giống như của chi bộ và Ủy ban quân sự chính trị căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai trước đây và kéo dài cho đến những ngày khởi nghĩa giành chính quyền.



! Các đại biểu dự kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Cứu quốc quân II (15-9-1941 - 15-9-1991)



Từ khi có cơ sở đảng đầu tiên (1937) với 3 đồng chí, đến tháng 8-1945 số lượng đảng viên đã lên tới trên 30 đồng chí trên địa bàn 7 xã lớn của huyện. Đó là những chiến sĩ cách mạng thực sự được thử thách trong cuộc đấu tranh sinh tử với kẻ thù, là chỗ dựa tin cậy của đồng bào các dân tộc trong huyện. Họ được Trung ương, Xứ ủy rất tin cậy, giao cho những nhiệm vụ trọng yếu (như dẫn đường, bảo vệ Tổng Bí thư của Đảng trong tình thế địch bao vây, truy lùng, nhiều đồng chí được lựa chọn về công tác tại các cơ quan bí mật của Trung ương, của Xứ ủy), nhiều đồng chí bị tù đầy ở các nhà tù Lạng Sơn, Thái Nguyên, Sơn La, Côn Đảo. Có đồng chí chết trong nhà giam của giặc, có đồng chí ngã xuống bởi súng đạn của quân thù. Như vậy, xét về nhiều mặt, ở Võ Nhai có thể hình thành chi bộ ở nhiều xã (theo điều lệ Đảng) và thành lập huyện ủy từ rất sớm. Vậy mà, mãi đến đầu năm 1946, Đảng bộ Võ Nhai mới được chính thức thành lập. Thực tế này bắt nguồn từ đặc điểm tình hình của Võ Nhai.

Sau khi nhận được báo cáo của cán bộ về Võ Nhai gây dựng cơ sở cách mạng cho biết đã xây dựng được cơ sở ở Bắc Sơn — Võ Nhai — Đại Từ và khả năng phát triển mở rộng của nó, Ban lãnh đạo Hải ngoại đã quan tâm thích đáng đến phong trào ở Bắc Sơn — Võ Nhai. Từ vùng rừng núi hiểm trở này có thể xây dựng thành bàn đạp, liên lạc thuận lợi với Hà Nội và các tỉnh đồng bằng ở phía Nam, với biên giới Việt Trung ở phía Bắc. Tháng 3-1938, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã về đây kiểm tra phong trào, bồi dưỡng cán bộ và sau đó Xứ ủy Bắc Kỳ và Trung ương lần lượt cử nhiều cán bộ lên củng cố cơ sở, xây dựng các trạm liên lạc. Từ đó, Võ Nhai đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương, của Xứ ủy. Những cán bộ, đảng viên của Võ Nhai tuy hoạt động ở cơ sở,

nhưng đều do Xứ ủy hoặc Trung ương trực tiếp chỉ đạo hoạt động. Vì thế, sự hình thành hệ thống tổ chức đảng từ xã đến huyện lúc này là không cần thiết.

Từ cuối năm 1941, nhiều đảng viên của Võ Nhai đã lần lượt theo sự phân công của Khu giải phóng, của Xứ ủy và của Trung ương đi nhận nhiệm vụ ở các địa phương khác. Vì vậy, đến tháng 8-1945, số lượng đảng viên ở Võ Nhai còn lại rất ít. Tháng 9-1945, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Thái Nguyên quyết định ổn định, xây dựng và củng cố hệ thống tổ chức đảng trong toàn tỉnh theo chỉ thị của Xứ ủy. Đầu năm 1946, Huyện ủy lâm thời Võ Nhai được thành lập¹.

Sau khi được thành lập, huyện ủy lâm thời bắt tay ngay vào công việc củng cố, xây dựng chính quyền và cơ sở Đảng, các đoàn thể trong mặt trận Việt Minh.

Thực hiện Nghị quyết hội nghị cán bộ toàn tỉnh (9-1945) và các chỉ thị sau này của Tỉnh ủy, Võ Nhai đẩy mạnh công tác phát triển đảng, xây dựng các chi bộ. Nếu quý hai năm 1948 toàn huyện mới có 106 đảng viên sinh hoạt trong 8 chi bộ thì quý 3 năm đó đã tăng lên 187 đồng chí (nhiều hơn quý hai 81 người) và lập thêm được một chi bộ mới². Chín chi bộ đều có Ban chi ủy. Đến quý I năm 1949, số đảng viên của Võ Nhai là 243, so với quý 2-1948 tăng thêm 137 đồng chí³. Riêng quý I/1949 toàn huyện kết nạp được 16 đảng viên mới (trong đó có 4 là người dân tộc Nùng và 2 là dân tộc Dao). Hầu hết những người

1. Lúc đó gọi là châu ủy, gồm 3 đồng chí, do đồng chí Đàm Ứng làm Bí thư.

2. Toàn huyện có 9 chi bộ, trong đó 6 chi bộ xã 2 chi bộ cơ quan và 1 chi bộ dân quân (huyện đội).

3. Đến quý 3-1949 số đảng viên của huyện là 292 đồng chí (trong đó 102 dự bị) số chi bộ là 11 (thêm 2 chi bộ ghép).

được kết nạp vào Đảng là những người tích cực trong dân quân, du kích, phần tử trung kiên nơi xung yếu.

Đề kết nạp được nhiều đảng viên mới, tỉnh và huyện tích cực mở các lớp huấn luyện, bồi dưỡng trong thanh niên, phụ nữ và những phần tử trung kiên về chủ nghĩa Mác — Lê-nin và những hiểu biết cơ bản về Đảng, về cách mạng; phân công các Ban làm công tác Đảng xuống từng xã đề chỉ đạo công tác phát triển Đảng, Chi tiêu phát triển đảng viên mới, thành lập cơ sở đảng được giao cho từng đảng viên, từng cấp ủy viên. Sau khi được kết nạp, người đảng viên mới được tiếp tục bồi dưỡng về lý luận (sơ giản) và thực tiễn công tác.

Chế độ sinh hoạt đảng (sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy) được duy trì chặt chẽ, nề nếp, đúng nguyên tắc. Một tháng ít nhất người đảng viên cũng phải tự phê bình và tiếp thu phê bình một lần trước tập thể. Mọi thiếu sót của đảng viên đều được đưa ra tổ chức đảng phê phán. Sự quan tâm bồi dưỡng mọi mặt cho đảng viên và chế độ sinh hoạt, kỷ luật chặt chẽ của đảng đã tạo nên sức mạnh cho Đảng bộ gánh vác được trách nhiệm trước nhân dân.

Tuy nhiên, việc thi đua phát triển đảng trong một thời gian ngắn, tất yếu sẽ dẫn đến phát triển tràn lan, không có chuẩn bị, chạy theo số lượng, kết nạp cả những người không đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

Từ 1948 đến 1955, ngoài việc duy trì nề nếp chế độ sinh hoạt đảng, bồi dưỡng đảng viên, Võ Nhai còn trải qua nhiều đợt củng cố đảng, chỉnh đốn đảng và chỉnh huấn trong Đảng¹. Song, số đảng viên yếu kém vẫn chiếm

¹ 1. Trong năm 1952 Trung ương chọn hai chi bộ của Võ Nhai là Thượng Nung và Cúc Đường chỉ đạo thực nghiệm (thí điểm) củng cố chi bộ, sau đó mở rộng ra các chi bộ toàn huyện. Trước đó, ngày 6-1-1951, toàn Đảng bộ đã tổ chức cuộc tổng phê bình trong Đảng.

tỷ lệ cao trong Đảng bộ. Tháng 3-1949, toàn Đảng bộ có 243 đảng viên, chỉ có 137 đạt tiêu chuẩn chất lượng đảng viên, còn 106 đồng chí yếu kém.

Trong những năm đầu kháng chiến (1946 — 1949), đảng bộ Võ Nhai chưa chú ý đôn đốc và giúp đỡ chi bộ cơ sở dày mạnh công tác phát triển Đảng và có tư tưởng hẹp hòi. Có những chi bộ (như Văn Lãng) các đảng viên chỉ chú ý lôi kéo anh em, họ hàng vào Đảng v.v.

Đảng bộ cũng như huyện ủy Võ Nhai lúc đó ít có kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng. Số đảng viên có nhiều tuổi đảng, có trình độ và năng lực công tác, am hiểu mọi mặt của địa phương đã thoát ly khỏi địa phương. Nhiều đồng chí ở nơi khác được trên cử về giữ các vị trí chủ chốt của huyện, tuy rất nhiệt tình cách mạng, hăng hái kháng chiến, gắn bó với đồng bào các dân tộc, đoàn kết với các đồng chí trong huyện, song lại ít am hiểu mọi mặt trong huyện. Thêm vào đó, chế độ công tác Đảng, chính sách đối với cán bộ làm công tác Đảng lúc đó cũng không có hoặc chưa đầy đủ. Cán bộ làm công tác Đảng sống dựa vào dân và do gia đình cấp dưỡng; kinh phí chi cho các hoạt động về xây dựng Đảng hoàn toàn không có; đảng viên đi học, đi họp, đi công tác phải tự túc; cán bộ hướng dẫn, giảng viên cũng phải tự túc cả ăn, nghỉ... Tất cả tình hình trên là nguyên nhân làm hạn chế hiệu quả công tác Đảng ở địa phương.

Những thiếu sót về công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác phát triển Đảng nói riêng (từ 1949 về trước) cũng là những bài học đối với Đảng bộ Võ Nhai trong thời gian lúc đó cũng như sau này.

Tư tưởng hẹp hòi, cục bộ địa phương chủ nghĩa có lúc đã làm cho Võ Nhai như là mảnh đất khó, cán bộ, đảng viên người nơi khác muốn cùng Đảng bộ, đồng bào các dân tộc trong huyện góp sức xây dựng quê hương mới ngại ngùng, mặc cảm.

Trong hội nghị ngày 24-4-1952, Tỉnh ủy đã nhấn mạnh tính ý lại còn phò biến và nặng nề trong cán bộ và đảng viên ở Võ Nhai. Mọi việc huyện chờ tỉnh, xã chờ huyện, thiếu chủ động trong công tác. Trong số 11 chi bộ chỉ có 3 là biết tự động công tác (báo cáo ngày 19-7-1952). Trong Đảng bộ đã xuất hiện một số đảng viên tỏ ra mệt mỏi, giảm sút ý chí, ngại gian khổ, sợ hy sinh và nảy sinh hiện tượng bè phái, tranh giành ảnh hưởng cá nhân. Chính vì thế mà Trung ương đã chọn 2 chi bộ của huyện chỉ đạo thí điểm củng cố cơ sở Đảng trong năm 1952.

Trong 8 năm hoạt động (1946 — 1954), Đảng bộ tở chức được 2 lần đại hội (vào các năm 1949; 1952). Trong khi đó, cấp ủy viên của huyện thường biến động, các đồng chí có năng lực được cấp trên rút đi bổ sung cho quân đội và các ngành của tỉnh, khu và Trung ương. Số người công tác ở huyện luôn luôn thiếu, phải đề nghị Tỉnh ủy chỉ định bổ sung người vào Huyện ủy. Riêng Bí thư Huyện ủy, trong 8 năm đó, đã có 12 lần thay đổi — hầu hết cũng là trên chỉ định — có đồng chí chỉ làm vài ba tháng lại chuyển chuyên. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho công tác Đảng ở Võ Nhai không đi vào nền nếp, Huyện ủy không ổn định đề lãnh đạo các mặt hoạt động trong huyện và chỉ đạo củng cố xây dựng chi bộ cơ sở.

Đảng bộ Võ Nhai ra đời trong hoàn cảnh nước mất, nhà tan, kẻ thù đàn áp khốc liệt phong trào yêu nước, đặc biệt là phong trào yêu nước do những người cộng sản lãnh đạo. Võ Nhai là một địa phương có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ kinh tế, dân trí chưa phát triển và không đồng đều, phần lớn còn bị cường quyền áp chế và thần quyền mê hoặc. Song, Đảng bộ vẫn đứng vững, trưởng thành và phát triển ngay trong cuộc đấu tranh máu lửa với kẻ thù, vẫn tồn tại trong lòng đồng bào tất

cả các dân tộc trong huyện, phát động họ đứng lên đấu tranh chống lại ách thống trị của đế quốc, biến mảnh đất Võ Nhai thành đất thánh, thành căn cứ cách mạng và kháng chiến của cả nước. Nếu sau khi toàn huyện được giải phóng, nhất là sau khi Huyện ủy được thành lập, có được sự chỉ đạo đầy đủ của tổ chức Đảng cấp trên và sự nỗ lực chủ quan của toàn Đảng bộ cao hơn nữa, chắc chắn thành tích kháng chiến và tầm vóc của huyện Võ Nhai sẽ còn rực rỡ hơn.

Chính vì thế mà Trung ương đã chọn Chi đạo Chi Đám cũng có cơ sở Đảng trong năm 1952. Trong 8 năm hoạt động (1946 - 1954), Đảng bộ Chi Đám được 2 lần đại hội (vào các năm 1949; 1952). Trong khi đó, cấp ủy viên của huyện thường biến động, các đồng chí có năng lực được cấp trên rút đi bổ sung cho quân đội và các ngành của tỉnh, khu và Trung ương. Số người công tác ở huyện luôn luôn thiếu, phải do người Tỉnh ủy chỉ định bổ sung người vào huyện ủy. Riêng Chi Đám huyện ủy trong 8 năm đó, đã có 12 lần thay đổi - hầu hết cũng là trên chỉ định - có đồng chí làm với ba thành lại huyện chuẩn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho công tác Đảng ở Võ Nhai không đi vào nền nếp. Huyện ủy không ổn định đã làm cho các mặt hoạt động trong huyện và chi đạo cũng có xây dựng chi bộ cơ sở.

Đảng bộ Võ Nhai ra đời trong hoàn cảnh nước mất nhà tan, kế thừa di sản tích cực để phong trào yêu nước do những người cộng sản lãnh đạo. Võ Nhai là một địa phương có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ kinh tế, dân trí chưa phát triển và không đồng đều, phần lớn còn bị cường quyền áp chế và thần quyền mê hoặc. Song, Đảng bộ vẫn đang vươn, trưởng thành và phát triển ngay trong cuộc đấu tranh máu lửa với kẻ thù vẫn tồn tại trong lòng đồng bào tại

KẾT LUẬN

Võ Nhai là một trong những huyện có cơ sở Đảng ra đời sớm nhất tỉnh. Hơn nữa, nơi đây đã từng là một trong hai trung tâm căn cứ địa cách mạng đầu tiên của nước ta, cho nên hơn nhiều địa phương khác, Võ Nhai thường xuyên được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Trung ương và Xứ ủy. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho phong trào đấu tranh cách mạng ở Võ Nhai diễn ra mạnh mẽ, liên tục và rất quyết liệt.

Từ những cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống bắt phu trong ngày mùa vào những năm đầu thập kỷ 30, phong trào cách mạng của quần chúng tiến nhanh trên con đường chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, giành quyền làm chủ.

Được tôi luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng qua các thời kỳ lịch sử, nhất là trong cuộc vận động dân chủ (1936 — 1939) và phong trào giải phóng dân tộc (1939 — 1945), đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng ở Võ Nhai sớm trưởng thành mọi mặt. Vì vậy, chẳng bao lâu sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945) nhận rõ thời cơ thuận lợi, các tổ chức Đảng ở địa phương nhanh chóng phát động quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang nổi dậy khởi nghĩa từng phần, thành lập chính quyền trong toàn huyện vào tháng 4-1945.

Sau khi giành được chính quyền, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai phải tiến hành cuộc đấu tranh chống các cuộc tấn công, càn quét của phát xít Nhật, giữ vững thành quả cách mạng; đồng thời bắt tay vào việc xây dựng cuộc sống mới.

Từ ngày kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ trong toàn quốc, dù chiến sự chưa lan tới, nhưng Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai đã tích cực xây dựng và phát triển lực lượng, nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Nhờ đó, quân và dân Võ Nhai đã chủ động đánh địch, góp phần cùng với quân dân Việt Bắc làm thất bại âm mưu quân sự, chính trị của thực dân Pháp trong chiến dịch Việt Bắc Thu — Đông năm 1947.

Trong những năm sau chiến thắng Việt Bắc cho đến khi cuộc kháng chiến thắng lợi hoàn toàn, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai vừa ra sức xây dựng quê hương trở thành hậu phương vững mạnh, vừa tích cực tham gia đóng góp nhân, tài, vật lực cho tiền tuyến. Bằng nhiều hình thức và biện pháp phong phú nhằm thu hút quần chúng vào các phong trào thi đua tăng gia sản xuất, xung phong tòng quân, di dân công phục vụ chiến trường v.v., Đảng bộ đã không ngừng phát huy truyền thống yêu nước; tự lực tự cường trong đồng bào các dân tộc.

Nhận thức được vai trò của mình, Đảng bộ Võ Nhai vượt qua nhiều khó khăn chủ quan và khách quan, đứng ra tổ chức và lãnh đạo toàn dân tham gia vào sự nghiệp kháng chiến — kiến quốc. Trong quá trình đó, Đảng bộ không ngừng lớn lên về mọi mặt. Cùng với sự phát triển về số lượng đảng viên, trình độ giác ngộ chính trị cũng như về năng lực lãnh đạo của cán bộ, đảng viên được nâng cao từng bước. Vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên không ngừng phát huy. Mọi quan hệ



Hang Phượng Hoàng

giữa Đảng bộ với nhân dân ngày càng thêm gắn bó, đảng viên luôn đi sát quần chúng; ngược lại, quần chúng luôn tin tưởng vào cán bộ, đảng viên, một lòng quyết tâm bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng và sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng. Đó là một thành công to lớn và cũng là một trong nhiều bài học kinh nghiệm quý báu mà Đảng bộ đã giành được qua nhiều năm đấu tranh gian khổ với kẻ thù hung bạo. Đó cũng chính là nguồn sức mạnh giúp cho Đảng bộ vượt qua những mặt còn hạn chế về trình độ nhận thức để làm tròn vai trò tổ chức và lãnh đạo phong trào ở địa phương.

Dù còn non trẻ và trình độ của cán bộ, đảng viên còn thấp, nhưng Đảng bộ Võ Nhai đã biết vận dụng thành công mọi chủ trương, đường lối của Trung ương, Xứ ủy và Tỉnh ủy vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Nhận rõ đặc điểm của một huyện miền núi có nhiều thành phần dân tộc, Đảng bộ luôn coi trọng việc giáo dục quần chúng về ý thức đoàn kết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau; đồng thời vạch cho họ thấy rõ âm mưu chính trị thâm độc của kẻ thù. Đảng bộ đã biết khai thác những mặt tích cực trong tập quán sinh hoạt có tính chất cộng đồng của đồng bào các dân tộc để thành lập các tổ chức quần chúng thích hợp; trên cơ sở đó hướng dẫn quần chúng từng bước tham gia vào các hình thức mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng đề ra. Sự hòa hợp giữa các dân tộc vì thế cũng ngày càng tăng lên.

Bằng sự nỗ lực chủ quan của mình, kết hợp với việc tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của cán bộ Đảng cấp trên, Đảng bộ đã có nhiều kết quả trong công tác đào tạo cán bộ cho địa phương. Xuất phát từ tầm quan trọng của việc bồi dưỡng nâng cao trình độ nhận thức và phương pháp cách mạng cho cán bộ, được sự giúp đỡ của cán bộ cấp trên, trong thời kỳ hoạt động bí mật cũng như trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nhiều lớp huấn luyện, đào

tạo cán bộ quân sự và chính trị liên tiếp được tổ chức, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của phong trào không chỉ cho Võ Nhai, mà còn cho cả một số địa phương khác.

Mặc dù còn nhiều hạn chế về trình độ văn hóa và lý luận, nhưng thông qua hoạt động thực tiễn, nhiều cán bộ cơ sở đã trưởng thành nhanh chóng. Một số đồng chí trở thành những cán bộ chủ chốt không phải chỉ riêng cho phong trào ở Võ Nhai, mà cho nhiều nơi trong tỉnh. Thực tế lịch sử trong những năm đấu tranh giành và giữ chính quyền đã chỉ rõ: Sự nỗ lực chủ quan của cán bộ ở cơ sở kết hợp với việc tranh thủ sự chỉ đạo của cán bộ cấp trên là một trong những nguyên nhân chủ yếu giúp cho phong trào cách mạng Võ Nhai vượt qua nhiều khó khăn, thử thách to lớn, tiếp tục phát triển đi lên ngày càng vững chắc. Đó cũng là một bài học quý báu của Đảng bộ trong những năm qua.

Những thắng lợi đạt được cùng với những bài học kinh nghiệm trong thời kỳ đấu tranh giành và giữ chính quyền đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Võ Nhai thực hiện thành công nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

PHẦN PHỤ LỤC

I — DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY :

Theo kết quả điều tra ban đầu, từ khi thành lập (đầu năm 1946) đến 1954, Đảng bộ Võ Nhai đã có những đồng chí giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy như sau :

1. Đồng chí: Đàm Văn Ứng — đầu năm 1946
2. Đồng chí: Cương
3. Đồng chí: Lưu Viết Phong — Tháng 4-1946
4. Đồng chí: Bùi Chí Tâm
5. Đồng chí: Nguyễn Thị Thuận — đầu 1947
6. Đồng chí: Nguyễn Vũ — 4-1947 — đầu 1948
7. Đồng chí: Lưu Xuân Hỷ
8. Đồng chí: Thủy
9. Đồng chí: Ngô Chí Thiện — Đầu 1950
10. Đồng chí: Nguyễn Công Bắc — 3-1950 — 1-1951
11. Đồng chí: Nguyễn Văn Đức — 7-1951 — cuối 1952
12. Đồng chí: Phạm Xuân Khu — Cuối 1952 — 1954

II — DANH SÁCH TRUNG ĐỘI CỨU QUỐC QUÂN II TRONG NGÀY THÀNH LẬP (15-9-1941) TẠI KHU RỪNG KHUÔN MÀNH — TRÀNG XÁ — VÕ NHAİ

— Vì còn có những ý kiến khác nhau, nên tờ biên soạn đưa ra hai danh sách đã được trao đổi ở địa phương, đề bạn đọc tham khảo.

1. Danh sách Trung đội Cứu Quốc quân do đồng chí Lê Dục Tôn cung cấp trong cuộc tọa đàm thông qua bản thảo LSD bộ Võ Nhai (1930 — 1954) ngày 29, 30-6-1993.

+ Những đồng chí có mặt trong buổi lễ thành lập đơn vị.

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Chu Văn Tấn | Chỉ huy trưởng |
| 2. Trần Văn Phấn | Chỉ huy phó |
| 3. Nguyễn Cao Đàm (Độ) | Chính trị chỉ đạo viên |
| 4. Lê Dục Tôn | Tiêu đội trưởng |
| 5. Trừ Văn Hòa (Thoòng) | Tiêu đội trưởng |
| 6. Hà Văn Lợi (Mạnh) | Tiêu đội trưởng |
| 7. Hứa Đình Khánh | Tiêu đội trưởng |
| 8. Chu Quốc Hưng | Tiêu đội trưởng |
| 9. Hoàng Thượng | Đội viên |
| 10. Lê Quảng Hiền | — |
| 11. Chu Việt Phong | — |
| 12. Chu Phóng | — |
| 13. Bùi Sinh | — |
| 14. Hoàng Văn Phổ | — |
| 15. Bế Văn Đàm | — |
| 16. Mông Phúc Quyền | — |
| 17. Cam Văn Sỏi | — |
| 18. Phương Cương | — |
| 19. Vi Hồng Thái | — |
| 20. Phan Văn Cọ | — |
| 21. Hoàng Tài | — |
| 22. Đặng Hồng Hải | — |
| 23. Mông Văn Thơ | — |
| 24. Vi Văn Cái | — |
| 25. Phan Văn Thống | — |
| 26. Đường Thị Ân | — |
| 27. Hoàng Thị Mên | — |

- | | | |
|------------------------|---|----------|
| 28. Hoàng Thị Ngoan | — | Đội viên |
| 29. Lôi Việt Diệu | — | — |
| 30. Nông Văn Cún | — | — |
| 31. Phan Văn Bộ | — | — |
| 32. Hoàng Xuân | — | — |
| 33. Hoàng Thịnh | — | — |
| 34. Triệu Khánh Phương | — | — |
| 35. Nguyễn Văn Bùn | — | — |
| 36. Hoàng Hồng Long | — | — |

+ Những người gia nhập đơn vị sau mấy ngày:

- | | |
|---------------------|----------|
| 1. Vương Văn Nghiệp | Đội viên |
| 2. Phan Văn Giương | — |
| 3. Hà Châm | — |
| 4. Hà Kỳ | — |
| 5. Hà Sơn | — |
| 6. Hà Học | — |
| 7. Phan Quảng Hiền | — |
| 8. Phan Văn Thái | — |
| 9. Hoàng Văn Nhí | — |
| 10. Trừ Văn Văn | — |

2 -- Danh sách trung đội Cứu quốc quân II trong ngày thành lập (15-9-1941) — Do đồng chí Hứa Đình Khánh cung cấp:

- | Họ và tên | Bí danh | Chức vụ |
|-------------------|------------------|-----------------|
| 1. Chu Văn Tấn | — Chu Văn Trường | Chỉ huy trưởng |
| 2. Lê Dục Tôn | — Lê Văn Lèn | Tiêu đội trưởng |
| 3. Trừ Văn Hòa | — Trừ Văn Thồng | Tiêu đội trưởng |
| 4. Hà Văn Mạnh | — Hà Văn Lôi | — |
| 5. Hứa Đình Khánh | — Hứa Văn Chi | — |

6. Phương Cương — Phương Văn Khìn **Đội viên**
7. Vi Hà Thạch — Vi Văn Cái —
8. Vi Văn Dấu —
9. Hoàng Hồng Long — Hoàng Văn Khâm —
10. Hà Văn Sơn — Hà Văn Út —
11. Phan Quang Hiền — Phan Văn Chặt —
12. Nông Văn Bút — Nông Văn Coóng —
13. Phan Duy Mỹ — Phan Văn Giương —
14. Mông Phúc Quyền — Mông Văn Sinh —
15. Dương Quốc Vinh —
16. Triệu Lim —
17. Triệu Bằng —
18. Đặng Hồng Hải —
19. Chu Phóng — Chu Văn Trục —
20. Phan Văn Thống — Phan Văn Sám —
21. Lê Hiền — Lê Văn Soọc —
22. Hoàng Thị Môn — Hoàng Thị Lê —
23. Hoàng Thị Ngoan — Hoàng Thị La —
24. Đường Thị Ân —
25. Trừ Văn Vần —
26. Phan Văn Bộ — Phan Văn Kim —
27. Phan Cường — Phan Văn Cọ —
28. Vi Hồng Thái — Vi Văn Bằng —
29. Hoàng Văn A — Hoàng Văn Nhi —
30. Hà Châm — Hà Văn Lá —
31. Hà Kỳ — Hà Văn Quéo —
32. Hà Năm — Hà Văn Hương —
33. Hoàng Xuân — Hoàng Văn Noọng —
34. Hoàng Thịnh — Hoàng Văn Cửu —
35. Mông Văn Thơ — Mông Văn Váy —
36. Cam Văn Quyền — Cam Văn Sỏi —
37. Hoàng Tài — Hoàng Văn Thìn —
38. Thái Long — Nông Văn Cún —

MỤC LỤC

Trang

- Lời giới thiệu 5
- *Chương mở đầu* : Huyện Võ Nhai — Quê hương và con người 7
- *Chương I* : Phong trào đấu tranh chống áp bức, bóc lột và sự hình thành cơ sở Đảng (1884 — 1939) 16
- *Chương II* : Đảng bộ Võ Nhai trong cuộc vận động cách mạng tháng tám (1939 — 1945) 29
- *Chương III* : Đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến chống Pháp (4-1945 — 9-1946) 77
- *Chương IV* : Trực tiếp kháng chiến bảo vệ quê hương; chi viện tiền tuyến đánh thắng thực dân Pháp xâm lược (10-1947 — 7-1954) 95
- Kết luận 131
- Phần phụ lục 135
- + Chịu trách nhiệm biên soạn :
- *Chương mở đầu*, chương I, II, III và phần kết luận (Nguyễn Xuân Minh)
- *Chương IV* — (Vũ Thanh Khôi)

In kong và nộ lục châu thưng 10 năm 1993
Số in : 3280. Số xuất bản : 43\VTHTT — TT Bắc Hải
In 1.000 cuốn. Khổ 13×19 cm. Nhà máy in Quân đội

In 1.000 cuốn. Khổ 13×19 tại Nhà máy in Quân đội
Số in: 3280. Số xuất bản: 43/VHTT — TT Bắc Thái
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 1993

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	Đã in	Sửa lại
41	1 ↓	Hứa Văn Chi	Hứa Văn Chi
42	10 ↑	Mệnh lệnh	mệnh lệnh
62	13 ↑	đàn Đình Cả	đàn Đình Cả
71	8 ↓	Bóc đi	Bóc đi
75	5 ↑	Bùi Chí Tâm	Bùi Chí Tâm
108	6 ↑	vở trang	vở trang

